

Số: **12** /2018/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày **28** tháng **9** năm 2018

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng.

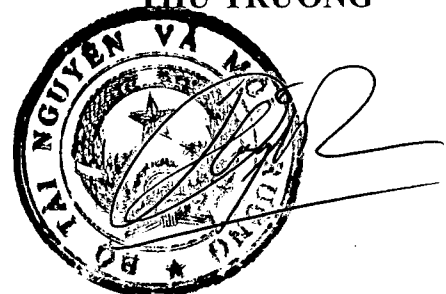
Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng **11** năm 2018.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Sóc Trăng;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐBĐVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI
PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12 /2018/TT-BTNMT
 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phần đất liền phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực phần đất liền tỉnh Sóc Trăng.

2. Danh mục địa danh tỉnh Sóc Trăng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”; TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”; TX. là chữ viết tắt của “thị xã”; H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng” là toạ độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị toạ độ tương ứng theo cột “Toạ độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị toạ độ tương ứng theo 2 cột “Toạ độ điểm đầu” và “Toạ độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hoá ở cột “Địa danh”.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH SÓC TRĂNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Sóc Trăng	3
2	Thị xã Ngã Năm	9
3	Thị xã Vĩnh Châu	16
4	Huyện Châu Thành	25
5	Huyện Cù Lao Dung	32
6	Huyện Kế Sách	40
7	Huyện Long Phú	51
8	Huyện Mỹ Tú	58
9	Huyện Mỹ Xuyên	67
10	Huyện Thạnh Trị	77
11	Huyện Trần Đề	85

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Khóm 1	DC	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 18"	105° 58' 23"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 19"	105° 58' 21"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 20"	105° 58' 13"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 24"	105° 58' 07"					C-48-56-D-d
cầu 30 tháng 4	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 28"	105° 58' 15"					C-48-56-D-d
cầu C247	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 27"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 36' 13"	105° 58' 12"	09° 34' 26"	105° 59' 12"	C-48-56-D-d
đường Hai Bà Trưng	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 36' 25"	105° 58' 25"	09° 36' 13"	105° 58' 19"	C-48-56-D-d
đường Lý Thường Kiệt	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 36' 29"	105° 58' 04"	09° 36' 29"	106° 00' 12"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 36' 29"	105° 58' 04"	09° 35' 42"	105° 58' 56"	C-48-56-D-d
Hoà An Hội Quán (chùa Ông Bồn)	KX	Phường 1	TP. Sóc Trăng	09° 36' 23"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
sông Maspero	TV	Phường 1	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 01"	105° 57' 46"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 36"	105° 57' 47"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 32"	105° 57' 20"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 08"	105° 57' 32"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 20"	105° 57' 51"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 25"	105° 58' 02"					C-48-56-D-d
Khóm 7	DC	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 58"	105° 57' 14"					C-48-56-D-d
cầu Khánh Hưng	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 30"	105° 57' 36"					C-48-56-D-d
cầu Kinh Xáng	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 55"	105° 57' 43"					C-48-56-D-d
chùa Hương Sơn	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 36' 13"	105° 57' 52"					C-48-56-D-d
chùa Vĩnh Hưng	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 40"	105° 58' 01"					C-48-56-D-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 13"	105° 58' 12"	09° 34' 26"	105° 59' 12"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Trung Trực	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 35' 50"	105° 57' 59"	09° 36' 11"	105° 58' 10"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Văn Linh	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 35' 22"	105° 57' 51"	09° 36' 33"	105° 57' 57"	C-48-56-D-d
đường Phú Lợi	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 04"	105° 57' 28"	09° 35' 44"	105° 58' 12"	C-48-56-D-d
đường Trần Bình Trọng	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 35' 52"	105° 57' 57"	09° 36' 12"	105° 58' 07"	C-48-56-D-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 01"	105° 56' 52"	09° 36' 06"	105° 58' 16"	C-48-56-D-d
đường Trương Công Định	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 27"	105° 57' 35"	09° 36' 12"	105° 58' 10"	C-48-56-D-d
đường Tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 37' 58"	105° 57' 07"	09° 34' 05"	105° 56' 47"	C-48-56-D-d
Quốc lộ 1	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-d
tỉnh xá Ngọc Khánh	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 39"	105° 58' 00"					C-48-56-D-d
Trường Quân sự Quân khu 9	KX	Phường 2	TP. Sóc Trăng	09° 35' 15"	105° 57' 39"					C-48-56-D-d
kênh 8 Thước	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-d
kênh Tân Phước-An Tập	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh xáng Xà Lan	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 34"	105° 57' 57"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
rạch Phú Túc	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 36' 16"	105° 56' 18"	09° 36' 17"	105° 57' 22"	C-48-56-D-d
sông Maspero	TV	Phường 2	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 30"	105° 58' 52"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 59"	105° 58' 28"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 54"	105° 58' 25"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 44"	105° 58' 23"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 34"	105° 58' 35"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 36' 03"	105° 58' 21"					C-48-56-D-d
Khóm 7	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 38"	105° 58' 04"					C-48-56-D-d
Khóm 8	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 13"	105° 58' 23"					C-48-56-D-d
Khóm 9	DC	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 34' 38"	105° 58' 11"					C-48-56-D-d
chùa Ma Ha Túp (Chùa Dơi)	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 34' 47"	105° 58' 13"					C-48-56-D-d
chùa Nam Sơn	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 54"	105° 58' 24"					C-48-56-D-d
đền thờ Phật Mẫu	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 57"	105° 58' 34"					C-48-56-D-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 36' 13"	105° 58' 12"	09° 34' 26"	105° 59' 12"	C-48-56-D-d
đường Lê Hồng Phong	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 36' 07"	105° 58' 17"	09° 34' 33"	105° 58' 35"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 35' 53"	105° 58' 20"	09° 36' 10"	105° 58' 26"	C-48-56-D-d
đường Phú Lợi	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 36' 04"	105° 57' 28"	09° 35' 44"	105° 58' 12"	C-48-56-D-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 36' 01"	105° 56' 52"	09° 36' 06"	105° 58' 16"	C-48-56-D-d
Đài truyền hình Sóc Trăng	KX	Phường 3	TP. Sóc Trăng	09° 35' 28"	105° 58' 29"					C-48-56-D-d
kênh 19 tháng 5	TV	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 33' 08"	105° 56' 23"	09° 34' 56"	105° 57' 46"	C-48-56-D-d
kênh Cô Bắc	TV	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 35' 35"	105° 58' 55"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
Kênh Mới	TV	Phường 3	TP. Sóc Trăng			09° 34' 30"	105° 57' 29"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 00"	105° 59' 15"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 05"	105° 58' 52"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 21"	105° 58' 57"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 35' 49"	105° 59' 37"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 35' 50"	106° 00' 48"					C-48-57-C-c
Khóm 6	DC	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 35' 26"	106° 00' 42"					C-48-57-C-c
chùa Pem Buôl Thmây	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 31"	106° 01' 08"					C-48-57-C-c
đường Bạch Đằng	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 26"	106° 01' 16"	09° 34' 32"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 29"	105° 58' 04"	09° 36' 29"	106° 00' 12"	C-48-56-D-d
đường Mạc Đĩnh Chi	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 20"	105° 58' 28"	09° 35' 28"	106° 00' 34"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
tỉnh xá Ngọc Mỹ	KX	Phường 4	TP. Sóc Trăng	09° 36' 00"	105° 59' 19"					C-48-56-D-d
kênh Nhân Lực	TV	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 30"	106° 00' 12"	09° 35' 35"	105° 58' 55"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
kênh Quản Khuôi	TV	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 36' 31"	106° 00' 29"	09° 35' 04"	105° 59' 07"	C-48-57-C-c
sông Maspero	TV	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
sông Saintard	TV	Phường 4	TP. Sóc Trăng			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
Khóm 1	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 02"	105° 58' 53"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 11"	105° 58' 54"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 40"	105° 59' 05"					C-48-56-D-b
Khóm 4	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 39' 03"	105° 59' 24"					C-48-56-D-b
Khóm 5	DC	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 38' 34"	106° 01' 05"					C-48-57-C-a
Bửu Sơn Tự (chùa Đất Sét)	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 36' 56"	105° 58' 42"					C-48-56-D-d
chùa Phước Nghiêm	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 15"	105° 58' 39"					C-48-56-D-d
chùa Som Rông	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng	09° 37' 29"	105° 58' 47"					C-48-56-D-d
đường Lương Đình Của (Quốc lộ 60)	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 39' 30"	105° 59' 56"	09° 38' 30"	105° 59' 30"	C-48-56-D-b
đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 60)	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 38' 30"	105° 59' 30"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
Quốc lộ 60	KX	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
kênh 2 tháng 9	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 38' 11"	106° 01' 02"	09° 37' 30"	105° 59' 06"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
kênh 6 Thước	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 39' 48"	106° 00' 52"	09° 36' 50"	105° 59' 37"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
kênh Chông Chác	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 38' 41"	106° 01' 14"	09° 38' 29"	105° 59' 29"	C-48-56-D-b; C-48-57-C-a
kênh Hồ Nước Ngọt	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 41' 18"	105° 57' 33"	09° 36' 55"	105° 58' 10"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
sông Chông Chác	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 39' 36"	106° 02' 02"	09° 38' 11"	106° 01' 02"	C-48-57-C-a
sông Văn Cơ	TV	Phường 5	TP. Sóc Trăng			09° 38' 26"	106° 02' 37"	09° 38' 42"	105° 59' 05"	C-48-56-D-b
Khóm 1	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 59"	105° 57' 46"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 40"	105° 57' 57"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 33"	105° 58' 10"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 32"	105° 58' 22"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Khóm 5	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 42"	105° 58' 16"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 37' 26"	105° 57' 54"					C-48-56-D-d
cầu 30 tháng 4	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 28"	105° 58' 15"					C-48-56-D-d
cầu C247	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 27"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
cầu Kinh Xáng	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 55"	105° 57' 43"					C-48-56-D-d
chùa Khleáng	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 40"	105° 58' 31"					C-48-56-D-d
chùa Long Hưng	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 47"	105° 57' 52"					C-48-56-D-d
chùa Từ Thuyền	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 36"	105° 58' 06"					C-48-56-D-d
đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 60)	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 38' 30"	105° 59' 30"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-56-D-d
Khu văn hoá Hồ Nước Ngọt	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 49"	105° 58' 13"					C-48-56-D-d
Quốc lộ 1	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-d
Quốc lộ 60	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-d
Trường Tabred (Trường PTTH iSchool Sóc Trăng)	KX	Phường 6	TP. Sóc Trăng	09° 36' 33"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
kênh 30 tháng 4	TV	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
kênh Hồ Nước Ngọt	TV	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 41' 18"	105° 57' 33"	09° 36' 55"	105° 58' 10"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
sông Maspero	TV	Phường 6	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 27"	105° 57' 29"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 58"	105° 57' 09"					C-48-56-D-b
Khóm 3	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 39"	105° 57' 09"					C-48-56-D-b
Khóm 4	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 45"	105° 57' 05"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 51"	105° 56' 48"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 23"	105° 57' 17"					C-48-56-D-d
cầu Khánh Hưng	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 30"	105° 57' 36"					C-48-56-D-d
cầu Kinh Xáng	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 55"	105° 57' 43"					C-48-56-D-d
chùa Năng Nhon	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 46"	105° 57' 13"					C-48-56-D-b
chùa Pô Thi Satha Ram (chùa Sóc Vồ)	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 21"	105° 56' 47"					C-48-56-D-d
Di tích lịch sử văn hoá Địa điểm Chiến thắng Bô Tháo	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 37' 03"	105° 56' 36"					C-48-56-D-d
đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 36' 31"	105° 57' 36"	09° 37' 00"	105° 56' 34"	C-48-56-D-d
đường Tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 37' 58"	105° 57' 07"	09° 34' 05"	105° 56' 47"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
Đường tỉnh 938	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 37' 00"	105° 56' 34"	09° 33' 36"	105° 48' 11"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Quốc lộ 1	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
Quốc lộ 60	KX	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-b
cổng Bồ Thào	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng	09° 36' 27"	105° 57' 20"					C-48-56-D-d
kênh 30 tháng 4	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh 8 Thước	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-d
kênh Hồ Nước Ngọt	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 41' 18"	105° 57' 33"	09° 36' 55"	105° 58' 10"	C-48-56-D-b
kênh Phú Tức	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
kênh Tân Phước-An Tập	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-d
kênh xáng Xà Lan	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 36' 33"	105° 57' 56"	09° 35' 49"	105° 54' 06"	C-48-56-D-d
rạch Phú Tức	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 36' 16"	105° 56' 18"	09° 36' 17"	105° 57' 22"	C-48-56-D-d
sông Maspero	TV	Phường 7	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
Khóm 1	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 36"	105° 58' 41"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 44"	105° 58' 38"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 02"	106° 00' 37"					C-48-57-C-c
Khóm 4	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 29"	105° 59' 03"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 38"	106° 00' 37"					C-48-57-C-c
Khóm 6	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 46"	106° 01' 36"					C-48-57-C-c
Khóm 7	DC	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 20"	106° 01' 35"					C-48-57-C-c
cầu C247	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 36' 27"	105° 58' 26"					C-48-56-D-d
cầu Saintard	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 30"	106° 02' 08"					C-48-57-C-c
cầu Xã Xiêng	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 13"	106° 01' 19"					C-48-57-C-c
chùa Peam Buôl Chăs	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 15"	106° 01' 25"					C-48-57-C-c
đường Phạm Hùng	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 37' 30"	106° 02' 07"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d; C-48-57-C-a
đường Tôn Đức Thắng	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 38' 30"	105° 59' 30"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 933	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
Nhà máy Đường Sóc Trăng	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng	09° 37' 38"	106° 02' 02"					C-48-57-C-c
Quốc lộ 60	KX	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-d
kênh 2 tháng 9	TV	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 38' 11"	106° 01' 02"	09° 37' 30"	105° 59' 06"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
kênh 6 Thước	TV	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 39' 48"	106° 00' 52"	09° 36' 50"	105° 59' 37"	C-48-57-D-b; C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Maspero	TV	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 37' 52"	105° 57' 02"	09° 36' 22"	106° 01' 18"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
sông Saintard	TV	Phường 8	TP. Sóc Trăng			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-c
Khóm 1	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 16"	105° 58' 29"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 12"	105° 58' 30"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 06"	105° 58' 39"					C-48-56-D-d
Khóm 4	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 35' 51"	105° 58' 44"					C-48-56-D-d
Khóm 5	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 35' 14"	105° 59' 05"					C-48-56-D-d
Khóm 6	DC	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 35' 24"	106° 00' 28"					C-48-57-C-c
chùa Đại Giác	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 00"	105° 58' 39"					C-48-56-D-d
chùa Quan Âm	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 35' 55"	105° 58' 43"					C-48-56-D-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 13"	105° 58' 12"	09° 34' 26"	105° 59' 12"	C-48-56-D-d
đường Bạch Đằng	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 26"	106° 01' 16"	09° 34' 32"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
đường Mạc Đĩnh Chi	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 20"	105° 58' 28"	09° 35' 28"	106° 00' 34"	C-48-56-D-d
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 29"	105° 58' 04"	09° 35' 42"	105° 58' 56"	C-48-56-D-d
hội quán Hưng Hoà Tự	KX	Phường 9	TP. Sóc Trăng	09° 36' 18"	105° 58' 29"					C-48-56-D-d
kênh 3 tháng 2	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 35' 53"	105° 59' 14"	09° 34' 43"	105° 59' 42"	C-48-56-D-d
kênh Bắc Tà Ky	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 34' 46"	105° 59' 13"	09° 33' 43"	105° 59' 41"	C-48-56-D-d
kênh Cô Bắc	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 35' 35"	105° 58' 55"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
kênh Nhân Lực	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 30"	106° 00' 12"	09° 35' 35"	105° 58' 55"	C-48-56-D-d
kênh Quán Khuôi	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 36' 31"	106° 00' 29"	09° 35' 04"	105° 59' 07"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
kênh Ranh Phường 9	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 34' 43"	105° 59' 42"	09° 34' 33"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d
sông Saintard	TV	Phường 9	TP. Sóc Trăng			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
khóm Tâm Trung	DC	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 34' 17"	105° 56' 58"					C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 34' 02"	105° 57' 47"					C-48-56-D-d
Khóm 2	DC	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 34' 09"	105° 56' 49"					C-48-56-D-d
Khóm 3	DC	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 35' 12"	105° 56' 59"					C-48-56-D-d
chùa Chrôi Tùm Chäs	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng	09° 34' 27"	105° 57' 11"					C-48-56-D-d
đường An Dương Vương	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 33' 37"	105° 57' 52"	C-48-56-D-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 36' 01"	105° 56' 52"	09° 36' 06"	105° 58' 16"	C-48-56-D-d
đường Tuyến tránh Quốc lộ 1	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 37' 58"	105° 57' 07"	09° 34' 05"	105° 56' 47"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 934	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d
Quốc lộ 1	KX	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-d
kênh 19 tháng 5	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 33' 08"	105° 56' 23"	09° 34' 56"	105° 57' 46"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh 8 Thước	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-d
kênh Phú Thuận-Thị Trấn	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 34' 26"	105° 58' 18"	09° 29' 54"	105° 52' 33"	C-48-56-D-d
kênh Phú Tức	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
Kênh Mới	TV	Phường 10	TP. Sóc Trăng			09° 34' 30"	105° 57' 29"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
Khóm 1	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 51"	105° 35' 44"					C-48-56-C-c
Khóm 2	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 20"	105° 35' 29"					C-48-56-C-c
Khóm 3	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 08"	105° 37' 06"					C-48-56-C-c
Khóm 4	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 50"	105° 37' 18"					C-48-56-C-c
Khóm 5	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 29"	105° 36' 12"					C-48-56-C-c
Khóm 6	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 31"	105° 35' 44"					C-48-56-C-c
Khóm 7	DC	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 33"	105° 36' 27"					C-48-56-C-c
chợ Nôi Ngã Năm	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 00"	105° 35' 43"					C-48-56-C-c
chùa Ba Ngõ	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 35' 13"	105° 36' 10"					C-48-56-C-c
chùa Giác Hương	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 38"	105° 35' 13"					C-48-56-C-c
chùa Ông Bốn	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 02"	105° 35' 34"					C-48-56-C-c
chùa Tịnh Độ	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 50"	105° 35' 57"					C-48-56-C-c
chùa Vĩnh Thạnh	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 34' 53"	105° 36' 01"					C-48-56-C-c
Di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Chi khu Ngã Năm	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 55"	105° 35' 55"					C-48-56-C-c
Quốc lộ 61B	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
Quốc lộ Quản Lộ-Phụng Hiệp	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-C-c
tịnh xá Ngọc Thạnh	KX	Phường 1	TX. Ngã Năm	09° 33' 44"	105° 35' 31"					C-48-56-C-c
kênh Bến Long	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 34' 38"	105° 36' 27"	09° 34' 09"	105° 38' 34"	C-48-56-C-c
kênh Cái Bè	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 32' 57"	105° 37' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 09"	C-48-56-C-c
kênh Cống Sắt	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 34' 53"	105° 37' 45"	09° 34' 53"	105° 38' 17"	C-48-56-C-d
kênh Cơ Ba	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 12"	105° 37' 07"	09° 31' 22"	105° 36' 52"	C-48-56-C-c
kênh Dân Quân	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 25"	105° 36' 45"	09° 32' 15"	105° 36' 12"	C-48-56-C-c
kênh Huỳnh Yến	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 28' 10"	105° 33' 58"	09° 33' 27"	105° 35' 11"	C-48-56-C-c
kênh Mười Qườn	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 03"	105° 36' 03"	09° 33' 38"	105° 36' 22"	C-48-56-C-c
kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-c
kênh Tư Bí	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 35' 21"	105° 36' 16"	09° 34' 53"	105° 37' 45"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
kênh xáng Ngã Năm-Phú Lộc	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
Kênh 90	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 33"	105° 36' 30"	09° 30' 04"	105° 34' 58"	C-48-56-C-c
Kênh Ngang	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 18"	105° 35' 33"	09° 32' 41"	105° 36' 42"	C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh xáng Chim	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 36' 14"	105° 35' 35"	09° 34' 01"	105° 35' 43"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
rạch Đường Trâu	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 34' 29"	105° 34' 59"	09° 33' 37"	105° 35' 18"	C-48-56-C-c
rạch Lục Bà Tham	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 35' 06"	105° 35' 24"	09° 35' 23"	105° 34' 30"	C-48-56-C-c
rạch Tám Giai	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 33' 01"	105° 36' 02"	09° 33' 47"	105° 36' 06"	C-48-56-C-c
rạch Xèo Cay	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 36' 01"	105° 35' 38"	09° 33' 46"	105° 36' 36"	C-48-56-C-c
rạch Xèo Chít	TV	Phường 1	TX. Ngã Năm			09° 35' 02"	105° 33' 30"	09° 34' 01"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
khóm Tân Chánh	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 35' 33"	105° 39' 21"					C-48-56-C-d
khóm Tân Chánh A	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 35' 16"	105° 39' 56"					C-48-56-C-d
khóm Tân Phú	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 36' 24"	105° 35' 38"					C-48-56-C-c
khóm Tân Quới	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 35' 47"	105° 37' 41"					C-48-56-C-d
khóm Tân Quới A	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 35' 18"	105° 37' 03"					C-48-56-C-c
khóm Tân Thạnh	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 36' 57"	105° 36' 07"					C-48-56-C-c
khóm Tân Thành	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 36' 28"	105° 38' 25"					C-48-56-C-d
khóm Tân Thành A	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 36' 54"	105° 38' 46"					C-48-56-C-d
khóm Tân Thạnh A	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 10"	105° 38' 05"					C-48-56-C-d
khóm Tân Trung	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 34' 10"	105° 38' 38"					C-48-56-C-d
Khóm 1	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 22"	105° 39' 29"					C-48-56-C-d
Khóm 2	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 38' 26"	105° 39' 42"					C-48-56-C-b
Khóm 3	DC	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 07"	105° 40' 08"					C-48-56-C-d
chùa Bửu Long	KX	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 14"	105° 39' 37"					C-48-56-C-d
nhà thờ Trà Cú	KX	Phường 2	TX. Ngã Năm	09° 37' 37"	105° 38' 47"					C-48-56-C-b
Quốc lộ 61B	KX	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
Quốc lộ Quản Lộ-Phụng Hiệp	KX	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-C-b; C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
kênh 26 tháng 3	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 12"	105° 36' 31"	09° 37' 27"	105° 38' 58"	C-48-56-C-d
kênh 3 Thước	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 39"	105° 39' 31"	09° 36' 36"	105° 40' 16"	C-48-56-C-d
kênh 8 tháng 3	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 18"	105° 39' 35"	09° 35' 45"	105° 38' 11"	C-48-56-C-d
kênh Bà Cà	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 28"	105° 38' 15"	09° 36' 52"	105° 38' 46"	C-48-56-C-d
kênh Ba Dừa	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 33"	105° 38' 36"	09° 37' 05"	105° 38' 59"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-b
kênh Bà Mười	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 03"	105° 37' 56"	09° 35' 12"	105° 38' 37"	C-48-56-C-d
kênh Bến Long	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 38"	105° 36' 27"	09° 34' 09"	105° 38' 34"	C-48-56-C-d
kênh Bình Hưng	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 05"	105° 40' 19"	09° 31' 48"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
kênh Cống Sắt	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 53"	105° 37' 45"	09° 34' 53"	105° 38' 17"	C-48-56-C-d
kênh Lam Sơn	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 59"	105° 39' 14"	09° 34' 08"	105° 39' 11"	C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Lâm Trà	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 14"	105° 37' 04"	09° 35' 06"	105° 39' 53"	C-48-56-C-d
kênh Lung Giữa	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 59"	105° 39' 54"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
kênh Mỹ Lợi	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 15"	105° 39' 43"	09° 35' 08"	105° 39' 21"	C-48-56-C-d
kênh Nước Ngọt	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 09"	105° 38' 34"	09° 34' 05"	105° 40' 54"	C-48-56-C-d
kênh Quán Lộ-Phụng Hiệp	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c; C-48-56-C-b
kênh Số 9	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 07"	105° 39' 38"	09° 37' 09"	105° 40' 01"	C-48-56-C-d
kênh Thủy Lợi	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 35"	105° 39' 51"	09° 34' 36"	105° 39' 12"	C-48-56-C-d
kênh Trà Cú	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 37' 13"	105° 38' 04"	09° 36' 21"	105° 38' 12"	C-48-56-C-d
kênh Trâm Bầu	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 09"	105° 39' 05"	09° 36' 38"	105° 39' 10"	C-48-56-C-d
kênh Tư Bí	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 21"	105° 36' 16"	09° 34' 53"	105° 37' 45"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
kênh U Quên	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 54"	105° 39' 53"	09° 35' 52"	105° 43' 35"	C-48-56-C-d
kênh xáng Mỹ Phước	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 33' 55"	105° 47' 44"	09° 37' 34"	105° 38' 41"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-b
kênh Xèo Chiếc	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 35' 50"	105° 37' 40"	09° 35' 48"	105° 36' 34"	C-48-56-C-c; C-48-56-C-d
kênh Xèo Ngựa	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 58"	105° 36' 58"	09° 35' 50"	105° 37' 20"	C-48-56-C-c
Kênh 500	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 33' 47"	105° 39' 32"	09° 35' 07"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
Kênh xáng Chìm	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 14"	105° 35' 35"	09° 34' 01"	105° 35' 43"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
rạch Bàu Tượng	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 34' 45"	105° 37' 55"	09° 34' 59"	105° 39' 14"	C-48-56-C-d
rạch Ca Rê	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 38' 33"	105° 39' 55"	09° 38' 04"	105° 40' 01"	C-48-56-C-b
rạch Xèo Cạy	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 36' 01"	105° 35' 38"	09° 33' 46"	105° 36' 36"	C-48-56-C-c
sông Cái Trầu	TV	Phường 2	TX. Ngã Năm			09° 38' 34"	105° 39' 55"	09° 35' 13"	105° 32' 38"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
khóm Mỹ Thanh	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 30' 30"	105° 35' 09"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Hậu	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 29' 43"	105° 33' 26"					C-48-68-A-a
khóm Vĩnh Mỹ	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 33' 08"	105° 34' 54"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Sử	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 30' 44"	105° 34' 30"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Tiền	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 31' 34"	105° 33' 15"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Bình	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 31' 53"	105° 35' 56"					C-48-56-C-c
khóm Vĩnh Trung	DC	Phường 3	TX. Ngã Năm	09° 32' 22"	105° 35' 30"					C-48-56-C-c
Quốc lộ Quán Lộ-Phụng Hiệp	KX	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-C-c
kênh Bà Liếm	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 32' 43"	105° 35' 04"	09° 32' 15"	105° 36' 01"	C-48-56-C-c
kênh Cơ Ba	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 33' 12"	105° 37' 07"	09° 31' 22"	105° 36' 52"	C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Dân Quân	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 33' 25"	105° 36' 45"	09° 32' 15"	105° 36' 12"	C-48-56-C-c
kênh Hai Góc Tre	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 30' 03"	105° 34' 57"	09° 29' 27"	105° 34' 11"	C-48-56-C-c; C-48-68-A-a
kênh Hai Mũi	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 33' 01"	105° 36' 02"	09° 32' 39"	105° 36' 20"	C-48-56-C-c
kênh Huỳnh Yến	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 28' 10"	105° 33' 58"	09° 33' 27"	105° 35' 11"	C-48-56-C-c
kênh Làng Mới	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 49"	105° 33' 28"	09° 29' 46"	105° 33' 29"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
kênh Nàng Rền	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
kênh Năm Kiệu	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 25"	105° 33' 02"	09° 29' 45"	105° 33' 05"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
kênh Năm Máo	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 08"	105° 35' 05"	09° 31' 41"	105° 34' 43"	C-48-56-C-c
kênh Quán Lộ-Phụng Hiệp	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-c
Kênh 90	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 33' 33"	105° 36' 30"	09° 30' 04"	105° 34' 58"	C-48-56-C-c
Kênh Ngang	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 30' 36"	105° 34' 30"	09° 29' 47"	105° 36' 13"	C-48-56-C-c
rạch Chòm Tre	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 29' 46"	105° 33' 23"	09° 28' 15"	105° 33' 17"	C-48-68-A-a
rạch Cống Nhà Thờ	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 32' 46"	105° 35' 04"	09° 32' 46"	105° 34' 27"	C-48-56-C-c
rạch Lung Sen	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 32' 19"	105° 35' 42"	09° 31' 28"	105° 35' 01"	C-48-56-C-c
rạch Sáu Nhỏ	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 23"	105° 36' 15"	09° 31' 18"	105° 35' 43"	C-48-56-C-c
rạch Tuấn Hón	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 31' 28"	105° 33' 52"	09° 31' 30"	105° 34' 39"	C-48-56-C-c
rạch Xóm Lá	TV	Phường 3	TX. Ngã Năm			09° 29' 44"	105° 32' 45"	09° 29' 44"	105° 34' 15"	C-48-68-A-a
ấp Long Phước	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 33' 22"	105° 38' 31"					C-48-56-C-d
ấp Mỹ Hiệp	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 32' 04"	105° 36' 56"					C-48-56-C-c
ấp Mỹ Hoà	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 30' 53"	105° 36' 46"					C-48-56-C-c
ấp Mỹ Hương	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 32' 40"	105° 37' 59"					C-48-56-C-d
ấp Tân Bình	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 33' 01"	105° 37' 32"					C-48-56-C-d
ấp Tân Trung	DC	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 34' 00"	105° 37' 32"					C-48-56-C-d
chùa Hưng Bình Tự	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 32' 44"	105° 38' 01"					C-48-56-C-d
chùa Long Phước	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 32' 24"	105° 38' 36"					C-48-56-C-d
chùa Phước Quang	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 33' 07"	105° 38' 29"					C-48-56-C-d
chùa Vĩnh Sơn	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 34' 06"	105° 39' 10"					C-48-56-C-d
Phân trường Thanh Trị	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm	09° 31' 16"	105° 37' 53"					C-48-56-C-d
Quốc lộ 61B	KX	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
kênh Bảo Liên	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 31"	105° 39' 06"	09° 32' 51"	105° 39' 00"	C-48-56-C-d
kênh Bảy Thung	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 21"	105° 38' 37"	09° 29' 50"	105° 37' 31"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Ba Kiệt	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 50"	105° 39' 17"	09° 32' 04"	105° 39' 13"	C-48-56-C-d
kênh Bến Long	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 34' 38"	105° 36' 27"	09° 34' 09"	105° 38' 34"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
kênh Bờ Bao	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 31' 27"	105° 37' 13"	09° 31' 26"	105° 37' 13"	C-48-56-C-c
kênh Cái Bè	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 57"	105° 37' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 09"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
kênh Cơ Ba	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 12"	105° 37' 07"	09° 31' 22"	105° 36' 52"	C-48-56-C-c
kênh Dân Quân	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 29"	105° 39' 46"	09° 33' 41"	105° 37' 11"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
kênh Hai Giá	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 51"	105° 39' 00"	09° 32' 49"	105° 40' 43"	C-48-56-C-d
kênh Năm Quảng	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 30"	105° 39' 31"	09° 33' 47"	105° 39' 32"	C-48-56-C-d
kênh Nước Ngọt	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 34' 09"	105° 38' 34"	09° 34' 05"	105° 40' 54"	C-48-56-C-d
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 34' 08"	105° 39' 16"	09° 33' 31"	105° 39' 14"	C-48-56-C-d
kênh Trung Nguơn	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 34' 08"	105° 38' 34"	09° 32' 51"	105° 39' 00"	C-48-56-C-d
kênh xáng Ngã Năm-Phú Lộc	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-56-C-d; C-48-56-C-c
Kênh 500	TV	xã Long Bình	TX. Ngã Năm			09° 33' 47"	105° 39' 32"	09° 35' 07"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
ấp Cơi Nhì	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 27' 27"	105° 35' 47"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Lộc 2	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 28' 48"	105° 36' 20"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Phước	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 29' 36"	105° 36' 02"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tân	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 28' 55"	105° 34' 09"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Lộc 1	DC	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm	09° 28' 52"	105° 35' 16"					C-48-68-A-a
Đường tỉnh 937B	KX	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-a
kênh 19 tháng 5B	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 25' 53"	105° 35' 23"	09° 28' 41"	105° 36' 52"	C-48-68-A-a
kênh Cái Bè	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 32' 57"	105° 37' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 09"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
kênh Hai Góc Tre	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 30' 03"	105° 34' 57"	09° 29' 27"	105° 34' 11"	C-48-68-A-a
kênh Huỳnh Yên	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 28' 10"	105° 33' 58"	09° 33' 27"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
kênh Lung Sen	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 29' 05"	105° 35' 34"	09° 28' 42"	105° 37' 13"	C-48-68-A-a
kênh Nàng Rền	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 30' 36"	105° 34' 30"	09° 29' 47"	105° 36' 13"	C-48-68-A-a; C-48-56-C-c
rạch Ba Cui	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 27' 01"	105° 35' 23"	09° 27' 32"	105° 35' 25"	C-48-68-A-a
rạch Mười Gà	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 27' 32"	105° 35' 25"	09° 28' 29"	105° 34' 55"	C-48-68-A-a
rạch Mười Lửa	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 28' 05"	105° 37' 29"	09° 28' 43"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
sông Cơi Nhì	TV	xã Mỹ Bình	TX. Ngã Năm			09° 27' 05"	105° 36' 01"	09° 27' 01"	105° 35' 23"	C-48-68-A-a
ấp Mỹ Đông I	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 19"	105° 34' 54"					C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Đông II	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 52"	105° 35' 04"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tây A	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 11"	105° 33' 40"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tây B	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 11"	105° 33' 11"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Thành	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 16"	105° 34' 38"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Thọ	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 27' 49"	105° 34' 06"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tường A	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 50"	105° 32' 51"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tường B	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 27' 23"	105° 33' 44"					C-48-68-A-a
ấp Mỹ Tường I	DC	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 02"	105° 33' 35"					C-48-68-A-a
chùa Kha Na Rôn	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 14"	105° 32' 34"					C-48-68-A-a
Di tích lịch sử Căn cứ Huyện uỷ Thạnh Trị-Ngã Năm	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 19"	105° 35' 07"					C-48-68-A-a
Đường tỉnh 937B	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-a
miếu Bà Chúa Xứ Mỹ Đông	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 18"	105° 34' 52"					C-48-68-A-a
thánh thất Minh Tiên	KX	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 28' 15"	105° 32' 51"					C-48-68-A-a
đầm Tám Quế	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm	09° 26' 37"	105° 33' 38"					C-48-68-A-a
kênh 19 tháng 5B	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 53"	105° 35' 23"	09° 28' 41"	105° 36' 52"	C-48-68-A-a
kênh Ba Cui	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 27' 00"	105° 35' 22"	09° 26' 39"	105° 34' 36"	C-48-68-A-a
kênh Cái Bè	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 32' 57"	105° 37' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 09"	C-48-68-A-a
kênh Huỳnh Yên	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 28' 10"	105° 33' 58"	09° 33' 27"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
kênh Miếu Tà Trắng	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 16"	105° 34' 22"	09° 25' 59"	105° 35' 18"	C-48-68-A-a
kênh Ngan Dừa-Cầu Sập	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 24' 45"	105° 34' 43"	09° 27' 06"	105° 32' 36"	C-48-68-A-a
kênh Rọc Lá	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 27' 56"	105° 34' 06"	09° 26' 27"	105° 33' 12"	C-48-68-A-a
kênh Sáu Lục	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 16"	105° 34' 19"	09° 26' 29"	105° 34' 39"	C-48-68-A-a
kênh Tám Quế	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 26' 04"	105° 33' 32"	09° 26' 53"	105° 34' 17"	C-48-68-A-a
Kênh Cùg	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 18"	105° 34' 21"	09° 25' 48"	105° 34' 24"	C-48-68-A-a
rạch Ba Cui	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 27' 01"	105° 35' 23"	09° 27' 32"	105° 35' 25"	C-48-68-A-a
rạch Chôm Tre	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 29' 46"	105° 33' 23"	09° 28' 15"	105° 33' 17"	C-48-68-A-a
rạch Mười Gà	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 27' 32"	105° 35' 25"	09° 28' 29"	105° 34' 55"	C-48-68-A-a
rạch Mỹ Tây	TV	xã Mỹ Quới	TX. Ngã Năm			09° 28' 19"	105° 32' 33"	09° 27' 59"	105° 34' 08"	C-48-68-A-a
ấp Long An	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 32' 00"	105° 39' 10"					C-48-56-C-d
ấp Long Hoà	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 33' 15"	105° 39' 43"					C-48-56-C-d
ấp Long Thành	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 09"	105° 40' 41"					C-48-56-C-d
ấp Long Thạnh	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 34"	105° 40' 06"					C-48-56-C-d
ấp Tân Chánh C	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 33' 42"	105° 39' 48"					C-48-56-C-d
Ấp 18	DC	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 30' 23"	105° 38' 25"					C-48-56-C-d
cầu Ba Bọng	KX	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 49"	105° 39' 38"					C-48-56-C-d
cầu Cái Trầu	KX	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 28"	105° 40' 17"					C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Hải Trường	KX	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 32"	105° 40' 24"					C-48-56-C-d
Quốc lộ 61B	KX	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-d
giếng Bao Từ	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm	09° 31' 59"	105° 40' 12"					C-48-56-C-d
kênh 26 tháng 3	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 31' 27"	105° 40' 13"	09° 29' 33"	105° 38' 04"	C-48-68-A-b; C-48-56-C-d
kênh Bảo Liên	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 31"	105° 39' 06"	09° 32' 51"	105° 39' 00"	C-48-56-C-d
kênh Bảy Thung	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 21"	105° 38' 37"	09° 29' 50"	105° 37' 31"	C-48-68-A-b; C-48-56-C-d
kênh Ba Khôi	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 51"	105° 39' 33"	09° 31' 13"	105° 38' 40"	C-48-56-C-d
kênh Ba Kiệt	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 50"	105° 39' 17"	09° 32' 04"	105° 39' 13"	C-48-56-C-d
kênh Bình Hưng	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 37' 05"	105° 40' 19"	09° 31' 48"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
kênh Bờ Bao	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 22"	105° 39' 41"	09° 32' 22"	105° 40' 51"	C-48-56-C-d
kênh Cái Trầu	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 10"	105° 46' 12"	09° 31' 28"	105° 40' 17"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Đen	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 31' 44"	105° 41' 04"	09° 33' 45"	105° 40' 53"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Xéo	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 19"	105° 40' 26"	09° 31' 30"	105° 40' 22"	C-48-56-C-d
kênh Chánh Sạn	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 39"	105° 41' 10"	09° 29' 36"	105° 39' 53"	C-48-56-C-d
kênh Cosxanen	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 07"	105° 39' 00"	09° 29' 33"	105° 38' 03"	C-48-68-A-b; C-48-56-C-d
kênh Dân Quân	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 29"	105° 39' 46"	09° 33' 41"	105° 37' 11"	C-48-56-C-d
kênh Giao Liên	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 02"	105° 39' 02"	09° 32' 59"	105° 39' 41"	C-48-56-C-d
kênh Hai Giá	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 51"	105° 39' 00"	09° 32' 49"	105° 40' 43"	C-48-56-C-d
kênh Lát Chiếu	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 23"	105° 42' 04"	09° 32' 05"	105° 42' 04"	C-48-56-C-d
kênh Lung Giữa	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 34' 59"	105° 39' 54"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
kênh Minh Luân	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 47"	105° 41' 00"	09° 30' 40"	105° 40' 25"	C-48-56-C-d
kênh Nhà Thờ	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 29' 33"	105° 38' 03"	09° 28' 42"	105° 37' 13"	C-48-68-A-b
kênh Nước Ngọt	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 34' 09"	105° 38' 34"	09° 34' 05"	105° 40' 54"	C-48-56-C-d
kênh Ông Tào	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 36"	105° 41' 15"	09° 32' 12"	105° 42' 29"	C-48-56-C-d
kênh Sáu Hạng	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 30' 40"	105° 40' 25"	09° 30' 51"	105° 39' 33"	C-48-56-C-d
kênh Tây Tàu	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 31' 55"	105° 42' 10"	09° 31' 49"	105° 41' 20"	C-48-56-C-d
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 34' 35"	105° 39' 51"	09° 34' 36"	105° 39' 12"	C-48-56-C-d
kênh U Quên	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 34' 54"	105° 39' 53"	09° 35' 52"	105° 43' 35"	C-48-56-C-d
kênh xáng Ngã Năm-Phú Lộc	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-56-C-d
Kênh 500	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 47"	105° 39' 32"	09° 35' 07"	105° 39' 38"	C-48-56-C-d
Kênh Bao	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 32' 29"	105° 42' 23"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
Kênh Tư	TV	xã Tân Long	TX. Ngã Năm			09° 33' 26"	105° 39' 46"	09° 33' 22"	105° 42' 00"	C-48-56-C-d
ấp Vĩnh Đồng	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 34' 03"	105° 33' 12"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Hoà	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 35' 33"	105° 33' 35"					C-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Vĩnh Kiên	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 36' 42"	105° 34' 58"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Phong	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 33' 04"	105° 34' 40"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 31' 43"	105° 33' 16"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Thuận	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 35' 00"	105° 33' 52"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Trung	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 35' 20"	105° 35' 13"					C-48-56-C-c
ấp Vĩnh Thanh	DC	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 34' 27"	105° 34' 07"					C-48-56-C-c
chùa Ô Chum-Prêk Chêk	KX	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm	09° 34' 48"	105° 34' 32"					C-48-56-C-c
Quốc lộ 61B	KX	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
kênh Chiến Lũy	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 01"	105° 33' 30"	09° 31' 53"	105° 33' 29"	C-48-56-C-c
kênh Làng Mới	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 00"	105° 33' 08"	09° 34' 16"	105° 33' 08"	C-48-56-C-c
kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-c
kênh Tư Toạn	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 35' 53"	105° 34' 07"	09° 35' 39"	105° 33' 30"	C-48-56-C-c
kênh Vĩnh Khương	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 34' 31"	105° 33' 33"	09° 34' 17"	105° 33' 08"	C-48-56-C-c
Kênh Làng	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 31' 21"	105° 32' 55"	09° 32' 59"	105° 33' 05"	C-48-56-C-c
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 30"	105° 33' 36"	09° 32' 25"	105° 34' 02"	C-48-56-C-c
Kênh xáng Chìm	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 36' 14"	105° 35' 35"	09° 34' 01"	105° 35' 43"	C-48-56-C-c
rạch Bàu Nhum	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 14"	105° 33' 28"	09° 35' 49"	105° 33' 19"	C-48-56-C-c
rạch Đường Chùa	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 42"	105° 34' 28"	09° 34' 47"	105° 34' 35"	C-48-56-C-c
rạch Đường Trâu	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 34' 29"	105° 34' 59"	09° 33' 37"	105° 35' 18"	C-48-56-C-c
rạch Lục Bà Tham	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 35' 06"	105° 35' 24"	09° 35' 23"	105° 34' 30"	C-48-56-C-c
rạch Ngang Kè	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 34' 17"	105° 33' 08"	09° 35' 13"	105° 32' 39"	C-48-56-C-c
rạch Sóc Sãi	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 33' 02"	105° 33' 29"	09° 32' 59"	105° 33' 06"	C-48-56-C-c
rạch Xẻo Chít	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 35' 02"	105° 33' 30"	09° 34' 01"	105° 35' 42"	C-48-56-C-c
rạch Xẻo Gổ	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 35' 57"	105° 35' 36"	09° 36' 14"	105° 34' 00"	C-48-56-C-c
rạch Xẻo Sãi	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 34' 56"	105° 34' 08"	09° 33' 43"	105° 33' 35"	C-48-56-C-c
sông Cái Trâu	TV	xã Vĩnh Quới	TX. Ngã Năm			09° 38' 34"	105° 39' 55"	09° 35' 13"	105° 32' 38"	C-48-56-C-c
Khóm 1	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 31"	105° 58' 31"					C-48-68-B-d
Khóm 2	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 55"	105° 58' 41"					C-48-68-B-d
Khóm 3	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 44"	105° 58' 55"					C-48-68-B-d
Khóm 4	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 29"	105° 58' 58"					C-48-68-B-d
Khóm 5	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 10"	105° 59' 02"					C-48-68-B-d
Khóm 6	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 48"	105° 58' 27"					C-48-68-B-d
Khóm 7	DC	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 58"	105° 58' 42"					C-48-68-B-d
cầu Vĩnh Châu	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 38"	105° 58' 43"					C-48-68-B-d
chùa Đôl Tru	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 22"	105° 59' 12"					C-48-68-B-d
cổ miếu Thanh Minh	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 25"	105° 58' 11"					C-48-68-B-d
đường 30 tháng 4	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 29"	105° 58' 44"	09° 19' 19"	105° 58' 46"	C-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 29"	105° 58' 44"	09° 19' 22"	105° 58' 00"	C-48-68-B-d
Đường tỉnh 935	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-c
miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 34"	105° 59' 02"					C-48-68-B-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-d
kênh Giồng Dú	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 59' 17"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-68-B-d
kênh Vĩnh Châu	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 42"	105° 58' 04"	09° 20' 25"	105° 59' 17"	C-48-68-B-d
Kênh 700	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 15' 13"	105° 49' 24"	09° 18' 24"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
Kênh Mới	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 40"	105° 58' 21"	09° 19' 42"	105° 58' 04"	C-48-68-B-d
Kênh Râu	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 18"	105° 58' 16"	09° 21' 49"	106° 00' 04"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-c
Kênh Sườn	TV	Phường 1	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 43"	105° 49' 14"	09° 19' 21"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
khóm Cà Lãng A	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 40"	106° 00' 26"					C-48-69-A-c
khóm Cà Lãng A Biển	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 01"	106° 00' 48"					C-48-69-A-c
khóm Cà Lãng B	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 55"	106° 02' 06"					C-48-69-A-c
khóm Cà Săng	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 46"	105° 59' 41"					C-48-68-B-d
khóm Đại Rụng	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 28"	106° 01' 00"					C-48-69-A-c
khóm Giồng Me	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 37"	106° 01' 59"					C-48-69-A-c
khóm Sân Chim	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 01"	106° 02' 32"					C-48-69-A-c
khóm Soài Côn	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 46"	106° 00' 38"					C-48-69-A-c
khóm Vĩnh An	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 44"	106° 00' 45"					C-48-69-A-c
khóm Vĩnh Bình	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 51"	106° 01' 27"					C-48-69-A-c
khóm Vĩnh Trung	DC	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 08"	106° 02' 19"					C-48-69-A-c
chùa Cro Săng	KX	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 46"	105° 59' 54"					C-48-68-B-d
chùa Sa La Pô Thi	KX	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 37"	106° 01' 48"					C-48-69-A-c
chùa Soai Kôn	KX	Phường 2	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 38"	106° 00' 09"					C-48-69-A-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-c
kênh Đại Bái-Tăng Du	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 16"	106° 04' 38"	09° 20' 36"	106° 02' 39"	C-48-69-A-c
kênh Giồng Dú	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 59' 17"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh KD2	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 49"	106° 04' 21"	09° 21' 53"	106° 00' 12"	C-48-69-A-c
kênh Vĩnh Châu	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 42"	105° 58' 04"	09° 20' 25"	105° 59' 17"	C-48-68-B-d
Kênh 40	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 20"	106° 02' 31"	09° 22' 58"	106° 00' 47"	C-48-69-A-a
Kênh Sườn	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 35"	106° 01' 24"	09° 20' 07"	106° 01' 35"	C-48-69-A-c
rạch Bung Tum	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 58"	106° 01' 46"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Hoà Nam	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 20"	106° 04' 28"	09° 20' 46"	106° 01' 30"	C-48-69-A-c
sông Trà Niên	TV	Phường 2	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a
khóm Bung Tum	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 12"	106° 01' 14"					C-48-69-A-a
khóm Châu Khánh	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 12"	105° 59' 29"					C-48-68-B-d
khóm Huỳnh Thu	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 43"	106° 00' 00"					C-48-68-B-b
khóm Khánh Nam	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 24"	105° 58' 38"					C-48-68-B-d
khóm Kinh Mới Đông	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 02"	105° 58' 23"					C-48-68-B-b
khóm Kinh Mới Sóc	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 53"	106° 01' 25"					C-48-69-A-a
khóm Kinh Ven	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 59"	105° 58' 56"					C-48-68-B-b
khóm Lầm Thiệt	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 11"	106° 02' 06"					C-48-69-A-a
khóm Lê Văn Tư	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 23"	105° 58' 24"					C-48-68-B-b
khóm Nguyễn Út	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 48"	106° 00' 43"					C-48-69-A-a
khóm Trà Niên	DC	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 57"	106° 00' 36"					C-48-69-A-a
cầu Khánh Hoà	KX	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 56"	106° 00' 34"					C-48-69-A-a
cầu Mỹ Thanh	KX	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 41"	105° 59' 38"					C-48-68-B-b
chùa Bung Tum	KX	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 16"	106° 01' 16"					C-48-69-A-a
đình thần Khánh Hoà	KX	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 54"	106° 00' 42"					C-48-69-A-a
Đường tỉnh 935	KX	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh Bì Bôn	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 12"	106° 01' 20"	09° 24' 58"	106° 01' 46"	C-48-69-A-a
kênh Điền Cật Tư	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 56"	106° 00' 41"	09° 25' 04"	106° 00' 52"	C-48-69-A-a
kênh Giồng Dú	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 59' 17"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh Huỳnh Thu	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 50"	105° 59' 54"	09° 23' 26"	106° 00' 31"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
kênh Lầm Thiệt	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 20"	106° 02' 30"	09° 25' 01"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a
kênh Lộ Mới	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 56"	106° 00' 33"	09° 25' 29"	105° 59' 43"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
kênh Lung Lá	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 04"	106° 00' 52"	09° 25' 39"	106° 01' 35"	C-48-69-A-a
kênh Số Bốn	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 29"	105° 59' 01"	09° 25' 13"	105° 58' 36"	C-48-68-B-b
kênh Số Năm	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 07"	105° 58' 23"	09° 25' 05"	105° 59' 10"	C-48-68-B-b
kênh Tư Sĩ	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 50"	106° 01' 31"	09° 25' 27"	105° 59' 44"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
Kênh 40	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 52"	106° 00' 43"	09° 21' 30"	105° 55' 51"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a; C-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Mới	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 40"	105° 58' 21"	09° 19' 42"	105° 58' 04"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
Kênh Râu	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 18"	105° 58' 16"	09° 21' 49"	106° 00' 04"	C-48-68-B-d; C-48-69-A-c
Kênh Ven	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 53"	105° 58' 22"	09° 23' 26"	106° 00' 55"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
rạch Bà Hai	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 01"	105° 59' 25"	09° 25' 38"	105° 58' 43"	C-48-68-B-b
rạch Bung Tum	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 58"	106° 01' 46"	09° 22' 52"	106° 00' 43"	C-48-69-A-a
rạch Điền Cầu Tư	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 04"	106° 00' 52"	09° 24' 28"	106° 01' 16"	C-48-69-A-a
rạch Xóm Chùa	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 56"	105° 59' 46"	09° 25' 28"	105° 59' 12"	C-48-68-B-b
sông Mỹ Thanh	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
sông Trà Niên	TV	P. Khánh Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a
khóm Biển Dưới	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 24"	105° 55' 31"					C-48-68-B-d
khóm Biển Trên	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 22"	105° 56' 38"					C-48-68-B-d
khóm Biển Trên A	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 33"	105° 57' 58"					C-48-68-B-d
khóm Đại Trị	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 47"	105° 54' 48"					C-48-68-B-d
khóm Sờ Tại A	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 56"	105° 56' 21"					C-48-68-B-d
khóm Sờ Tại B	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 45"	105° 55' 39"					C-48-68-B-d
khóm Tân Qui	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 58"	105° 53' 52"					C-48-68-B-d
khóm Vĩnh Thành	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 14"	105° 56' 53"					C-48-68-B-d
khóm Xẻo Me	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 48"	105° 55' 59"					C-48-68-B-d
khóm Wath Pích	DC	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 25"	105° 57' 26"					C-48-68-B-d
Bia Chiến Thắng Xẻo Me	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 05"	105° 56' 15"					C-48-68-B-d
cầu Chợ Kinh	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 10"	105° 53' 47"					C-48-68-B-d
chùa Đom Om Pưl	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 57"	105° 56' 16"					C-48-68-B-d
chùa Đom Thnốt	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 34"	105° 58' 17"					C-48-68-B-d
chùa Kal Đal	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 16"	105° 57' 24"					C-48-68-B-d
chùa Ông Bồn	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 56"	105° 55' 08"					C-48-68-B-d
chùa Tam Hoàng Ngũ Đế	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 17"	105° 56' 12"					C-48-68-B-d
chùa Tam Sơn	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 50"	105° 55' 57"					C-48-68-B-d
chùa Wath Pích	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 24"	105° 57' 42"					C-48-68-B-d
đường Nguyễn Huệ	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 29"	105° 58' 44"	09° 19' 22"	105° 58' 00"	C-48-68-B-d
Đường tỉnh 940	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-d
Kênh 40	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 02"	105° 55' 50"	09° 19' 07"	105° 48' 57"	C-48-68-B-d
Kênh 42	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 39"	105° 56' 22"	09° 19' 13"	105° 56' 48"	C-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh 700	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 15' 13"	105° 49' 24"	09° 18' 24"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
Kênh Mới	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 40"	105° 58' 21"	09° 19' 42"	105° 58' 04"	C-48-68-B-d
Kênh Sườn	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 43"	105° 49' 14"	09° 19' 21"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
rạch Trà Nho	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 38"	105° 56' 03"	09° 22' 32"	105° 55' 18"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
sông Cỏ Cò	TV	P. Vĩnh Phước	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
ấp Càng Buổi	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 23"	106° 02' 15"					C-48-69-A-a
ấp Giấy Lãng	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 36"	106° 02' 48"					C-48-69-A-a
ấp Hoà Giang	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 32"	106° 06' 10"					C-48-69-A-a
ấp Hoà Khởi	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 18"	106° 02' 57"					C-48-69-A-a
ấp Lầm Thiệt	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 54"	106° 02' 13"					C-48-69-A-a
ấp Nguyễn Út	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 51"	106° 02' 12"					C-48-69-A-a
ấp Nô Tom	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 00"	106° 04' 59"					C-48-69-A-a
ấp Thạch Sao	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 03"	106° 04' 45"					C-48-69-A-a
ấp Trà Teo	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 49"	106° 04' 32"					C-48-69-A-a
ấp Xóm Mới	DC	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 25"	106° 05' 53"					C-48-69-A-a
Bia Giấy Lãng	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 30"	106° 02' 48"					C-48-69-A-a
chùa Phước Trường An	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 50"	106° 04' 40"					C-48-69-A-a
chùa Tà Teo	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 33"	106° 03' 51"					C-48-69-A-a
cổng Giấy Lãng	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 49"	106° 02' 48"					C-48-69-A-a
cổng Năm Chích	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 49"	106° 04' 02"					C-48-69-A-a
cổng Thạch Sao	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 22"	106° 04' 59"					C-48-69-A-a
Di tích lịch sử văn hoá Địa Điểm Đồng Khởi Trà Teo	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 32"	106° 03' 31"					C-48-69-A-a
miếu Ông Bồn	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 39"	106° 04' 11"					C-48-69-A-a
Miếu Bà	KX	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu	09° 26' 28"	106° 02' 52"					C-48-69-A-a
kênh Ba Tỷ	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 39"	106° 01' 35"	09° 25' 24"	106° 02' 14"	C-48-69-A-a
kênh Bì Bôn	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 12"	106° 01' 20"	09° 24' 58"	106° 01' 46"	C-48-69-A-a
kênh Bờ Tre	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 19"	106° 02' 50"	09° 25' 59"	106° 02' 14"	C-48-69-A-a
kênh Cơ Ba	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 37"	106° 06' 28"	09° 25' 35"	106° 04' 42"	C-48-69-A-a
kênh Giấy Lãng	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 54"	106° 02' 48"	09° 25' 01"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a
kênh Gọc Lá	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 50"	106° 03' 32"	09° 26' 29"	106° 02' 51"	C-48-69-A-a
kênh Hoà Khởi	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 30"	106° 02' 54"	09° 25' 34"	106° 02' 43"	C-48-69-A-a
kênh Hoà Khởi-Càng Buổi	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 34"	106° 02' 43"	09° 26' 05"	106° 02' 37"	C-48-69-A-a
kênh KC2	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 40"	106° 04' 48"	09° 24' 48"	106° 05' 36"	C-48-69-A-a
kênh Lầm Thiệt	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 20"	106° 02' 30"	09° 25' 01"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Năm Chích	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 56"	106° 04' 04"	09° 25' 41"	106° 04' 06"	C-48-69-A-a
kênh Năm Phát	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 44"	106° 02' 48"	09° 26' 28"	106° 01' 50"	C-48-69-A-a
kênh Ông Muôn	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 00"	106° 06' 36"	09° 26' 03"	106° 04' 49"	C-48-69-A-a
kênh Ô Ma	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 48"	106° 05' 36"	09° 24' 36"	106° 06' 39"	C-48-69-A-a
kênh Thạch Sao	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 26' 26"	106° 05' 00"	09° 24' 29"	106° 04' 52"	C-48-69-A-a
Kênh Đào	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 25"	106° 02' 40"	09° 24' 16"	106° 02' 34"	C-48-69-A-a
Kênh Phên	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 51"	106° 04' 46"	09° 25' 31"	106° 05' 23"	C-48-69-A-a
sông Mỹ Thanh	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a
sông Trà Niên	TV	xã Hoà Đông	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Ca Lạc	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 39"	106° 03' 56"					C-48-69-A-c
ấp Ca Lạc A	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 53"	106° 04' 24"					C-48-69-A-c
ấp Đại Bái	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 06"	106° 04' 06"					C-48-69-A-c
ấp Đại Bái A	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 00"	106° 03' 34"					C-48-69-A-c
ấp Hoà Nam	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 13"	106° 03' 19"					C-48-69-A-c
ấp Hoà Thành	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 35"	106° 03' 21"					C-48-69-A-c
ấp Lèn Buối	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 12"	106° 02' 42"					C-48-69-A-a
ấp Tân Thời	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 07"	106° 03' 52"					C-48-69-A-a
ấp Vĩnh Biên	DC	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 51"	106° 05' 03"					C-48-69-A-c
chùa Đay Tà Pai	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 48"	106° 03' 39"					C-48-69-A-c
chùa Hải Phước An	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 45"	106° 04' 43"					C-48-69-A-c
chùa Tà Đok	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 28"	106° 04' 24"					C-48-69-A-c
chùa Tăng Du	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 42"	106° 02' 53"					C-48-69-A-c
miếu Bà Thiên Hậu	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 46"	106° 04' 21"					C-48-69-A-c
miếu Ông Tà	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 19"	106° 03' 41"					C-48-69-A-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-A-c
kênh Bà Hai	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 24"	106° 05' 37"	09° 22' 53"	106° 05' 23"	C-48-69-A-a
kênh Bà Kiêu	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 18"	106° 04' 32"	09° 20' 57"	106° 05' 00"	C-48-69-A-c
kênh Cao Sắn	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 19"	106° 02' 40"	09° 20' 45"	106° 04' 33"	C-48-69-A-c
kênh Đại Bái-Tăng Du	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 16"	106° 04' 38"	09° 20' 36"	106° 02' 39"	C-48-69-A-c
kênh Đại Đuông	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 50"	106° 04' 07"	09° 21' 55"	106° 03' 07"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh KD2	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 49"	106° 04' 21"	09° 21' 53"	106° 00' 12"	C-48-69-A-c
kênh Sườn	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 47"	106° 08' 14"	09° 20' 51"	106° 04' 33"	C-48-69-A-c
kênh Tân Thời	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 14"	106° 03' 50"	09° 21' 53"	106° 04' 06"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 26"	106° 02' 49"	09° 21' 42"	106° 03' 06"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
kênh Vàm Sát	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 17"	106° 05' 03"	09° 21' 18"	106° 04' 32"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
rạch Bà Xăm	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 55"	106° 04' 36"	09° 24' 16"	106° 07' 11"	C-48-69-A-a
rạch Cù Cái	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 38"	106° 06' 55"	09° 21' 38"	106° 04' 26"	C-48-69-A-c
rạch Hoà Nam	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 20"	106° 04' 28"	09° 20' 46"	106° 01' 30"	C-48-69-A-c
rạch Tà Khi	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 55"	106° 06' 58"	09° 21' 59"	106° 04' 25"	C-48-69-A-c
sông Bò Hồ	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 20"	106° 04' 27"	09° 22' 23"	106° 02' 34"	C-48-69-A-c
sông Trà Niên	TV	xã Lạc Hòa	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a
ấp Hoà Hiệp	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 14"	105° 51' 09"					C-48-68-B-c
ấp Lai Hoà	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 10"	105° 49' 45"					C-48-68-B-c
ấp Lai Hoà A	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 55"	105° 49' 43"					C-48-68-B-c
ấp Năm Căn	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 54"	105° 49' 43"					C-48-68-B-c
ấp Prey Chóp	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 49"	105° 50' 07"					C-48-68-B-c
ấp Prey Chóp A	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 43"	105° 49' 44"					C-48-68-B-c
ấp Prey Chóp B	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 15' 55"	105° 49' 40"					C-48-68-B-c
ấp Xẻo Cóc	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 03"	105° 50' 17"					C-48-68-B-c
ấp Xẻo Su	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 58"	105° 51' 31"					C-48-68-B-c
ấp Xung Thum A	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 29"	105° 52' 00"					C-48-68-B-c
ấp Xung Thum B	DC	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 37"	105° 51' 34"					C-48-68-B-c
chùa Hưng Lai Tự	KX	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 05"	105° 49' 37"					C-48-68-B-c
chùa Prey Chóp	KX	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 14"	105° 50' 19"					C-48-68-B-c
chùa Tuk Sáp	KX	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 19' 00"	105° 50' 13"					C-48-68-B-c
chùa Xung Thum	KX	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 34"	105° 52' 19"					C-48-68-B-c
Đồn biên phòng 650	KX	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 16' 32"	105° 51' 01"					C-48-68-B-c
Miếu Bà	KX	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 02"	105° 50' 01"					C-48-68-B-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-c
kênh Bảy Túc	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 15"	105° 50' 43"	09° 17' 04"	105° 52' 25"	C-48-68-B-c
kênh Lai Hoà	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 18' 50"	105° 49' 47"	09° 16' 36"	105° 50' 22"	C-48-68-B-c
kênh Lai Hoà	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 19' 20"	105° 49' 53"	09° 20' 48"	105° 49' 20"	C-48-68-B-c
kênh Rạch Đập	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 19"	105° 48' 53"	09° 19' 52"	105° 49' 05"	C-48-68-B-c
kênh Ranh Lai Hoà	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 18' 08"	105° 49' 09"	09° 19' 20"	105° 49' 53"	C-48-68-B-c
Kênh 40	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 02"	105° 55' 50"	09° 19' 07"	105° 48' 57"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
Kênh 700	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 15' 13"	105° 49' 24"	09° 18' 24"	105° 59' 00"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Sườn	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 43"	105° 49' 14"	09° 19' 21"	105° 59' 00"	C-48-68-B-c
sông Bạc Liêu	TV	xã Lai Hoà	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 48' 37"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-B-c
ấp Âu Thọ A	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 56"	106° 06' 39"					C-48-69-A-c
ấp Âu Thọ B	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 19"	106° 04' 48"					C-48-69-A-c
ấp Giồng Nổi	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 33"	106° 07' 15"					C-48-69-A-c
ấp Huỳnh Kỳ	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 05"	106° 09' 33"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Mỹ Thanh	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 50"	106° 09' 34"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Trà Sét	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 12"	106° 06' 55"					C-48-69-A-c
ấp Vĩnh Thạnh A	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 57"	106° 07' 40"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Vĩnh Thạnh B	DC	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 09"	106° 06' 05"					C-48-69-A-c
chùa Pro Lean	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 41"	106° 06' 26"					C-48-69-A-c
chùa Tà Sét	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 16"	106° 06' 56"					C-48-69-A-c
cổng S15	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 11"	106° 08' 41"					C-48-69-A-d
cổng S16	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 56"	106° 11' 09"					C-48-69-(A-b+B-a)
cổng S17	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 41"	106° 09' 36"					C-48-69-(A-b+B-a)
Khu du lịch sinh thái Hồ Bể	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 23"	106° 08' 09"					C-48-69-A-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-69-A-c; C-48-69-A-d
cổng Rạch Sâu	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 53"	106° 08' 48"					C-48-69-(A-b+B-a)
cửa Mỹ Thanh	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu	09° 25' 23"	106° 10' 31"					C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Bà Hai	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 24"	106° 05' 37"	09° 22' 53"	106° 05' 23"	C-48-69-A-a
kênh Bà Kiêu	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 18"	106° 04' 32"	09° 20' 57"	106° 05' 00"	C-48-69-A-c
Kênh Sườn	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 47"	106° 08' 14"	09° 20' 51"	106° 04' 33"	C-48-69-A-c; C-48-69-(A-b+B-a); C-48-69-A-d
rạch Bà Xăm	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 55"	106° 04' 36"	09° 24' 16"	106° 07' 11"	C-48-69-A-a
rạch Cù Cải	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 38"	106° 06' 55"	09° 21' 38"	106° 04' 26"	C-48-69-A-c; C-48-69-A-a
rạch Giồng Chùa	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 42"	106° 09' 35"	09° 24' 39"	106° 09' 23"	C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Hồ Bể	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 46"	106° 08' 38"	09° 22' 42"	106° 09' 35"	C-48-69-A-d; C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Tà Khi	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 55"	106° 06' 58"	09° 21' 59"	106° 04' 25"	C-48-69-A-a; C-48-69-A-c
sông Mỹ Thanh	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Trà Niên	TV	xã Vĩnh Hải	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 02"	106° 01' 12"	09° 24' 49"	106° 07' 33"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Đặng Văn Đông	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 33"	105° 58' 12"					C-48-68-B-d
ấp Kinh Mới	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 26"	105° 58' 15"					C-48-68-B-b
ấp Ngã Tư	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 55"	105° 58' 17"					C-48-68-B-b
ấp Phạm Kiều	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 24' 58"	105° 57' 15"					C-48-68-B-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 27"	105° 57' 20"					C-48-68-B-b
ấp Tân Lập	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 22' 45"	105° 56' 55"					C-48-68-B-b
ấp Tân Thành A	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 53"	105° 56' 59"					C-48-68-B-d
ấp Tân Thành B	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 41"	105° 56' 29"					C-48-68-B-d
ấp Tân Tinh	DC	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu	09° 23' 58"	105° 56' 03"					C-48-68-B-b
kênh Phạm Kiều	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 24"	105° 57' 52"	09° 23' 35"	105° 57' 54"	C-48-68-B-b
kênh Tân Hưng	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 11"	105° 57' 14"	09° 24' 07"	105° 56' 34"	C-48-68-B-b
kênh Tân Lập	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 10"	105° 55' 50"	09° 22' 33"	105° 57' 45"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
kênh Thầy Tám	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 24' 04"	105° 55' 59"	09° 23' 10"	105° 55' 51"	C-48-68-B-b
Kênh 40	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 22' 52"	106° 00' 43"	09° 21' 30"	105° 55' 51"	C-48-68-B-d
Kênh Cũ	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 32"	105° 57' 17"	09° 23' 41"	105° 56' 39"	C-48-68-B-b
Kênh Mới	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 25' 40"	105° 58' 21"	09° 19' 42"	105° 58' 04"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
Kênh Sườn	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 23' 28"	105° 57' 18"	09° 23' 14"	105° 56' 30"	C-48-68-B-b
rạch Trà Nho	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 38"	105° 56' 03"	09° 22' 32"	105° 55' 18"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
sông Cổ Cò	TV	xã Vĩnh Hiệp	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b
ấp Điền Giữa	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 06"	105° 52' 03"					C-48-68-B-c
ấp Năm Căn	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 21"	105° 50' 59"					C-48-68-B-c
ấp Nô Puôl	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 14"	105° 53' 04"					C-48-68-B-d
ấp Nô Thum	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 34"	105° 54' 15"					C-48-68-B-d
ấp Tân Hoà	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 45"	105° 53' 53"					C-48-68-B-d
ấp Tân Nam	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 25"	105° 53' 31"					C-48-68-B-d
ấp Tân Trà	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 21' 19"	105° 53' 08"					C-48-68-B-d
ấp Tham Chu	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 50"	105° 52' 42"					C-48-68-B-d
ấp Trà Vôn A	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 49"	105° 53' 28"					C-48-68-B-d
ấp Trà Vôn B	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 51"	105° 54' 19"					C-48-68-B-d
ấp Xẻo Su	DC	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 20' 07"	105° 51' 32"					C-48-68-B-c
cầu Trà Vôn	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 52"	105° 53' 02"					C-48-68-B-d
chùa Phnô Pôl	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 17' 17"	105° 53' 23"					C-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Phnô Thum	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 05"	105° 54' 32"					C-48-68-B-d
chùa Thom Ma Chô	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu	09° 18' 49"	105° 53' 39"					C-48-68-B-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-68-B-d; C-48-68-B-c
kênh Bảy Túc	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 15"	105° 50' 43"	09° 17' 04"	105° 52' 25"	C-48-68-B-c
kênh Vĩnh Hoà	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 18' 53"	105° 53' 02"	09° 17' 21"	105° 53' 26"	C-48-68-B-d
Kênh 40	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 02"	105° 55' 50"	09° 19' 07"	105° 48' 57"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
Kênh 700	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 15' 13"	105° 49' 24"	09° 18' 24"	105° 59' 00"	C-48-68-B-d
Kênh Chùa	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 26"	105° 53' 37"	09° 18' 52"	105° 53' 37"	C-48-68-B-d
Kênh Sườn	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 17' 43"	105° 49' 14"	09° 19' 21"	105° 59' 00"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
rạch Om Trà Nô	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 31"	105° 52' 41"	09° 18' 53"	105° 53' 02"	C-48-68-B-d
sông Bạc Liêu	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 20' 25"	105° 48' 37"	09° 21' 39"	105° 51' 26"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
sông Cỏ Cò	TV	xã Vĩnh Tân	TX. Vĩnh Châu			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
ấp Trà Quýt	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	09° 42' 02"	105° 53' 57"					C-48-56-D-b
ấp Trà Quýt A	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	09° 42' 33"	105° 54' 13"					C-48-56-D-b
ấp Xây Cáp	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	09° 42' 26"	105° 54' 42"					C-48-56-D-b
ấp Xây Đá	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	09° 43' 06"	105° 54' 27"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 939B	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-b
Quốc lộ 1	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh Ông Ưống	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 41' 50"	105° 54' 08"	09° 40' 17"	105° 52' 14"	C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp-Sóc Trăng	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-b
kênh Xây Cáp	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 43' 24"	105° 54' 32"	09° 41' 46"	105° 54' 27"	C-48-56-D-b
Kênh Cũ	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 43' 40"	105° 53' 50"	09° 43' 29"	105° 54' 25"	C-48-56-D-b
Kênh Đào	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			09° 42' 23"	105° 53' 43"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-b
ấp An Tập	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 30"	105° 53' 12"					C-48-56-D-b
ấp An Trạch	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 17"	105° 56' 18"					C-48-56-D-b
ấp Bung Tróp A	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 37' 46"	105° 54' 50"					C-48-56-D-b
ấp Bung Tróp B	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 38' 08"	105° 55' 16"					C-48-56-D-b
ấp Giồng Chùa A	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 38' 56"	105° 55' 57"					C-48-56-D-b
ấp Giồng Chùa B	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 12"	105° 54' 59"					C-48-56-D-b
ấp Phụng Hiệp	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 37' 57"	105° 57' 01"					C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
cầu An Trạch	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 06"	105° 56' 09"					C-48-56-D-b
cầu Bung Tróp	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 37' 57"	105° 55' 06"					C-48-56-D-b
chùa Kom Pong Tróp	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 37' 49"	105° 55' 17"					C-48-56-D-b
chùa Peng Som Rách	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 38' 39"	105° 55' 42"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 932	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b
miếu Ông Tà	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	09° 39' 36"	105° 56' 30"					C-48-56-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b
Quốc lộ 60	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh Ba Râu	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 38' 17"	105° 51' 34"	09° 40' 00"	105° 53' 38"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
kênh Đường Sườn	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 45"	105° 54' 18"	09° 39' 03"	105° 53' 41"	C-48-56-D-b
kênh Ông Út	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 38' 57"	105° 55' 20"	09° 39' 28"	105° 55' 52"	C-48-56-D-b
kênh Tân Phước-An Tập	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp-Sóc Trăng	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-b
Kênh 77	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 37' 42"	105° 55' 34"	09° 36' 00"	105° 53' 53"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
Kênh 85	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 14"	105° 54' 55"	09° 36' 49"	105° 52' 35"	C-48-56-D-b
Kênh 86	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 03"	105° 53' 41"	09° 37' 45"	105° 51' 53"	C-48-56-D-b
Kênh Nhỏ	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 40' 25"	105° 53' 04"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
rạch Ngã Ba Vĩnh Xây	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 38' 05"	105° 54' 48"	09° 36' 28"	105° 53' 11"	C-48-56-D-b
rạch Sóc Bung	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 37' 27"	105° 53' 52"	09° 39' 01"	105° 51' 56"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
rạch Trà Canh	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 38' 39"	105° 55' 19"	09° 41' 03"	105° 52' 09"	C-48-56-D-b
rạch Vũng Thơm	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 40' 04"	105° 55' 24"	09° 39' 14"	105° 54' 55"	C-48-56-D-b
sông Mỹ Hương	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-a
ấp Châu Thành	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 08"	105° 54' 35"					C-48-56-D-d
ấp Chông Nô	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 16"	105° 54' 20"					C-48-56-D-d
ấp Hoà Long	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 43"	105° 52' 07"					C-48-56-D-a
ấp Hoà Long A	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 38' 52"	105° 51' 53"					C-48-56-D-a
ấp Hoà Quới	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 12"	105° 53' 09"					C-48-56-D-d
ấp Kinh Mới	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 32"	105° 53' 06"					C-48-56-D-d
ấp Phú Ninh	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 00"	105° 56' 28"					C-48-56-D-d
ấp Phú Ninh A	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 37' 32"	105° 56' 49"					C-48-56-D-b
ấp Xà Lan	DC	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 08"	105° 55' 36"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
cầu Rạch Chùa	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 17"	105° 54' 53"					C-48-56-D-d
cầu Tà Liêm	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 35' 50"	105° 54' 05"					C-48-56-D-d
chợ Bỏ Thảo	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 08"	105° 54' 39"					C-48-56-D-d
chùa Tum Núp	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 12"	105° 54' 49"					C-48-56-D-d
Đường tỉnh 938	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 00"	105° 56' 34"	09° 33' 36"	105° 48' 11"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 939	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
tỉnh xá Giác Linh Tự	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 36' 01"	105° 54' 30"					C-48-56-D-d
tỉnh xá Ngọc Hoà	KX	xã An Ninh	H. Châu Thành	09° 35' 56"	105° 54' 21"					C-48-56-D-d
kênh Ba Râu	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 38' 17"	105° 51' 34"	09° 40' 00"	105° 53' 38"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
kênh Lộ Quẹo	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 27"	105° 51' 32"	09° 36' 49"	105° 52' 34"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
kênh Phú Tức	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
kênh Tam Sóc	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 33' 34"	105° 48' 02"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
kênh Tân Phước-An Tập	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp-Sóc Trăng	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-b
kênh xáng Xà Lan	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 34"	105° 57' 57"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
Kênh 77	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 42"	105° 55' 34"	09° 36' 00"	105° 53' 53"	C-48-56-D-d
Kênh 85	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 39' 14"	105° 54' 55"	09° 36' 49"	105° 52' 35"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
Kênh 86	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 39' 03"	105° 53' 41"	09° 37' 45"	105° 51' 53"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
Kênh 87	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 33"	105° 56' 11"	09° 36' 26"	105° 54' 53"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
Kênh Mới	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 35' 49"	105° 54' 05"	09° 36' 49"	105° 52' 35"	C-48-56-D-d
Kênh Nổi	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 03"	105° 53' 48"	09° 34' 15"	105° 49' 57"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
rạch Hoà Long	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 35"	105° 52' 21"	09° 37' 46"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
rạch Ngã Ba Vĩnh Xây	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 38' 05"	105° 54' 48"	09° 36' 28"	105° 53' 11"	C-48-56-D-d; C-48-56-D-b
rạch Phú Tức	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 16"	105° 56' 18"	09° 36' 17"	105° 57' 22"	C-48-56-D-d
rạch Sóc Bưng	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 27"	105° 53' 52"	09° 39' 01"	105° 51' 56"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a; C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Tà On	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 36' 09"	105° 49' 52"	09° 36' 24"	105° 53' 15"	C-48-56-D-d
rạch Tức Xáp	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 02"	105° 53' 21"	09° 37' 01"	105° 52' 15"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-b; C-48-56-D-a; C-48-56-D-d
Rạch Miếu	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 37' 38"	105° 52' 24"	09° 38' 32"	105° 51' 38"	C-48-56-D-a
sông Mỹ Hương	TV	xã An Ninh	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
ấp Công Đôi	DC	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 44' 58"	105° 51' 50"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Lục	DC	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 43' 45"	105° 51' 04"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Thắng	DC	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 42' 39"	105° 51' 05"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Thế	DC	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 44' 33"	105° 51' 09"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Thời	DC	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 42' 34"	105° 51' 27"					C-48-56-D-a
ấp Kinh Đào	DC	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 41' 30"	105° 52' 37"					C-48-56-D-b
ấp Xây Đá A	DC	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 43' 55"	105° 52' 42"					C-48-56-D-b
ấp Xây Đá B	DC	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 43' 12"	105° 53' 12"					C-48-56-D-b
chùa Tà Khvich Thmây	KX	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành	09° 43' 04"	105° 53' 12"					C-48-56-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a; C-48-56-B-c
kênh Bà Năm Hương	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 44' 23"	105° 54' 10"	09° 43' 44"	105° 52' 46"	C-48-56-D-b
kênh Ba Rinh Cũ	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 45' 22"	105° 51' 10"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a; C-48-56-B-c
kênh Chùa Mới	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 44' 06"	105° 54' 15"	09° 43' 01"	105° 53' 18"	C-48-56-D-b
kênh Chùa Mới-Kinh Giòn	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 43' 07"	105° 53' 12"	09° 43' 04"	105° 51' 22"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
kênh Hồ Đắc Kien	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 45' 53"	105° 51' 12"	09° 40' 59"	105° 51' 00"	C-48-56-D-a; C-48-56-B-c
kênh Lâm Trường	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 46' 29"	105° 50' 46"	09° 42' 20"	105° 50' 25"	C-48-56-D-a; C-48-56-B-c
kênh Năm Hào	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 44' 03"	105° 52' 31"	09° 44' 00"	105° 51' 21"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
kênh Phú Cường	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 44' 38"	105° 52' 08"	09° 44' 40"	105° 54' 05"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp-Sóc Trăng	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b; C-48-56-B-c
Kênh Chùa	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 42' 39"	105° 46' 40"	09° 44' 35"	105° 49' 56"	C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Cũ	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 43' 40"	105° 53' 50"	09° 43' 29"	105° 54' 25"	C-48-56-D-b
Kênh Đào	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 42' 23"	105° 53' 43"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
Kênh Giòn	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 43' 04"	105° 51' 22"	09° 43' 35"	105° 48' 16"	C-48-56-D-a
Kênh Lý	TV	xã Hồ Đắc Kien	H. Châu Thành			09° 42' 09"	105° 47' 58"	09° 44' 35"	105° 49' 56"	C-48-56-D-a
ấp Giồng Cát	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 44' 13"	105° 54' 52"					C-48-56-D-b
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 41"	105° 55' 54"					C-48-56-D-b
ấp Phú Hoà A	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 59"	105° 55' 34"					C-48-56-D-b
ấp Phú Hoà B	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 31"	105° 56' 22"					C-48-56-D-b
ấp Phú Hữu	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 39"	105° 56' 49"					C-48-56-D-b
ấp Phú Thành A	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 00"	105° 58' 57"					C-48-56-D-b
ấp Phú Thành B	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 36"	105° 57' 42"					C-48-56-D-b
ấp Sóc Tháo	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 43' 21"	105° 55' 10"					C-48-56-D-b
ấp Thọ Hoà Đông A	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 42' 18"	105° 57' 41"					C-48-56-D-b
ấp Thọ Hoà Đông B	DC	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 56"	105° 57' 46"					C-48-56-D-b
chùa Phnô Rô Ka	KX	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 44"	105° 57' 37"					C-48-56-D-b
chùa Quan Thánh Đế	KX	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 19"	105° 57' 35"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 932	KX	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b
miếu Ông Tà	KX	xã Phú Tâm	H. Châu Thành	09° 41' 19"	105° 57' 18"					C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
kênh An Mỹ-30 tháng 4	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-56-D-b
kênh Bà Năm Hương	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 44' 23"	105° 54' 10"	09° 43' 44"	105° 52' 46"	C-48-56-D-b
kênh Cầu Chùa	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 45"	105° 57' 41"	09° 41' 13"	105° 59' 14"	C-48-56-D-b
kênh Cây Kè	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 22"	105° 58' 24"	09° 41' 05"	105° 59' 08"	C-48-56-D-b
kênh Cây Vông	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 27"	105° 56' 44"	09° 44' 09"	105° 55' 21"	C-48-56-D-b
kênh Chùa Mới	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 44' 06"	105° 54' 15"	09° 43' 01"	105° 53' 18"	C-48-56-D-b
kênh Mương Lộ	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-D-b
kênh Na Tung	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 45' 07"	105° 55' 35"	09° 44' 17"	105° 58' 17"	C-48-56-D-b
kênh Năm Hải	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 45' 10"	105° 51' 44"	09° 45' 04"	105° 54' 00"	C-48-56-B-d
kênh Ô Quên	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 43' 13"	105° 59' 54"	09° 41' 20"	105° 56' 56"	C-48-56-D-b
kênh Pà Chát	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 42' 30"	105° 57' 48"	09° 43' 20"	105° 57' 13"	C-48-56-D-b
kênh Phú Cường	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 44' 38"	105° 52' 08"	09° 44' 40"	105° 54' 05"	C-48-56-D-b
kênh Tân Sến	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 43' 01"	105° 59' 27"	09° 43' 14"	105° 57' 59"	C-48-56-D-b
kênh Vũng Thơm	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 13"	105° 59' 14"	09° 40' 49"	106° 00' 24"	C-48-56-D-b
Kênh 77	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 41' 19"	105° 57' 01"	09° 43' 06"	105° 57' 26"	C-48-56-D-b
Kênh Cũ	TV	xã Phú Tâm	H. Châu Thành			09° 43' 40"	105° 53' 50"	09° 43' 29"	105° 54' 25"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Giồng Cát	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 44' 09"	105° 55' 21"	09° 45' 11"	105° 54' 00"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-d
rạch Kinh Nổi	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 42' 46"	105° 57' 37"	09° 44' 28"	105° 57' 45"	C-48-56-D-b
rạch Vườn Dơi	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 45' 44"	105° 55' 56"	09° 44' 09"	105° 55' 21"	C-48-56-D-b
sông Vũng Thom	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 51"	105° 56' 15"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-D-b
ấp Phước An	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 40' 49"	105° 57' 23"					C-48-56-D-b
ấp Phước Hoà	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 40' 19"	105° 56' 49"					C-48-56-D-b
ấp Phước Lợi	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 41' 16"	105° 57' 39"					C-48-56-D-b
ấp Phước Phong	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 41' 12"	105° 57' 05"					C-48-56-D-b
ấp Phước Quới	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 40' 56"	105° 57' 20"					C-48-56-D-b
ấp Phước Thuận	DC	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 39' 52"	105° 56' 42"					C-48-56-D-b
chùa Buôi Pres Phek	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 39' 59"	105° 56' 41"					C-48-56-D-b
chùa Chấm Pa	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 41' 06"	105° 57' 12"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 932	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b
miếu Phật Nổi	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 40' 36"	105° 57' 11"					C-48-56-D-b
Quốc lộ 60	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 37' 58"	105° 57' 07"	C-48-56-D-b
Trại tạm giam Sóc Trăng	KX	xã Phú Tân	H. Châu Thành	09° 39' 38"	105° 56' 46"					C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh 6 Thước	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 38' 59"	105° 57' 47"	09° 38' 30"	105° 59' 29"	C-48-56-D-b
kênh An Mỹ-30 tháng 4	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-56-D-b
kênh Cây Kè	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 22"	105° 58' 24"	09° 41' 05"	105° 59' 08"	C-48-56-D-b
kênh Chong Xâm Rong	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 40' 25"	105° 55' 38"	09° 40' 08"	105° 56' 38"	C-48-56-D-b
kênh Hồ Nước Ngọt	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 18"	105° 57' 33"	09° 36' 55"	105° 58' 10"	C-48-56-D-b
kênh Nước Ngọt Cũ	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 40' 32"	105° 57' 17"	09° 40' 19"	105° 58' 38"	C-48-56-D-b
kênh Ô Quên	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 43' 13"	105° 59' 54"	09° 41' 20"	105° 56' 56"	C-48-56-D-b
kênh Trà Canh	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 20"	105° 56' 56"	09° 40' 07"	105° 55' 24"	C-48-56-D-b
kênh Xây Chô	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 39' 21"	105° 57' 30"	09° 41' 21"	105° 58' 26"	C-48-56-D-b
sông Vũng Thom	TV	xã Phú Tân	H. Châu Thành			09° 41' 51"	105° 56' 15"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-D-b
ấp An Tập	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 40' 07"	105° 51' 52"					C-48-56-D-a
ấp Đắc Thắng	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 41' 38"	105° 51' 36"					C-48-56-D-a
ấp Mương Khai	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 40' 29"	105° 50' 00"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ An	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 40' 29"	105° 51' 43"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Đức	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 39' 59"	105° 51' 00"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Phú	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 40' 12"	105° 50' 38"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Tân	DC	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 41' 11"	105° 50' 25"					C-48-56-D-a
chùa Pro Lean	KX	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành	09° 41' 31"	105° 49' 44"					C-48-56-D-a
Đường tỉnh 939B	KX	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh 8 Thước (Vườn Cò)	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 41' 27"	105° 49' 46"	09° 39' 53"	105° 49' 35"	C-48-56-D-a
kênh Ba Rinh	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 27"	105° 50' 57"	09° 37' 55"	105° 50' 54"	C-48-56-D-a
kênh Ba Rinh Cũ	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 45' 22"	105° 51' 10"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
kênh Cầu Tre	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 12"	105° 51' 56"	09° 39' 27"	105° 50' 57"	C-48-56-D-a
kênh Chệt Siều	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 41' 34"	105° 49' 30"	09° 42' 37"	105° 49' 39"	C-48-56-D-a
kênh Điện Huyện	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 39' 44"	105° 51' 56"	C-48-56-D-a
kênh Giao Thông	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 40' 30"	105° 50' 59"	09° 39' 48"	105° 50' 13"	C-48-56-D-a
kênh Hồ Đắc Kiện	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 45' 53"	105° 51' 12"	09° 40' 59"	105° 51' 00"	C-48-56-D-a
kênh Mương Khai	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 41' 23"	105° 49' 58"	09° 37' 32"	105° 50' 53"	C-48-56-D-a
kênh Mỹ An	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 44"	105° 51' 56"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
kênh Ông Ưống	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 41' 50"	105° 54' 08"	09° 40' 17"	105° 52' 14"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
kênh Tân Phước-An Tập	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
Kênh 12	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 40' 42"	105° 51' 44"	09° 38' 19"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
Kênh Đào	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 42' 23"	105° 53' 43"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
Kênh Nhỏ	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 40' 25"	105° 53' 04"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
Kênh Xáng	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 40' 58"	105° 51' 00"	09° 39' 27"	105° 50' 57"	C-48-56-D-a
rạch Láng Bồn Bồn	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 02"	105° 48' 54"	09° 39' 48"	105° 50' 12"	C-48-56-D-a
rạch Trà Canh	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 38' 39"	105° 55' 19"	09° 41' 03"	105° 52' 09"	C-48-56-D-b
sông Mỹ Hương	TV	xã Thiện Mỹ	H. Châu Thành			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
ấp Sa Bâu	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 40' 54"	105° 54' 45"					C-48-56-D-b
ấp Trà Canh A1	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 40' 36"	105° 55' 05"					C-48-56-D-b
ấp Trà Canh A2	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 41' 08"	105° 54' 43"					C-48-56-D-b
ấp Trà Canh B	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 40' 13"	105° 55' 09"					C-48-56-D-b
ấp Trà Quýt B	DC	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 41' 30"	105° 54' 18"					C-48-56-D-b
chùa Tà Khvich Chăs	KX	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 41' 37"	105° 54' 15"					C-48-56-D-b
Đường tỉnh 939B	KX	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-b; C-48-56-D-a
nhà thờ Trà Canh	KX	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành	09° 41' 38"	105° 54' 21"					C-48-56-D-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-b
kênh 30 tháng 4	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-D-b
kênh Hai Nam	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 39' 40"	105° 54' 56"	09° 41' 22"	105° 52' 31"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
kênh Ông Đực	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 40' 00"	105° 53' 39"	09° 40' 57"	105° 54' 42"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Ông Ưống	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 41' 50"	105° 54' 08"	09° 40' 17"	105° 52' 14"	C-48-56-D-b
kênh Sa Bâu	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 40' 57"	105° 54' 47"	09° 41' 19"	105° 53' 29"	C-48-56-D-b
kênh Trà Canh	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 41' 20"	105° 56' 56"	09° 40' 07"	105° 55' 24"	C-48-56-D-b
kênh xáng Phụng Hiệp-Sóc Trăng	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 45' 14"	105° 51' 41"	09° 37' 52"	105° 57' 02"	C-48-56-D-b
Kênh Đào	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 42' 23"	105° 53' 43"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
rạch Trà Canh	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 38' 39"	105° 55' 19"	09° 41' 03"	105° 52' 09"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-b
rạch Trà Tép	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 40' 10"	105° 55' 09"	09° 40' 42"	105° 54' 01"	C-48-56-D-b
rạch Vững Thơm	TV	xã Thuận Hòa	H. Châu Thành			09° 40' 04"	105° 55' 24"	09° 39' 14"	105° 54' 55"	C-48-56-D-b
ấp Phước Hoà A	DC	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 41' 16"	106° 08' 35"					C-48-57-C-b
ấp Phước Hoà B	DC	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 39' 52"	106° 08' 30"					C-48-57-C-b
Ấp Chợ	DC	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 40' 12"	106° 09' 17"					C-48-57-C-b
chợ Bến Bạ	KX	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 40' 19"	106° 09' 18"					C-48-57-C-b
chùa An Minh	KX	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 40' 23"	106° 09' 09"					C-48-57-C-b
Di tích lịch sử văn hoá Địa điểm Chiến thắng Rạch Già	KX	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 40' 49"	106° 08' 01"					C-48-57-C-b
Đường tỉnh 933B	KX	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-b
Cù lao Dung	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-C-b
kênh Đình Trụ	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 39' 46"	106° 09' 46"	09° 39' 21"	106° 09' 11"	C-48-57-C-b
rạch Bà Giang	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 40' 26"	106° 08' 15"	09° 39' 58"	106° 08' 23"	C-48-57-C-b
Rạch Già	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 41' 34"	106° 07' 50"	09° 40' 45"	106° 07' 56"	C-48-57-C-b
Rạch Giồng	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 39' 58"	106° 09' 10"	09° 39' 54"	106° 09' 39"	C-48-57-C-b
Rạch Sung	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 41' 27"	106° 08' 14"	09° 41' 45"	106° 08' 29"	C-48-57-C-b
sông Bến Bạ	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 42' 59"	106° 07' 46"	09° 36' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-b
sông Côn Tròn	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-b
sông Khém Rạch Già	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 41' 26"	106° 07' 04"	09° 40' 22"	106° 07' 59"	C-48-57-C-b
ấp An Thường	DC	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 44' 50"	106° 05' 38"					C-48-57-C-a
ấp An Trung	DC	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 43' 32"	106° 06' 37"					C-48-57-C-a
ấp An Trung A	DC	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 42' 31"	106° 06' 16"					C-48-57-C-a
bến phà Đại Ngãi	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 44' 13"	106° 04' 51"					C-48-57-C-a
chùa Tân Giác	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 45' 00"	106° 05' 38"					C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Cơ sở giáo dục bắt buộc Cồn	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 41' 30"	106° 06' 34"					C-48-57-C-a
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-a
phủ thờ An Cơ	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 43' 14"	106° 06' 24"					C-48-57-C-a
Quốc lộ 60	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
cồn Long Ân	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 42' 14"	106° 06' 18"					C-48-57-C-a
Cồn Cát	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 41' 55"	106° 06' 17"					C-48-57-C-a
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-A-c; C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
rạch Kênh Đào	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 00"	106° 05' 40"	09° 44' 26"	106° 05' 12"	C-48-57-C-a
rạch Long Ân	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 43' 04"	106° 05' 51"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
rạch TrườngTiền Lớn	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 44' 46"	106° 05' 32"	09° 45' 41"	106° 05' 03"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
Rạch Cui	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 11"	106° 05' 31"	09° 45' 21"	106° 05' 36"	C-48-57-A-c
Rạch Đồi	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 43' 58"	106° 06' 08"	09° 44' 19"	106° 06' 35"	C-48-57-C-a
Rạch Miếu	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 00"	106° 05' 40"	09° 45' 15"	106° 05' 44"	C-48-57-A-c;
Rạch Sâu	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 42' 33"	106° 07' 04"	09° 43' 04"	106° 07' 41"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
Rạch Trầu	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 44' 16"	106° 05' 45"	09° 44' 44"	106° 06' 16"	C-48-57-C-a
Rạch Trê	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 43' 01"	106° 06' 52"	09° 43' 33"	106° 07' 11"	C-48-57-C-a
Rạch Vượt	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 43' 18"	106° 06' 29"	09° 43' 09"	106° 06' 08"	C-48-57-C-a
sông Khém Bình Linh	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 41' 16"	106° 06' 30"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-a
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
ấp Bình Danh A	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 36' 33"	106° 12' 36"					C-48-57-C-d
ấp Bình Danh B	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 35' 29"	106° 13' 36"					C-48-57-C-d
ấp Bình Du A	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 37' 40"	106° 10' 52"					C-48-57-C-d
ấp Bình Du B	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 36' 52"	106° 11' 47"					C-48-57-C-d
ấp Phạm Thành Hơn A	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 38' 50"	106° 09' 58"					C-48-57-C-b
ấp Phạm Thành Hơn B	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 38' 25"	106° 10' 16"					C-48-57-C-b
ấp Sơn Ton	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 35' 51"	106° 13' 14"					C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Kos Tung	KX	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 35' 53"	106° 13' 15"					C-48-57-C-d
Đường tỉnh 933	KX	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-b
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
kênh Đình Trụ	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 39' 46"	106° 09' 46"	09° 39' 21"	106° 09' 11"	C-48-57-C-b
rạch Bảy Bự	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 24"	106° 11' 20"	09° 37' 18"	106° 10' 46"	C-48-57-C-d
rạch Bà Cả	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 09"	106° 12' 25"	09° 35' 29"	106° 11' 59"	C-48-57-C-d
rạch Bà Chủ	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 56"	106° 11' 40"	09° 37' 20"	106° 12' 01"	C-48-57-C-d
rạch Bà Kẹo	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 35' 45"	106° 12' 52"	09° 36' 06"	106° 13' 22"	C-48-57-C-d
rạch Ba Rựa	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 38' 35"	106° 10' 35"	09° 38' 05"	106° 10' 33"	C-48-57-C-b
rạch Bần Một	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 30"	106° 12' 02"	09° 35' 35"	106° 11' 37"	C-48-57-C-d
rạch Công Điền	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 35' 45"	106° 12' 51"	09° 35' 25"	106° 12' 17"	C-48-57-C-d
rạch Đầu Bần	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 48"	106° 11' 06"	09° 37' 44"	106° 10' 48"	C-48-57-C-b
rạch Hai Hạt	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 46"	106° 11' 49"	09° 36' 26"	106° 11' 05"	C-48-57-C-d
rạch Mù U	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 34' 49"	106° 13' 06"	09° 36' 16"	106° 14' 46"	C-48-57-C-d
rạch Thợ Đồng	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 54"	106° 11' 42"	09° 36' 46"	106° 10' 54"	C-48-57-C-d
rạch Xóm Mới	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 30"	106° 11' 47"	09° 36' 01"	106° 11' 18"	C-48-57-C-d
Rạch Dây	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 33"	106° 11' 12"	09° 37' 38"	106° 11' 42"	C-48-57-C-d
Rạch Đồi	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 48"	106° 11' 07"	09° 37' 58"	106° 11' 26"	C-48-57-C-b
Rạch Đùi	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 35' 33"	106° 13' 04"	09° 35' 19"	106° 12' 29"	C-48-57-C-d
Rạch Lớn	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 30"	106° 11' 50"	09° 36' 54"	106° 10' 51"	C-48-57-C-d
Rạch Ngát	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 38' 37"	106° 10' 33"	09° 38' 34"	106° 10' 07"	C-48-57-C-b
sông Bến Bạ	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 42' 59"	106° 07' 46"	09° 36' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
sông Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
ấp An Bình	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 34' 59"	106° 15' 51"					C-48-57-D-c
ấp An Hưng	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 35' 10"	106° 14' 49"					C-48-57-C-d
ấp An Nghiệp	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 34' 19"	106° 14' 42"					C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp An Nghiệp A	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 33' 43"	106° 14' 27"					C-48-57-D-c
ấp An Quới	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 34' 24"	106° 16' 35"					C-48-57-D-c
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
Đồn biên phòng An Thạnh 3	KX	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 35' 19"	106° 16' 26"					C-48-57-D-c
Đường tỉnh 934	KX	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-57-D-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 34' 25"	106° 14' 23"					C-48-57-C-d
cửa Định An	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 31' 53"	106° 21' 20"					C-48-57-D-c
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
Kênh Xáng	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 07"	106° 15' 44"	09° 33' 24"	106° 17' 16"	C-48-57-D-c
rạch Bà Đình	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 50"	106° 14' 02"	09° 34' 23"	106° 14' 34"	C-48-57-C-d
rạch Hai Vàm	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 14"	106° 15' 25"	09° 35' 36"	106° 15' 54"	C-48-57-D-c
rạch Hồ Lớn	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 32' 36"	106° 14' 06"	09° 32' 23"	106° 13' 08"	C-48-57-C-d
rạch Hồ Nhỏ	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 00"	106° 13' 41"	09° 32' 36"	106° 14' 06"	C-48-57-C-d
rạch Mù U	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 49"	106° 13' 06"	09° 36' 16"	106° 14' 46"	C-48-57-C-d
rạch Mười Đài	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 39"	106° 15' 59"	09° 34' 00"	106° 15' 45"	C-48-57-D-c
rạch Mương Cột	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 38"	106° 14' 35"	09° 34' 26"	106° 14' 27"	C-48-57-C-d
rạch Ông Bảy	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 49"	106° 14' 52"	09° 35' 48"	106° 15' 33"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Ông Năm	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 35' 21"	106° 14' 40"	09° 35' 55"	106° 15' 14"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Ông Sáu	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 35' 02"	106° 14' 43"	09° 35' 58"	106° 15' 16"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Ông Tám	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 25"	106° 14' 56"	09° 35' 45"	106° 15' 38"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Ruột Ngựa	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 08"	106° 15' 30"	09° 35' 23"	106° 16' 20"	C-48-57-D-c
Rạch Chồi	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 11"	106° 15' 23"	09° 35' 28"	106° 16' 07"	C-48-57-D-c
Rạch Chốt	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 02"	106° 16' 20"	09° 35' 11"	106° 16' 43"	C-48-57-D-c
Rạch Đùi	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 47"	106° 16' 10"	09° 35' 17"	106° 16' 32"	C-48-57-D-c
Rạch Khém	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 37"	106° 15' 12"	09° 35' 42"	106° 15' 39"	C-48-57-D-c
Rạch Lớn	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 30"	106° 15' 20"	09° 33' 07"	106° 14' 28"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
Rạch Sâu	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 32"	106° 15' 24"	09° 35' 41"	106° 15' 43"	C-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Rạch Tráng	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 22"	106° 16' 48"	09° 34' 22"	106° 13' 34"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
Rạch Voi	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 47"	106° 16' 10"	09° 32' 36"	106° 14' 06"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
sông Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
ấp Đặng Trung Tiến	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 42' 26"	106° 08' 17"					C-48-57-C-b
ấp Đền Thờ	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 39' 01"	106° 11' 37"					C-48-57-C-b
ấp Lê Minh Châu A	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 37' 50"	106° 12' 10"					C-48-57-C-b
ấp Lê Minh Châu B	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 37' 23"	106° 12' 50"					C-48-57-C-d
ấp Nguyễn Công Minh A	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 39' 36"	106° 10' 53"					C-48-57-C-b
ấp Nguyễn Công Minh B	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 38' 17"	106° 11' 31"					C-48-57-C-b
ấp Tăng Long	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 36' 46"	106° 13' 56"					C-48-57-C-d
ấp Trương Công Nhựt	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 40' 06"	106° 10' 08"					C-48-57-C-b
đền thờ Bác Hồ	KX	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 39' 10"	106° 10' 59"					C-48-57-C-b
Cồn Cộc	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 39' 07"	106° 11' 02"					C-48-57-C-b
rạch Bần Cò	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 29"	106° 09' 16"	09° 41' 00"	106° 09' 50"	C-48-57-C-b
rạch Cồn Lát	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 39' 10"	106° 11' 34"	09° 38' 57"	106° 10' 58"	C-48-57-C-b
rạch Dàn Xây	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 28"	106° 12' 16"	09° 38' 01"	106° 11' 29"	C-48-57-C-b
rạch Khém Ông Bộ	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 17"	106° 09' 40"	09° 40' 14"	106° 09' 27"	C-48-57-C-b
rạch Lòng Đầm	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 03"	106° 10' 36"	09° 38' 42"	106° 11' 02"	C-48-57-C-b
rạch Ông Niên	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 28"	106° 11' 55"	09° 38' 25"	106° 11' 13"	C-48-57-C-b
rạch Sáu Khai	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 37' 00"	106° 13' 43"	09° 36' 06"	106° 13' 43"	C-48-57-C-d
rạch Sáu Chết	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 36' 37"	106° 12' 58"	09° 37' 03"	106° 13' 50"	C-48-57-C-d
rạch Tầm Bức	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 37' 11"	106° 12' 23"	09° 37' 42"	106° 13' 06"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
rạch Thăng Dinh	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 52"	106° 11' 54"	09° 38' 32"	106° 11' 09"	C-48-57-C-b
rạch Vàm Tắc	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 29"	106° 10' 02"	09° 40' 07"	106° 10' 45"	C-48-57-C-b
Rạch Chồn	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 46"	106° 11' 03"	09° 39' 07"	106° 11' 45"	C-48-57-C-b
Rạch Chùa	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 29"	106° 12' 13"	09° 38' 11"	106° 11' 23"	C-48-57-C-b
Rạch Đui	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 37' 01"	106° 12' 34"	09° 37' 27"	106° 13' 24"	C-48-57-C-d
Rạch Gốc	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 17"	106° 09' 41"	09° 38' 58"	106° 10' 58"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Rạch Rô	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 18"	106° 12' 14"	09° 37' 40"	106° 11' 47"	C-48-57-C-b
Rạch Sơn	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 37' 46"	106° 11' 48"	09° 38' 22"	106° 12' 28"	C-48-57-C-b
Rạch Tráng	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 13"	106° 10' 05"	09° 40' 47"	106° 10' 02"	C-48-57-C-b
sông Bến Bạ	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 42' 59"	106° 07' 46"	09° 36' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
ấp Vàm Hồ	DC	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 31' 18"	106° 14' 05"					C-48-57-C-d
ấp Vàm Hồ A	DC	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 33' 14"	106° 13' 39"					C-48-57-C-d
ấp Võ Thành Văn	DC	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 32' 50"	106° 15' 32"					C-48-57-D-c
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-D-c
Đường tỉnh 934	KX	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-57-C-d
Nông trường 416	KX	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 32' 57"	106° 13' 49"					C-48-57-C-d
bãi Đuôi Cồn Dung	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 30' 46"	106° 16' 44"					C-48-57-D-c
cửa Trần Đề	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 29' 14"	106° 13' 15"					C-48-69-(A-b+B-a)
Cồn Khi	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 32' 21"	106° 12' 55"					C-48-57-C-d
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-C-d
kênh Bảy Ngà	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 53"	106° 12' 52"	09° 32' 19"	106° 13' 08"	C-48-57-C-d
Kênh 731	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 08"	106° 14' 08"	09° 30' 35"	106° 13' 49"	C-48-57-C-d
Kênh 732	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 49"	106° 15' 17"	09° 30' 27"	106° 14' 01"	C-48-57-C-d
Kênh A	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 33' 31"	106° 13' 38"	09° 33' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-d
Kênh C	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 33"	106° 13' 46"	09° 32' 58"	106° 13' 48"	C-48-57-C-d
Kênh Sườn	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 42"	106° 15' 38"	09° 33' 00"	106° 16' 41"	C-48-57-D-c
Kênh Xáng	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 38"	106° 16' 33"	09° 30' 55"	106° 14' 17"	C-48-57-C-d;C-48-57-D-c
rạch Hồ Lớn	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 36"	106° 14' 06"	09° 32' 23"	106° 13' 08"	C-48-57-C-d
rạch Hồ Nhỏ	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 34' 00"	106° 13' 41"	09° 32' 36"	106° 14' 06"	C-48-57-C-d
rạch Năm Tiên	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 34"	106° 14' 09"	09° 32' 42"	106° 15' 38"	C-48-57-C-d
rạch Ông Cùi	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 49"	106° 15' 17"	09° 32' 34"	106° 14' 45"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
rạch Sáu Hầm	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 21"	106° 13' 18"	09° 31' 32"	106° 13' 02"	C-48-57-C-d
rạch Sáu Ván	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 20"	106° 14' 37"	09° 32' 23"	106° 14' 17"	C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Vượt Biên	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 14"	106° 13' 19"	09° 30' 54"	106° 13' 24"	C-48-57-C-d
Rạch Ngay	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 27"	106° 13' 41"	09° 30' 52"	106° 13' 25"	C-48-57-C-d
Rạch Su	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 35"	106° 14' 51"	09° 32' 35"	106° 14' 04"	C-48-57-C-d
Rạch Voi	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 33' 47"	106° 16' 10"	09° 32' 36"	106° 14' 06"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
sông Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d; C-48-69-(A-b+B-a)
ấp An Lạc	DC	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 42' 17"	106° 07' 29"					C-48-57-C-a
ấp An Phú	DC	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 40' 54"	106° 07' 05"					C-48-57-C-a
ấp An Phú A	DC	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 40' 07"	106° 07' 23"					C-48-57-C-a
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
cồn Chính Liên	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 40' 53"	106° 07' 17"					C-48-57-C-a
Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 37' 59"	106° 10' 04"					C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
rạch Bà Hành	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 40' 20"	106° 07' 48"	09° 41' 10"	106° 06' 31"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
rạch Bần Cầu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 39' 00"	106° 08' 31"	09° 39' 26"	106° 08' 45"	C-48-57-C-b
rạch Bình Linh	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 48"	106° 07' 33"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
rạch Già Nhỏ	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 46"	106° 07' 43"	09° 42' 16"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
rạch Khém Cạn	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 39' 29"	106° 08' 53"	09° 39' 17"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
rạch Long Ân	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 43' 04"	106° 05' 51"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
rạch Xóm Đạo	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 40' 42"	106° 06' 53"	09° 39' 41"	106° 07' 56"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
Rạch Già	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 34"	106° 07' 50"	09° 40' 45"	106° 07' 56"	C-48-57-C-b
Rạch Sâu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 42' 33"	106° 07' 04"	09° 43' 04"	106° 07' 41"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
Rạch Sung	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 27"	106° 08' 14"	09° 41' 45"	106° 08' 29"	C-48-57-C-b
Rạch Tàu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 56"	106° 07' 30"	09° 42' 36"	106° 07' 52"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Bến Bạ	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 42' 59"	106° 07' 46"	09° 36' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-b
sông Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-b
sông Khém Bình Linh	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 16"	106° 06' 30"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
sông Khém Rạch Già	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 26"	106° 07' 04"	09° 40' 22"	106° 07' 59"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
sông Khém Sâu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 38' 55"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
ấp Đoàn Văn Tổ	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 37' 50"	106° 09' 40"					C-48-57-C-b
ấp Đoàn Văn Tổ A	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 37' 32"	106° 10' 14"					C-48-57-C-b
ấp Nguyễn Tăng	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 34' 05"	106° 12' 32"					C-48-57-C-d
ấp Sáu Thừ	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 36' 16"	106° 10' 47"					C-48-57-C-d
ấp Văn Sáu	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 38' 27"	106° 09' 04"					C-48-57-C-b
Đường tỉnh 933	KX	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-b
Cồn Tròn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 37' 59"	106° 10' 04"					C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
rạch Ba Cạn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 51"	106° 08' 56"	09° 39' 08"	106° 09' 23"	C-48-57-C-b
rạch Ba Tôn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 39' 01"	106° 08' 39"	09° 39' 29"	106° 08' 55"	C-48-57-C-b
rạch Bà Hà	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 40"	106° 09' 05"	09° 39' 08"	106° 09' 23"	C-48-57-C-b
rạch Bần Cầu	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 39' 00"	106° 08' 31"	09° 39' 26"	106° 08' 45"	C-48-57-C-b
rạch Cây Bàng	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 06"	106° 13' 03"	09° 32' 51"	106° 13' 15"	C-48-57-C-d
rạch Cây Me	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 13"	106° 09' 28"	09° 38' 15"	106° 09' 19"	C-48-57-C-b
rạch Chủ Đài	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 47"	106° 11' 53"	09° 34' 28"	106° 11' 39"	C-48-57-C-d
rạch Dàng Xây	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 47"	106° 12' 24"	09° 33' 40"	106° 12' 03"	C-48-57-C-d
rạch Hai Giảm	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 48"	106° 09' 01"	09° 39' 08"	106° 09' 23"	C-48-57-C-b
rạch Hai Ký	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 17"	106° 12' 57"	09° 34' 37"	106° 13' 12"	C-48-57-C-d
rạch Hai Lòng	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 32' 59"	106° 12' 45"	09° 32' 54"	106° 12' 22"	C-48-57-C-d
rạch Hai Vàm	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 24"	106° 11' 52"	09° 34' 18"	106° 11' 45"	C-48-57-C-d
rạch Kênh Đào	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 48"	106° 08' 45"	09° 38' 36"	106° 08' 25"	C-48-57-C-b
rạch Kênh Xáng	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 40"	106° 09' 57"	09° 38' 04"	106° 09' 29"	C-48-57-C-b
rạch Khai Luông	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 22"	106° 13' 30"	09° 33' 24"	106° 12' 10"	C-48-57-C-d
rạch Khém Cạn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 39' 29"	106° 08' 53"	09° 39' 17"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Mười Kính	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 54"	106° 12' 56"	09° 34' 21"	106° 13' 30"	C-48-57-C-d
rạch Năm Tiểu	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 39' 00"	106° 09' 33"	09° 38' 23"	106° 09' 10"	C-48-57-C-b
rạch Nhà Thờ	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 03"	106° 12' 35"	09° 34' 42"	106° 13' 05"	C-48-57-C-d
rạch Ông Đình	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 36' 39"	106° 10' 37"	09° 36' 52"	106° 10' 47"	C-48-57-C-d
rạch Ông Đội	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 43"	106° 08' 18"	09° 38' 11"	106° 08' 43"	C-48-57-C-b
rạch Ông Hai	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 24"	106° 11' 52"	09° 34' 09"	106° 11' 49"	C-48-57-C-d
rạch Sáu Cang	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 13"	106° 09' 49"	09° 38' 30"	106° 10' 07"	C-48-57-C-b
rạch Sáu Tịnh	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 36' 08"	106° 11' 09"	09° 35' 52"	106° 10' 38"	C-48-57-C-d
rạch Tân Tạo	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 09"	106° 09' 23"	09° 37' 38"	106° 09' 04"	C-48-57-C-b
rạch Tư Minh	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 52"	106° 08' 40"	09° 39' 25"	106° 09' 02"	C-48-57-C-b
rạch Xẻo Bảy	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 37' 26"	106° 10' 02"	09° 37' 25"	106° 09' 15"	C-48-57-C-d
rạch Xẻo Lướt	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 37' 43"	106° 09' 55"	09° 38' 15"	106° 10' 21"	C-48-57-C-b
rạch Xẻo Xú	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 35' 25"	106° 11' 51"	09° 34' 53"	106° 11' 23"	C-48-57-C-d
Rạch Đáy	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 37' 26"	106° 10' 02"	09° 37' 52"	106° 10' 39"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
Rạch Đôi	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 36' 47"	106° 10' 12"	09° 37' 15"	106° 10' 42"	C-48-57-C-d
Rạch Giữa	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 18"	106° 12' 42"	09° 33' 29"	106° 12' 08"	C-48-57-C-d
Rạch Lớn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 10"	106° 12' 12"	09° 33' 59"	106° 11' 54"	C-48-57-C-d
Rạch Sậy	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 16"	106° 09' 49"	09° 38' 36"	106° 10' 02"	C-48-57-C-b
sông Cồn Tròn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
sông Khém Sâu	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 38' 55"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
ấp An Bình	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 52' 33"	105° 56' 03"					C-48-56-B-b
ấp An Ninh	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 54' 47"	105° 54' 34"					C-48-56-B-b
ấp An Ninh 2	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 55' 47"	105° 53' 26"					C-48-56-B-b
ấp An Thới	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 53' 31"	105° 55' 30"					C-48-56-B-b
ấp Phên Đen	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 52' 14"	105° 57' 26"					C-48-56-B-d
bến phà An Lạc Thôn	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 55' 58"	105° 53' 31"					C-48-56-B-b
cầu Cái Côn	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 55' 52"	105° 53' 22"					C-48-56-B-b
Di tích lịch sử văn hoá Địa điểm Mỹ ngụy thăm sát thường dân ở vàm Cái Cao	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 54' 07"	105° 55' 17"					C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 932B	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 51' 12"	09° 55' 51"	105° 53' 26"	C-48-56-B-b
Đường tỉnh 932	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-B-b; C-48-56-B-d
tỉnh xá Ngọc Đăng	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 55' 38"	105° 53' 23"					C-48-56-B-b
kênh Mương Lộ	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-b
kênh Thuỷ Lợi	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 54' 16"	105° 55' 31"	09° 52' 33"	105° 56' 35"	C-48-56-B-b
Kênh Đào	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 55' 53"	105° 53' 43"	09° 55' 05"	105° 54' 17"	C-48-56-B-b
Mương Kinh	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 54' 58"	105° 54' 12"	09° 55' 21"	105° 53' 45"	C-48-56-B-b
rạch Cái Trâm	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 52' 52"	105° 56' 56"	09° 49' 56"	105° 51' 46"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-b
rạch Mương Khai	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 53' 23"	105° 54' 00"	09° 55' 13"	105° 54' 24"	C-48-56-B-b
rạch Ngã Ba	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 52' 05"	105° 55' 25"	09° 54' 04"	105° 55' 03"	C-48-56-B-b
rạch Phên Đen	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 51' 47"	105° 56' 35"	09° 52' 16"	105° 57' 32"	C-48-56-B-d
Rạch Bần	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 54' 25"	105° 53' 31"	09° 55' 32"	105° 53' 20"	C-48-56-B-b
sông Cái Cao	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 51' 43"	105° 53' 27"	09° 54' 32"	105° 55' 13"	C-48-56-B-b
sông Cái Côn	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 53' 09"	105° 52' 00"	09° 56' 02"	105° 53' 30"	C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-b
ấp An Định	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 19"	105° 57' 48"					C-48-56-B-d
ấp An Khương	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 29"	105° 58' 08"					C-48-56-B-d
ấp An Ninh 1	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 19"	105° 59' 40"					C-48-56-B-d
ấp An Ninh 2	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 02"	105° 59' 06"					C-48-56-B-d
ấp An Phú	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 45' 45"	105° 57' 32"					C-48-56-B-d
ấp An Thành	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 15"	105° 58' 42"					C-48-56-B-d
chùa Hải Phước	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 27"	105° 59' 01"					C-48-56-B-d
chùa Hưng Kế Tự	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 30"	105° 59' 03"					C-48-56-B-d
chùa Pô Thi Khsách	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 11"	105° 59' 00"					C-48-56-B-d
chùa Thiên Phước	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 03"	105° 58' 57"					C-48-56-B-d
đình thần An Nghiệp	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 45' 35"	105° 59' 43"					C-48-56-B-d
Đường tỉnh 932	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh 8 tháng 3	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 48' 16"	105° 58' 18"	09° 46' 46"	105° 58' 31"	C-48-56-B-d
kênh Mương Lộ	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-B-d
kênh Mỹ Tập	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 49' 16"	105° 59' 27"	09° 46' 11"	105° 59' 33"	C-48-56-B-d
kênh Na Tung	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 07"	105° 55' 35"	09° 44' 17"	105° 58' 17"	C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Nổi	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 44' 44"	105° 58' 04"	09° 46' 21"	105° 58' 25"	C-48-56-B-d; C-48-56-D-b
rạch An Khương	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 46' 46"	105° 58' 31"	09° 46' 22"	105° 58' 32"	C-48-56-B-d
rạch An Nghiệp	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 59' 03"	09° 45' 40"	105° 59' 32"	C-48-56-B-d
rạch Bà Lèo	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 55"	105° 58' 36"	09° 45' 59"	105° 57' 34"	C-48-56-B-d
rạch Bà Tép	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 40"	105° 59' 32"	09° 44' 54"	105° 59' 01"	C-48-56-B-d
rạch Bung Tiết	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 46' 25"	105° 57' 53"	09° 44' 29"	105° 57' 19"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Bung Túc	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 48' 33"	105° 56' 11"	09° 46' 28"	105° 57' 55"	C-48-56-B-d
rạch Phú Tây	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 40"	105° 59' 32"	09° 45' 17"	106° 01' 02"	C-48-56-B-d
sông Số 1	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-56-B-d
ấp An Công	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 50' 38"	105° 59' 48"					C-48-56-B-d
ấp An Hoà	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 51' 20"	105° 58' 17"					C-48-56-B-d
ấp An Lợi	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 50' 07"	105° 59' 33"					C-48-56-B-d
ấp An Phú	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 52' 03"	105° 57' 39"					C-48-56-B-d
ấp An Tấn	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 51' 56"	105° 58' 24"					C-48-56-B-d
ấp An Thanh	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 49' 35"	106° 00' 09"					C-48-57-A-c
chợ Trà Éch	KX	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 48' 33"	106° 00' 56"					C-48-57-A-c
chùa Hưng Lạc Trị	KX	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 48' 34"	106° 00' 56"					C-48-57-A-c
chùa Khánh An	KX	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 49' 45"	105° 58' 59"					C-48-56-B-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-56-B-d; C-48-57-A-c
Cồn Bàng	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 50' 30"	105° 59' 58"					C-48-56-B-d
Cồn Cò	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 52' 11"	105° 58' 13"					C-48-56-B-d
kênh Thị Hồ	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 51' 02"	105° 57' 58"	09° 50' 19"	105° 58' 45"	C-48-56-B-d
rạch Cái Trung	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 49' 16"	105° 59' 27"	09° 50' 04"	105° 59' 42"	C-48-56-B-d
rạch Cầu Trường	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 50' 19"	105° 58' 45"	09° 50' 36"	105° 59' 09"	C-48-56-B-d
rạch Đại An	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 49' 17"	105° 58' 17"	09° 49' 37"	105° 59' 13"	C-48-56-B-d
rạch Phên Đen	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 51' 47"	105° 56' 35"	09° 52' 16"	105° 57' 32"	C-48-56-B-d
rạch Trà Éch	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 48' 31"	105° 59' 46"	09° 48' 31"	106° 01' 04"	C-48-56-B-d
Rạch Vọp	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-d
sông Mỹ Hội	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 47' 07"	106° 00' 02"	09° 49' 16"	105° 59' 27"	C-48-56-B-d
Sông Hậu	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d; C-48-56-B-b
ấp An Nghiệp	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 31"	105° 59' 26"					C-48-56-B-d
Ấp Ba	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 06"	106° 00' 56"					C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Phụng An	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 44' 46"	106° 00' 40"					C-48-57-C-a
ấp Phú Tây	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 34"	106° 00' 07"					C-48-57-A-c
ấp Trường Lộc	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 43' 07"	105° 59' 38"					C-48-56-D-b
ấp Trường Phú	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 43' 24"	106° 00' 39"					C-48-57-C-a
ấp Trường Thọ	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 43' 43"	105° 59' 38"					C-48-56-D-b
chùa Châm Pa Chum	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 31"	105° 59' 38"					C-48-56-B-d
chùa Phước An	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 44' 18"	106° 00' 32"					C-48-57-C-a
đình Phú An	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 15"	106° 01' 00"					C-48-57-A-c
đình Phú Tây	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 16"	106° 00' 27"					C-48-57-A-c
Đường tỉnh 932	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh An Mỹ-30 tháng 4	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-d
kênh Bảy Phương	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 44' 55"	105° 58' 36"	09° 44' 46"	106° 00' 36"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-d
kênh Cây Chôm	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 24"	105° 58' 02"	09° 43' 36"	105° 59' 45"	C-48-56-D-b
kênh Mương Lộ	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh Năm Tại	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 44' 09"	106° 01' 39"	09° 44' 52"	106° 00' 59"	C-48-57-C-a
kênh Ô Quên	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 13"	105° 59' 54"	09° 41' 20"	105° 56' 56"	C-48-56-D-b
kênh Số Sáu	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 15"	106° 00' 43"	09° 42' 46"	106° 01' 40"	C-48-57-C-a
kênh Tân Sến	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 01"	105° 59' 27"	09° 43' 14"	105° 57' 59"	C-48-56-D-b
kênh Thầy Cai	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 56"	106° 00' 50"	09° 43' 07"	106° 01' 55"	C-48-57-C-a
kênh Tư Lợi	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 07"	106° 00' 56"	09° 44' 27"	106° 01' 43"	C-48-57-C-a
rạch Bà Chúa	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 42' 44"	106° 00' 03"	09° 42' 59"	106° 01' 13"	C-48-57-C-a
rạch Bà Tép	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 40"	105° 59' 32"	09° 44' 54"	105° 59' 01"	C-48-56-B-d
rạch Cà Ngay	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 47"	106° 00' 10"	09° 45' 16"	106° 00' 29"	C-48-57-A-c
rạch Phú Tây	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 40"	105° 59' 32"	09° 45' 17"	106° 01' 02"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
rạch Sáu Hi	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 44' 23"	106° 01' 50"	09° 44' 56"	106° 01' 06"	C-48-57-C-a
rạch Trường Lộc	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 40' 42"	106° 00' 09"	09° 43' 13"	105° 59' 54"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-d
sông Số 1	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Trường Thọ	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 44' 14"	106° 00' 39"	09° 44' 17"	105° 58' 17"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-d
Ấp 4	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 51' 04"	105° 53' 18"					C-48-56-B-d
ấp 5A	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 50' 04"	105° 51' 45"					C-48-56-B-c
ấp 5B	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 48' 40"	105° 51' 23"					C-48-56-B-d
Ấp 6	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 49' 35"	105° 52' 44"					C-48-56-B-d
Ấp 7	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 48' 52"	105° 53' 04"					C-48-56-B-d
Ấp 8	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 49' 00"	105° 54' 46"					C-48-56-B-d
Ấp 12	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 50' 33"	105° 53' 46"					C-48-56-B-d
Đường tỉnh 932B	KX	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 51' 12"	09° 55' 51"	105° 53' 26"	C-48-56-B-c
Nhà lưu niệm Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân Việt Nam-Liệt sĩ Thiều Văn Chỏi	KX	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 49' 15"	105° 53' 56"					C-48-56-B-d
thánh đường Ba Trinh	KX	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 50' 10"	105° 51' 46"					C-48-56-B-c
kênh Cái Côn	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 55' 01"	105° 53' 13"	09° 48' 07"	105° 51' 15"	C-48-56-B-c
kênh Hai Thanh	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 50' 22"	105° 52' 18"	09° 50' 09"	105° 53' 26"	C-48-56-B-d
kênh Sáu Bé	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 48' 44"	105° 52' 50"	09° 48' 03"	105° 54' 35"	C-48-56-B-d
kênh Tám Tiền	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 50' 31"	105° 53' 52"	09° 50' 11"	105° 54' 37"	C-48-56-B-d
Kênh Tiểu	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 51' 45"	105° 52' 10"	09° 51' 16"	105° 53' 48"	C-48-56-B-d
rạch Bung Chuối Nước	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 49' 55"	105° 51' 44"	09° 49' 14"	105° 53' 59"	C-48-56-B-c; C-48-56-B-d
rạch Cái Trâm	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 52' 52"	105° 56' 56"	09° 49' 56"	105° 51' 46"	C-48-56-B-c; C-48-56-B-d
rạch Cây Bàng	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 50' 19"	105° 52' 49"	09° 50' 46"	105° 54' 00"	C-48-56-B-d
rạch Chính Du	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 51' 16"	105° 53' 48"	09° 49' 35"	105° 54' 51"	C-48-56-B-d
rạch Đường Trâu	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 50' 09"	105° 53' 26"	09° 49' 21"	105° 53' 48"	C-48-56-B-d
rạch Thông Cù	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 49' 34"	105° 54' 51"	09° 48' 46"	105° 54' 49"	C-48-56-B-d
Rạch Vọp	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-c; C-48-56-B-d
ấp Ba Rinh	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 46' 03"	105° 51' 14"					C-48-56-B-c
ấp Đông Hải	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 35"	105° 51' 51"					C-48-56-B-c
ấp Hậu Bồi	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 45"	105° 54' 03"					C-48-56-B-d
ấp Kinh Ngay	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 48' 03"	105° 52' 47"					C-48-56-B-d
ấp Mang Cá	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 48' 02"	105° 51' 11"					C-48-56-B-c
ấp Nam Hải	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 16"	105° 52' 48"					C-48-56-B-d
ấp Số 1	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 47' 31"	105° 53' 36"					C-48-56-B-d
ấp Trung Hải	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 46' 45"	105° 52' 14"					C-48-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ		
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)		
cầu Ba Rinh	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 59"	105° 51' 10"						C-48-56-B-c
Đường tỉnh 932B	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 51' 12"	09° 55' 51"	105° 53' 26"		C-48-56-B-c
nhà thờ Thiết An	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 38"	105° 51' 26"						C-48-56-B-c
Quốc lộ 1	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"		C-48-56-B-c
thánh đường Đại Hải	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 15"	105° 51' 45"						C-48-56-B-c
kênh 30 tháng 4	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"		C-48-56-B-d
kênh 5 Thước	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 34"	105° 52' 41"	09° 45' 15"	105° 52' 05"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
kênh 8 Thước	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 13"	105° 52' 23"	09° 45' 47"	105° 51' 54"		C-48-56-B-c
kênh Ba Hoàng	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 52"	105° 54' 02"	09° 48' 07"	105° 52' 47"		C-48-56-B-d
kênh Ba Rinh Cũ	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 22"	105° 51' 10"	09° 40' 42"	105° 51' 44"		C-48-56-B-c
kênh Cái Côn	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 55' 01"	105° 53' 13"	09° 48' 07"	105° 51' 15"		C-48-56-B-c
kênh Hậu Bồi	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 59"	105° 52' 19"	09° 46' 28"	105° 54' 17"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
kênh Hồ Đắc Kiên	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 53"	105° 51' 12"	09° 40' 59"	105° 51' 00"		C-48-56-B-c
kênh Láng Bào	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 40"	105° 52' 35"	09° 46' 13"	105° 52' 23"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
kênh Lâm Trường	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 29"	105° 50' 46"	09° 42' 20"	105° 50' 25"		C-48-56-B-c
kênh Mang Cá	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 09"	105° 51' 06"	09° 45' 58"	105° 51' 09"		C-48-56-B-c
kênh Mỏ Neo	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 54"	105° 54' 24"	09° 45' 11"	105° 54' 00"		C-48-56-B-d
kênh Năm Hải	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 10"	105° 51' 44"	09° 45' 04"	105° 54' 00"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
kênh Năm Tời	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 32"	105° 53' 22"	09° 46' 46"	105° 53' 09"		C-48-56-B-d
kênh Ông Mậu	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 53' 17"	09° 45' 15"	105° 53' 00"		C-48-56-B-d
kênh Sáu Bé	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 44"	105° 52' 50"	09° 48' 03"	105° 54' 35"		C-48-56-B-d
kênh Sóc Trăng	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 33"	105° 50' 44"	09° 45' 14"	105° 51' 41"		C-48-56-B-c
kênh Trung Hải	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 59"	105° 52' 17"	09° 45' 14"	105° 51' 42"		C-48-56-B-c
Kênh 25	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 51"	105° 54' 22"	09° 47' 22"	105° 52' 24"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Kênh Lầu	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 02"	105° 51' 15"	09° 46' 58"	105° 52' 18"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Kênh Năm	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 47' 00"	105° 52' 18"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Kênh Ngay	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 08"	105° 51' 06"	09° 47' 46"	105° 52' 31"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Kênh Tư	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 26"	105° 52' 49"	09° 45' 14"	105° 52' 25"		C-48-56-B-d; C-48-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Hậu Bồi	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 16"	105° 54' 29"	09° 46' 54"	105° 54' 24"	C-48-56-B-d
Rạch Vọt	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-c
sông Sô 1	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-56-B-d
ấp 19/5	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 45' 10"	105° 55' 21"					C-48-56-B-d
ấp Cầu Chùa	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 47' 00"	105° 55' 34"					C-48-56-B-d
ấp Chót Dung	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 48' 24"	105° 55' 35"					C-48-56-B-d
ấp Lung Đen	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 45' 46"	105° 54' 44"					C-48-56-B-d
ấp Số 1	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 47' 13"	105° 54' 36"					C-48-56-B-d
ấp Xóm Chòi	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 48' 25"	105° 54' 50"					C-48-56-B-d
kênh 10 Thước	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 45' 28"	105° 55' 03"	09° 47' 05"	105° 55' 15"	C-48-56-B-d
kênh Bảy Thuận	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 47"	105° 55' 07"	09° 48' 24"	105° 55' 08"	C-48-56-B-d
kênh Ba Ngánh	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 03"	105° 55' 26"	09° 48' 23"	105° 55' 18"	C-48-56-B-d
kênh Ba Nhỏ	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 08"	105° 55' 04"	09° 48' 23"	105° 55' 03"	C-48-56-B-d
kênh Chót Dung	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 22"	105° 55' 48"	09° 48' 24"	105° 54' 38"	C-48-56-B-d
kênh Chùa Mới	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 24"	105° 55' 28"	09° 49' 46"	105° 55' 23"	C-48-56-B-d
kênh Cựa Gà	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 45' 37"	105° 54' 51"	09° 45' 47"	105° 55' 43"	C-48-56-B-d
kênh Hai Tôn	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 41"	105° 54' 21"	09° 46' 23"	105° 55' 43"	C-48-56-B-d
kênh Hai Xích	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 45' 23"	105° 54' 01"	09° 45' 10"	105° 54' 57"	C-48-56-B-d
kênh Lung Đen	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 00"	105° 54' 10"	09° 45' 03"	105° 55' 32"	C-48-56-B-d
kênh Mỏ Neo	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 54"	105° 54' 24"	09° 45' 11"	105° 54' 00"	C-48-56-B-d
kênh Sáu Bé	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 44"	105° 52' 50"	09° 48' 03"	105° 54' 35"	C-48-56-B-d
kênh Tám Mun	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 40"	105° 55' 53"	09° 47' 47"	105° 55' 21"	C-48-56-B-d
kênh Tư Liễn	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 10"	105° 54' 55"	09° 45' 46"	105° 54' 40"	C-48-56-B-d
kênh Xóm Chòi	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 46"	105° 54' 49"	09° 47' 17"	105° 54' 29"	C-48-56-B-d
rạch Cầu Chùa	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 56"	105° 55' 47"	09° 45' 44"	105° 55' 56"	C-48-56-B-d
rạch Giồng Cát	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 44' 09"	105° 55' 21"	09° 45' 11"	105° 54' 00"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Hai Giáp	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 53"	105° 55' 53"	09° 48' 22"	105° 55' 48"	C-48-56-B-d
rạch Hậu Bồi	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 16"	105° 54' 29"	09° 46' 54"	105° 54' 24"	C-48-56-B-d
rạch Vườn Dơi	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 45' 44"	105° 55' 56"	09° 44' 09"	105° 55' 21"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Xóm Đồng	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 22"	105° 55' 48"	09° 50' 23"	105° 57' 01"	C-48-56-B-d
sông Sô 1	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-56-B-d
ấp Ba Lăng	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 45' 57"	105° 57' 26"					C-48-56-B-d
ấp Bồ Đề	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 45' 29"	105° 56' 31"					C-48-56-B-d
ấp Bưng Túc	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 47' 19"	105° 57' 22"					C-48-56-B-d
ấp Cây Sộp	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 44' 32"	105° 56' 53"					C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Kinh Giữa 1	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 46' 43"	105° 56' 15"					C-48-56-B-d
ấp Kinh Giữa 2	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 46' 42"	105° 57' 11"					C-48-56-B-d
ấp Thành Tân	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 48' 26"	105° 56' 02"					C-48-56-B-d
chùa Pô Thi PhĐốc	KX	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 46' 22"	105° 55' 50"					C-48-56-B-d
kênh Chín Quắm	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 41"	105° 56' 39"	09° 45' 32"	105° 56' 27"	C-48-56-B-d
kênh Kim Môm	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 06"	105° 55' 37"	09° 44' 53"	105° 57' 25"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh Lâu Ẽn	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 31"	105° 56' 41"	09° 44' 36"	105° 56' 32"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh Na Tung	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 07"	105° 55' 35"	09° 44' 17"	105° 58' 17"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh Năm Lộc	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 42"	105° 56' 25"	09° 45' 35"	105° 56' 14"	C-48-56-B-d
kênh Tư Sò	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 39"	105° 56' 57"	09° 45' 28"	105° 56' 48"	C-48-56-B-d
rạch Bò Đề	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 44"	105° 55' 56"	09° 45' 15"	105° 57' 20"	C-48-56-B-d
rạch Bung Tiết	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 25"	105° 57' 53"	09° 44' 29"	105° 57' 19"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Bung Túc	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 48' 33"	105° 56' 11"	09° 46' 28"	105° 57' 55"	C-48-56-B-d
rạch Cầu Chùa	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 56"	105° 55' 47"	09° 45' 44"	105° 55' 56"	C-48-56-B-d
rạch Hai Giáp	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 53"	105° 55' 53"	09° 48' 22"	105° 55' 48"	C-48-56-B-d
rạch Vườn Dơi	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 44"	105° 55' 56"	09° 44' 09"	105° 55' 21"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Xóm Đồng	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 48' 22"	105° 55' 48"	09° 50' 23"	105° 57' 01"	C-48-56-B-d
sông Sô 1	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-56-B-d
ấp An Phú Đông	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 49"	106° 00' 13"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Huê	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 36"	106° 01' 46"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Lợi	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 48' 03"	106° 01' 21"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Phước	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 43"	106° 02' 20"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Tân	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 36"	106° 00' 11"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 48' 33"	106° 00' 44"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 11"	106° 01' 22"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Yên	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 44"	106° 01' 02"					C-48-57-A-c
chùa Hiệp Châu	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 57"	106° 02' 19"					C-48-57-A-c
chùa Khánh Mỹ	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 48' 49"	106° 00' 22"					C-48-57-A-c
chùa Mỹ Phước	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 48' 33"	105° 59' 42"					C-48-56-B-d
đình An Phú Đông	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 09"	106° 01' 33"					C-48-57-A-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-A-c
Thăng cảnh Cồn Mỹ Phước	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 57"	106° 02' 09"					C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
cồn Mỹ Phước	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 50"	106° 02' 10"					C-48-57-A-c
Kênh Tắc	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 46' 26"	106° 00' 21"	09° 46' 03"	106° 00' 11"	C-48-57-A-c
ạch Bờ Sao	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 46"	106° 00' 29"	09° 47' 25"	106° 00' 11"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
ạch Cây Vông	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 35"	106° 00' 43"	09° 47' 08"	106° 00' 05"	C-48-57-A-c
ạch Mương Khai	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 02"	106° 00' 26"	09° 47' 34"	106° 01' 50"	C-48-57-A-c
ạch Mương Siêu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 46' 41"	106° 01' 34"	09° 46' 17"	106° 01' 21"	C-48-57-A-c
ạch Trà Ếch	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 48' 31"	105° 59' 46"	09° 48' 31"	106° 01' 04"	C-48-57-A-c
Rạch Bàng	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 04"	106° 01' 15"	09° 46' 29"	106° 00' 54"	C-48-57-A-c
Rạch Gừa	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 06"	106° 00' 03"	09° 46' 12"	106° 01' 34"	C-48-57-A-c
Rạch Khém	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 48' 02"	106° 02' 24"	09° 47' 09"	106° 02' 53"	C-48-57-A-c
Rạch Mốp	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 46' 54"	106° 02' 22"	C-48-57-A-c
Rạch Sầu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 46' 48"	106° 01' 37"	09° 46' 26"	106° 01' 44"	C-48-57-A-c
sông Mỹ Hội	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 07"	106° 00' 02"	09° 49' 16"	105° 59' 27"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
sông Số 1	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
Sông Hậu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c
ấp Phong Hoà	DC	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 53' 15"	105° 57' 46"					C-48-56-B-b
ấp Phong Phú	DC	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 54' 35"	105° 55' 44"					C-48-56-B-b
ấp Phong Thạnh	DC	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 55' 25"	105° 55' 16"					C-48-56-B-b
ấp Phong Thới	DC	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 54' 21"	105° 56' 35"					C-48-56-B-b
chùa Phước Hoà	KX	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 52' 12"	105° 58' 59"					C-48-56-B-d
chùa Phước Thuận	KX	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 54' 45"	105° 56' 12"					C-48-56-B-b
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 53' 38"	105° 57' 48"					C-48-56-B-b
Cồn Bần	TV	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 54' 58"	105° 55' 50"					C-48-56-B-b
Cồn Cao	TV	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 53' 56"	105° 56' 44"					C-48-56-B-b
Cồn Giữa	TV	xã Phong Năm	H. Kế Sách	09° 54' 33"	105° 56' 07"					C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	xã Phong Năm	H. Kế Sách			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-56-B-b; C-48-56-A-c
Sông Nhỏ	TV	xã Phong Năm	H. Kế Sách			09° 54' 47"	105° 55' 34"	09° 53' 14"	105° 57' 43"	C-48-56-B-b
ấp An Hoà	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 47' 29"	105° 58' 07"					C-48-56-B-d
ấp An Nhơn	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 47' 14"	105° 58' 50"					C-48-56-B-d
ấp Đại An	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 14"	105° 58' 19"					C-48-56-B-d
ấp Mỹ Hội	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 03"	105° 59' 22"					C-48-56-B-d
ấp Ninh Thới	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 50' 15"	105° 57' 30"					C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ		
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)		
ấp Xóm Đồng 1	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 18"	105° 57' 32"						C-48-56-B-d
ấp Xóm Đồng 2	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 48' 12"	105° 57' 36"						C-48-56-B-d
chùa Pô Thi Thlang	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 47' 25"	105° 59' 04"						C-48-56-B-d
chùa Thiên Thới	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 50' 40"	105° 57' 52"						C-48-56-B-d
đình Đại An	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 34"	105° 59' 12"						C-48-56-B-d
đình Mỹ Hội	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 14"	105° 59' 28"						C-48-56-B-d
Đường tỉnh 932	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"		C-48-56-B-d
kênh 8 tháng 3	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 48' 16"	105° 58' 18"	09° 46' 46"	105° 58' 31"		C-48-56-B-d
kênh Ba Lù	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 04"	105° 57' 29"	09° 49' 21"	105° 58' 14"		C-48-56-B-d
kênh Muong Lộ	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"		C-48-56-B-d
kênh Mỹ Tập	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 16"	105° 59' 27"	09° 46' 11"	105° 59' 33"		C-48-56-B-d
kênh Sóc Ông Tổng	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 50' 17"	105° 56' 37"	09° 49' 02"	105° 56' 48"		C-48-56-B-d
kênh Thị Hồ	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 51' 02"	105° 57' 58"	09° 50' 19"	105° 58' 45"		C-48-56-B-d
rạch Bung Túc	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 48' 33"	105° 56' 11"	09° 46' 28"	105° 57' 55"		C-48-56-B-d
rạch Cái Trung	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 16"	105° 59' 27"	09° 50' 04"	105° 59' 42"		C-48-56-B-d
rạch Đại An	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 17"	105° 58' 17"	09° 49' 37"	105° 59' 13"		C-48-56-B-d
rạch Đập Chùa	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 35"	105° 58' 40"	09° 50' 35"	105° 57' 47"		C-48-56-B-d
rạch Xóm Đồng	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 48' 22"	105° 55' 48"	09° 50' 23"	105° 57' 01"		C-48-56-B-d
Rạch Vợp	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"		C-48-56-B-d
sông Mỹ Hội	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 47' 07"	106° 00' 02"	09° 49' 16"	105° 59' 27"		C-48-56-B-d
Ấp 1	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 51' 25"	105° 56' 03"						C-48-56-B-d
Ấp 2	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 51' 22"	105° 55' 07"						C-48-56-B-d
Ấp 3	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 51' 32"	105° 54' 13"						C-48-56-B-d
Ấp 8	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 49' 59"	105° 54' 43"						C-48-56-B-d
Ấp 9	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 50' 19"	105° 56' 33"						C-48-56-B-d
Ấp 10	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 50' 34"	105° 57' 18"						C-48-56-B-d
Ấp 12	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 50' 45"	105° 54' 12"						C-48-56-B-d
chùa On Đôn Rư Sây	KX	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 49' 39"	105° 55' 13"						C-48-56-B-d
chùa Pring Prum	KX	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 50' 21"	105° 56' 45"						C-48-56-B-d
Đường tỉnh 932	KX	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"		C-48-56-B-d
kênh Ba Bộ	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 52' 06"	105° 55' 50"	09° 51' 00"	105° 55' 53"		C-48-56-B-d
kênh Ba Um	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 00"	105° 55' 51"	09° 50' 55"	105° 55' 42"		C-48-56-B-d
kênh Chùa Mới	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 48' 24"	105° 55' 28"	09° 49' 46"	105° 55' 23"		C-48-56-B-d
kênh Hai Hón	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 49' 49"	105° 55' 25"	09° 50' 45"	105° 55' 16"		C-48-56-B-d
kênh Lộ Đất	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 20"	105° 56' 44"	09° 51' 41"	105° 56' 20"		C-48-56-B-d
kênh Muong Lộ	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"		C-48-56-B-d
kênh Ngã Cũ	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 37"	105° 54' 33"	09° 52' 05"	105° 55' 30"		C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Ông Năm Công	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 52' 07"	105° 55' 38"	09° 50' 55"	105° 55' 40"	C-48-56-B-d
kênh Ông Tư Chen	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 49' 19"	105° 54' 54"	09° 48' 47"	105° 55' 07"	C-48-56-B-d
kênh Sáu Tài Năm Đen	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 58"	105° 53' 51"	09° 51' 02"	105° 55' 06"	C-48-56-B-d
kênh Sóc Ông Tổng	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 17"	105° 56' 37"	09° 49' 02"	105° 56' 48"	C-48-56-B-d
kênh Tư Lượng	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 06"	105° 56' 08"	09° 51' 01"	105° 56' 00"	C-48-56-B-d
Kênh Tiểu	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 45"	105° 52' 10"	09° 51' 16"	105° 53' 48"	C-48-56-B-d
rạch Cái Trâm	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 52' 52"	105° 56' 56"	09° 49' 56"	105° 51' 46"	C-48-56-B-d
rạch Chính Dư	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 16"	105° 53' 48"	09° 49' 35"	105° 54' 51"	C-48-56-B-d
rạch Lung Sen Lớn	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 52' 32"	105° 54' 17"	09° 51' 50"	105° 54' 56"	C-48-56-B-d
rạch Phên Đen	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 47"	105° 56' 35"	09° 52' 16"	105° 57' 32"	C-48-56-B-d
rạch Sẻo Trắc	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 23"	105° 56' 59"	09° 51' 10"	105° 56' 45"	C-48-56-B-d
rạch Tha La Ông Tà	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 13"	105° 56' 56"	09° 50' 35"	105° 54' 27"	C-48-56-B-d
rạch Thông Cư	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 49' 34"	105° 54' 51"	09° 48' 46"	105° 54' 49"	C-48-56-B-d
Rạch Vọp	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-d
ấp Cự Mạnh	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 52' 01"	105° 53' 34"					C-48-56-B-d
ấp Hoà An	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 54' 00"	105° 52' 50"					C-48-56-B-b
ấp Hoà Lộc 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 51' 02"	105° 52' 02"					C-48-56-B-c
ấp Hoà Lộc 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 52' 22"	105° 52' 24"					C-48-56-B-c
ấp Hoà Lợi	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 53' 42"	105° 54' 29"					C-48-56-B-b
ấp Hoà Phú	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 53' 23"	105° 53' 17"					C-48-56-B-b
ấp Hoà Quới	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 54' 20"	105° 53' 54"					C-48-56-B-b
ấp Hoà Thành	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 55' 08"	105° 52' 59"					C-48-56-B-b
chùa Chánh Thiên Cơ	KX	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 55' 23"	105° 53' 20"					C-48-56-B-b
chùa Thiên Phước	KX	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 52' 33"	105° 53' 57"					C-48-56-B-b
Đường tỉnh 932B	KX	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 51' 12"	09° 55' 51"	105° 53' 26"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b; C-48-56-B-c
kênh Cái Côn	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 55' 01"	105° 53' 13"	09° 48' 07"	105° 51' 15"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b; C-48-56-B-c
Kênh Tiểu	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 51' 45"	105° 52' 10"	09° 51' 16"	105° 53' 48"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Mương Kinh	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 58"	105° 54' 12"	09° 55' 21"	105° 53' 45"	C-48-56-B-b
rạch Bờ Dọc	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 40"	105° 53' 55"	09° 54' 23"	105° 52' 59"	C-48-56-B-b
rạch Cái Trâm	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 52"	105° 56' 56"	09° 49' 56"	105° 51' 46"	C-48-56-B-d
rạch Công Điền Nhỏ	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 53' 03"	105° 53' 28"	09° 53' 38"	105° 54' 29"	C-48-56-B-b
rạch Giồng Đá	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 28"	105° 53' 42"	09° 53' 47"	105° 52' 43"	C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Lung Sen Lớn	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 32"	105° 54' 17"	09° 51' 50"	105° 54' 56"	C-48-56-B-d
rạch Mật Cật	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 11"	105° 52' 10"	09° 55' 16"	105° 53' 13"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
rạch Mương Khai	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 53' 23"	105° 54' 00"	09° 55' 13"	105° 54' 24"	C-48-56-B-b
rạch Ngã Ba	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 05"	105° 55' 25"	09° 54' 04"	105° 55' 03"	C-48-56-B-b; C-48-56-B-d
rạch Ngã Cái	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 55' 44"	105° 52' 53"	09° 55' 51"	105° 53' 19"	C-48-56-B-b
rạch Ngã Lá	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 55' 21"	105° 52' 42"	09° 55' 39"	105° 53' 16"	C-48-56-B-b
rạch Ngã Tư Trên	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 11"	105° 52' 10"	09° 53' 49"	105° 52' 41"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
rạch Rọc Ngay	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 51' 45"	105° 51' 49"	09° 51' 45"	105° 52' 10"	C-48-56-B-c
rạch Sao Sao	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 33"	105° 54' 01"	09° 52' 47"	105° 52' 27"	C-48-56-B-b; C-48-56-B-d
rạch Xẻo Muồng	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 57"	105° 52' 25"	09° 55' 04"	105° 52' 43"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
Rạch Bần	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 25"	105° 53' 31"	09° 55' 32"	105° 53' 20"	C-48-56-B-b
Rạch Cách	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 37"	105° 53' 21"	09° 55' 18"	105° 53' 18"	C-48-56-B-b
sông Cái Cao	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 51' 43"	105° 53' 27"	09° 54' 32"	105° 55' 13"	C-48-56-B-b
sông Cái Côn	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 53' 09"	105° 52' 00"	09° 56' 02"	105° 53' 30"	C-48-56-B-b
ấp An Đức	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 44"	106° 03' 27"					C-48-57-C-a
ấp Ngãi Hoà	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 50"	106° 03' 07"					C-48-57-C-a
ấp Ngãi Hội 1	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 48"	106° 04' 08"					C-48-57-C-a
ấp Ngãi Hội 2	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 00"	106° 03' 48"					C-48-57-C-a
ấp Ngãi Phước	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 07"	106° 03' 11"					C-48-57-C-a
chùa Hưng Nghĩa Tự	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 56"	106° 04' 06"					C-48-57-C-a
chùa Quan Âm	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 59"	106° 04' 16"					C-48-57-C-a
đình An Đức	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 00"	106° 03' 39"					C-48-57-C-a
đình Đại Ngãi	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 54"	106° 03' 27"					C-48-57-C-a
nhà thờ Thánh Tâm	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 00"	106° 04' 19"					C-48-57-C-a
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-a
Quốc lộ 60	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-57-C-a
cồn Số 1	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 31"	106° 04' 35"					C-48-57-C-a
kênh Mười Đường	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 43' 16"	106° 03' 53"	09° 43' 51"	106° 03' 41"	C-48-57-C-a
Kênh Giữa	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 46' 08"	106° 02' 22"	09° 44' 19"	106° 03' 46"	C-48-57-C-a
rạch Mương Điều	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 43' 28"	106° 04' 00"	09° 45' 54"	106° 01' 45"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
Sông Hậu	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Khoan Tang	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 37' 17"	106° 06' 50"					C-48-57-C-c
Ấp 1	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 38' 07"	106° 07' 51"					C-48-57-C-d
Ấp 2	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 31"	106° 08' 02"					C-48-57-C-d
Ấp 3	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 33"	106° 07' 29"					C-48-57-C-c
Ấp 4	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 49"	106° 06' 09"					C-48-57-C-c
Ấp 5	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 18"	106° 07' 32"					C-48-57-C-d
Bệnh viện Đa khoa Long Phú	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 37' 03"	106° 07' 57"					C-48-57-C-d
cầu Khoan Tang	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 36"	106° 07' 18"					C-48-57-C-c
chùa Hưng Định Tự	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 29"	106° 07' 34"					C-48-57-C-d
chùa Tuk Pray	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 23"	106° 08' 00"					C-48-57-C-d
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 37' 20"	106° 08' 02"					C-48-57-C-d
Đường tỉnh 933	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 39' 17"	106° 06' 59"					C-48-57-C-a
Nhà tưởng niệm Lương Định Của	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 35"	106° 07' 28"					C-48-57-C-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
đập Long Phú	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 37' 00"	106° 08' 11"					C-48-57-C-d
kênh Bà Xâm	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 39' 07"	106° 06' 24"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-a
kênh Bàng Long	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 22"	106° 02' 06"	09° 36' 35"	106° 07' 17"	C-48-57-C-d
kênh Đầu Sóc	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 45"	106° 06' 56"	09° 37' 38"	106° 05' 48"	C-48-57-C-a
kênh Lý Chính	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 38' 07"	106° 06' 47"	09° 38' 00"	106° 06' 01"	C-48-57-C-a
kênh Năm Nhạo	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 05"	106° 07' 11"	09° 37' 16"	106° 08' 00"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Ông Cal	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 38' 30"	106° 06' 37"	09° 38' 22"	106° 06' 00"	C-48-57-C-a
kênh Ranh Ấp 5	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 27"	106° 09' 10"	09° 36' 12"	106° 08' 11"	C-48-57-C-d
kênh Số 1	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 54"	106° 07' 14"	09° 36' 53"	106° 08' 00"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Tám Mập	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 37"	106° 09' 01"	09° 36' 26"	106° 08' 07"	C-48-57-C-d
Kênh 14	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 39' 01"	106° 05' 58"	09° 36' 49"	106° 06' 04"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
rạch Nước Mặn	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 23"	106° 07' 52"	09° 36' 23"	106° 08' 05"	C-48-57-C-d
sông Bờ Biển	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 21"	106° 06' 55"	C-48-57-C-a
sông Long Phú	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 23"	106° 08' 05"	09° 37' 41"	106° 08' 16"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Sông Hậu	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b
Áp Ba	DC	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 39' 21"	106° 02' 35"					C-48-57-C-a
Áp Nhất	DC	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 38' 23"	106° 02' 39"					C-48-57-C-a
Áp Nhi	DC	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 39' 35"	106° 03' 05"					C-48-57-C-a
Áp Tư	DC	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 38' 58"	106° 03' 45"					C-48-57-C-a
chùa Bàng Cro Chắp Chăs	KX	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 37' 57"	106° 03' 28"					C-48-57-C-a
Miếu Bà	KX	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 39' 40"	106° 03' 20"					C-48-57-C-a
kênh Ba Ngộ	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 39' 00"	106° 01' 38"	09° 38' 41"	106° 02' 37"	C-48-57-C-a
kênh Lộ Đình	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 38' 41"	106° 02' 49"	09° 38' 46"	106° 03' 27"	C-48-57-C-a
rạch Ngã Cũ	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 38' 26"	106° 02' 40"	09° 39' 42"	106° 03' 21"	C-48-57-C-a
sông Chông Chác	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 39' 36"	106° 02' 02"	09° 38' 11"	106° 01' 02"	C-48-57-C-a
sông Đập Lở	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 36"	106° 03' 11"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
sông Sóc Dong	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 33"	106° 04' 31"	C-48-57-C-a
sông Văn Cơ	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 38' 26"	106° 02' 37"	09° 38' 42"	105° 59' 05"	C-48-57-C-a
ấp Bờ Kinh	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 23"	106° 02' 08"					C-48-57-C-a
ấp Chùa Ông	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 42' 30"	106° 02' 58"					C-48-57-C-a
ấp Mây Hắt	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 41' 15"	106° 02' 30"					C-48-57-C-a
Áp Ngọn	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 01"	106° 02' 21"					C-48-57-C-a
Áp Phổ	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 14"	106° 03' 09"					C-48-57-C-a
chùa Phước Hậu Tự	KX	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 10"	106° 03' 06"					C-48-57-C-a
đình thần Hậu Thạnh	KX	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 15"	106° 03' 05"					C-48-57-C-a
Quốc lộ 60	KX	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-57-C-a
kênh Cây Dương	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 43' 41"	106° 02' 48"	09° 41' 00"	106° 02' 33"	C-48-57-C-a
kênh Thầy Cai	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 43' 56"	106° 00' 50"	09° 43' 07"	106° 01' 55"	C-48-57-C-a
rạch Chùa Ông	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 42' 07"	106° 02' 58"	09° 42' 36"	106° 03' 39"	C-48-57-C-a
rạch Mây Hắt	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 39' 40"	106° 02' 04"	09° 42' 06"	106° 03' 11"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
sông Trường Hưng	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 41' 17"	106° 01' 40"	09° 40' 28"	106° 00' 40"	C-48-57-C-a
ấp An Hưng	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 52"	106° 03' 59"					C-48-57-C-a
ấp Hoà Hưng	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 42' 35"	106° 04' 36"					C-48-57-C-a
ấp Lợi Đức	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 40' 35"	106° 06' 01"					C-48-57-C-a
ấp Lợi Hưng	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 40' 40"	106° 04' 06"					C-48-57-C-a
ấp Thanh Đức	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 43' 39"	106° 04' 35"					C-48-57-C-a
chùa Long Hoa	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 13"	106° 04' 00"					C-48-57-C-a
chùa Thiên Phước	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 43' 47"	106° 04' 30"					C-48-57-C-a
cổng Phú Hữu	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 53"	106° 03' 23"					C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đình An Hưng	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 44"	106° 04' 04"					C-48-57-C-a
đình Long Đức	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 34"	106° 05' 43"					C-48-57-C-a
miếu Bà Chúa Sứ	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 42' 00"	106° 03' 51"					C-48-57-C-a
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-a
Trung tâm Điện lực Long Phú	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 42' 31"	106° 05' 09"					C-48-57-C-a
kênh Bà Xắm	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 43' 26"	106° 04' 03"	09° 39' 07"	106° 06' 22"	C-48-57-C-a
rạch Bào Tre	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 35"	106° 04' 25"	C-48-57-C-a
Rạch Cùi	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 42' 32"	106° 04' 04"	09° 41' 52"	106° 03' 57"	C-48-57-C-a
Rạch Gốc	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 41' 57"	106° 03' 14"	09° 39' 51"	106° 03' 50"	C-48-57-C-a
sông Bờ Biển	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 21"	106° 06' 55"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
sông Sóc Dong	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 33"	106° 04' 31"	C-48-57-C-a
Sông Hậu	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-a
ấp Bung Long	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 35' 40"	106° 06' 55"					C-48-57-C-c
ấp Bung Thum	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 48"	106° 05' 57"					C-48-57-C-c
ấp Kinh Ngang	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 09"	106° 07' 43"					C-48-57-C-d
ấp Mười Chiến	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 51"	106° 09' 57"					C-48-57-C-d
ấp Nước Mặn 1	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 35' 59"	106° 08' 10"					C-48-57-C-d
ấp Nước Mặn 2	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 54"	106° 07' 57"					C-48-57-C-d
ấp Phú Đức	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 10"	106° 04' 39"					C-48-57-C-c
ấp Sóc Mới	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 18"	106° 06' 37"					C-48-57-C-c
ấp Tân Lập	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 25"	106° 07' 17"					C-48-57-C-c
chùa Bàng Kol	KX	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 33' 58"	106° 04' 54"					C-48-57-C-c
chùa Hải Long Phước	KX	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 12"	106° 07' 19"					C-48-57-C-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-d
kênh 25 tháng 4	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 49"	106° 05' 57"	09° 33' 42"	106° 05' 31"	C-48-57-C-c
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-57-C-c
kênh Ba Kiếng	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 29"	106° 09' 54"	09° 35' 15"	106° 07' 50"	C-48-57-C-d
kênh Bà Xắm	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 39' 07"	106° 06' 24"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Bàng Long	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 22"	106° 02' 06"	09° 36' 35"	106° 07' 17"	C-48-57-C-c
kênh Bung Tròn	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 05"	106° 06' 47"	09° 33' 26"	106° 06' 51"	C-48-57-C-c
kênh Cái Xe	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 34' 45"	106° 01' 56"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Càng Es	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 51"	106° 06' 50"	09° 33' 52"	106° 07' 41"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Hợp Tác Xã Tân Phú 2	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 43"	106° 09' 44"	09° 35' 29"	106° 08' 37"	C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Hưng Thạnh	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 20"	106° 03' 32"	09° 34' 30"	106° 04' 07"	C-48-57-C-c
kênh Kim Xây	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 17"	106° 06' 52"	09° 35' 24"	106° 07' 32"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Nhà Mát	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 32"	106° 06' 16"	09° 35' 25"	106° 06' 21"	C-48-57-C-c
kênh Nông Trường	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Ranh Ấp 5	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 27"	106° 09' 10"	09° 36' 12"	106° 08' 11"	C-48-57-C-d
kênh Sân Phơi	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 19"	106° 07' 44"	09° 34' 17"	106° 06' 49"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Sóc Mới	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 15"	106° 06' 45"	09° 36' 04"	106° 05' 52"	C-48-57-C-c
kênh Soro	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 54"	106° 09' 36"	09° 35' 36"	106° 07' 54"	C-48-57-C-d
kênh Tà Ma	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 53"	106° 06' 51"	09° 35' 45"	106° 05' 50"	C-48-57-C-c
kênh Trà Núp	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 29"	106° 06' 54"	09° 35' 21"	106° 05' 47"	C-48-57-C-c
kênh Xã Chi	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 35"	106° 10' 34"	09° 34' 40"	106° 07' 40"	C-48-57-C-d
Kênh Cũ	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 32' 32"	106° 05' 23"	09° 33' 41"	106° 04' 42"	C-48-57-C-c
rạch Bưng Cà Pốt	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 41"	106° 04' 42"	09° 34' 19"	106° 04' 18"	C-48-57-C-c
rạch Bưng Thum	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 51"	106° 03' 41"	09° 36' 22"	106° 07' 20"	C-48-57-C-c
rạch Cái Xe	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 34' 21"	106° 04' 08"	C-48-57-C-c
rạch Nước Mặn	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 23"	106° 07' 52"	09° 36' 23"	106° 08' 05"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d
ấp Phú Đa	DC	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 40' 56"	106° 03' 14"					C-48-57-C-a
ấp Phú Hữu	DC	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 41' 47"	106° 03' 15"					C-48-57-C-a
ấp Phú Thứ	DC	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 39' 59"	106° 03' 04"					C-48-57-C-a
ấp Phú Trường	DC	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 40' 17"	106° 02' 14"					C-48-57-C-a
cầu Phú Hữu	KX	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 41' 55"	106° 03' 18"					C-48-57-C-a
đình Phú Hữu	KX	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 41' 49"	106° 03' 26"					C-48-57-C-a
rạch Chùa Ông	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 42' 07"	106° 02' 58"	09° 42' 36"	106° 03' 39"	C-48-57-C-a
rạch Mây Hắt	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 39' 40"	106° 02' 04"	09° 42' 06"	106° 03' 11"	C-48-57-C-a
Rạch Gốc	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 41' 57"	106° 03' 14"	09° 39' 51"	106° 03' 50"	C-48-57-C-a
sông Đập Lở	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 36"	106° 03' 11"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
sông Văn Cơ	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 38' 26"	106° 02' 37"	09° 38' 42"	105° 59' 05"	C-48-57-C-a
ấp Phụng An	DC	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 46' 07"	106° 01' 40"					C-48-57-A-c
ấp Phụng Sơn	DC	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 45' 08"	106° 02' 32"					C-48-57-A-c
ấp Phụng Tường 1	DC	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 46' 18"	106° 02' 50"					C-48-57-A-c
ấp Phụng Tường 2	DC	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 44' 56"	106° 03' 46"					C-48-57-C-a
đình Phụng Sơn	KX	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 45' 51"	106° 01' 45"					C-48-57-A-c
đình Phụng Tường	KX	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 45' 38"	106° 03' 23"					C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-a; C-48-57-A-c
cồn Lý Quyền	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 46' 18"	106° 03' 21"					C-48-57-A-c
cồn Số 1	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 44' 31"	106° 04' 35"					C-48-57-C-a
cồn Số 2	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 44' 43"	106° 04' 15"					C-48-57-C-a
cồn Số 3	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 46' 01"	106° 03' 48"					C-48-57-A-c
kênh An Mỹ-30 tháng 4	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-57-A-c
kênh Xẻo Lá	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 45' 56"	106° 02' 14"	09° 46' 08"	106° 02' 22"	C-48-57-A-c
Kênh Giữa	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 46' 08"	106° 02' 22"	09° 44' 19"	106° 03' 46"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
rạch Muong Điều	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 43' 28"	106° 04' 00"	09° 45' 54"	106° 01' 45"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
Rạch Bần	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 44' 34"	106° 02' 12"	09° 45' 43"	106° 01' 32"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
Rạch Mọt	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 46' 54"	106° 02' 22"	C-48-57-A-c
Sông Hậu	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
ấp Ko Kô	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 35' 49"	106° 04' 46"					C-48-57-C-c
ấp Sóc Dong	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 39' 35"	106° 04' 32"					C-48-57-C-a
ấp Tân Lịch	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 37' 41"	106° 04' 06"					C-48-57-C-a
ấp Tân Qui A	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 37' 14"	106° 04' 15"					C-48-57-C-c
ấp Tân Qui B	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 36' 55"	106° 04' 16"					C-48-57-C-c
cầu Tân Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 37' 17"	106° 03' 54"					C-48-57-C-c
chùa Bông Cro Chắp Thmây	KX	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 37' 20"	106° 03' 55"					C-48-57-C-c
chùa Ông Bồn	KX	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 39' 27"	106° 04' 47"					C-48-57-C-a
Đường tỉnh 933	KX	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-c
kênh 25 tháng 4	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 49"	106° 05' 57"	09° 33' 42"	106° 05' 31"	C-48-57-C-c
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-57-C-c
kênh Bà Xầm	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 43' 26"	106° 04' 03"	09° 39' 07"	106° 06' 22"	C-48-57-C-a
kênh Bông Long	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 37' 22"	106° 02' 06"	09° 36' 35"	106° 07' 17"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
kênh Hai Hol	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 58"	106° 05' 17"	09° 36' 24"	106° 05' 11"	C-48-57-C-c
kênh Hưng Thạnh	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 37' 20"	106° 03' 32"	09° 34' 30"	106° 04' 07"	C-48-57-C-c
kênh Tân Lịch	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 38' 20"	106° 05' 46"	09° 38' 07"	106° 05' 03"	C-48-57-C-a
kênh Tân Lịch-Sóc Dong	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 39' 17"	106° 04' 41"	09° 37' 35"	106° 03' 54"	C-48-57-C-a
Kênh 12	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 58"	106° 05' 20"	09° 38' 11"	106° 05' 15"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh 13	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 54"	106° 05' 38"	09° 38' 18"	106° 05' 36"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
rạch Bào Tre	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 35"	106° 04' 25"	C-48-57-C-a
rạch Bung Thum	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 34' 51"	106° 03' 41"	09° 36' 22"	106° 07' 20"	C-48-57-C-c
rạch Bung Xúc	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 38' 24"	106° 04' 21"	09° 38' 07"	106° 05' 03"	C-48-57-C-a
rạch Đường Trâu	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 38' 18"	106° 04' 29"	09° 37' 37"	106° 04' 10"	C-48-57-C-a
rạch Pecdon	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 35' 55"	106° 04' 09"	09° 37' 01"	106° 05' 01"	C-48-57-C-c
rạch Trạm Xá	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 17"	106° 04' 33"	09° 37' 16"	106° 03' 56"	C-48-57-C-c
sông Bờ Biển	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 21"	106° 06' 55"	C-48-57-C-a
sông Sóc Dong	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 33"	106° 04' 31"	C-48-57-C-a
ấp Cái Đường	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 36' 28"	106° 03' 00"					C-48-57-C-c
ấp Cái Quanh	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 37' 27"	106° 02' 40"					C-48-57-C-c
ấp Cái Xe	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 35' 11"	106° 02' 40"					C-48-57-C-c
ấp Mương Tra	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 35' 49"	106° 01' 14"					C-48-57-C-c
ấp Ngã Tư	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 36' 45"	106° 01' 40"					C-48-57-C-c
ấp Saintard	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 37' 44"	106° 02' 25"					C-48-57-C-c
ấp Tân Hội	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 35' 46"	106° 02' 11"					C-48-57-C-c
cầu Saintard	KX	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 37' 30"	106° 02' 08"					C-48-57-C-c
đỉnh Tân Hội	KX	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 35' 44"	106° 02' 03"					C-48-57-C-c
Đường tỉnh 933	KX	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
Đường tỉnh 935B	KX	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 25"	106° 02' 12"	09° 36' 21"	106° 01' 29"	C-48-57-C-c
kênh Băng Long	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 22"	106° 02' 06"	09° 36' 35"	106° 07' 17"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
kênh Hưng Thạnh	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 20"	106° 03' 32"	09° 34' 30"	106° 04' 07"	C-48-57-C-c
kênh Nông Trường	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 31"	106° 03' 21"	09° 35' 32"	106° 03' 49"	C-48-57-C-c
kênh Tân Hội	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 03"	106° 02' 52"	09° 35' 03"	106° 01' 56"	C-48-57-C-c
Kênh Sườn	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 28"	106° 02' 50"	09° 35' 32"	106° 02' 52"	C-48-57-C-c
rạch Bung Thum	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 34' 51"	106° 03' 41"	09° 36' 22"	106° 07' 20"	C-48-57-C-c
rạch Cái Quanh	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 31"	106° 02' 47"	09° 36' 42"	106° 02' 33"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-a
rạch Cái Xe	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 34' 21"	106° 04' 08"	C-48-57-C-c
sông Cái Đường	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 33"	106° 03' 15"	09° 36' 41"	106° 02' 33"	C-48-57-C-c
sông Chòi Mòi	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 41"	106° 02' 32"	09° 36' 53"	106° 01' 44"	C-48-57-C-c
sông Mương Tra	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 21"	106° 01' 23"	09° 34' 58"	106° 01' 13"	C-48-57-C-c
sông Saintard	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Tân Hội	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 42"	106° 02' 20"	09° 36' 39"	106° 02' 30"	C-48-57-C-c
ấp Trường An	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 39' 40"	106° 01' 06"					C-48-57-C-a
ấp Trường Bình	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 42' 01"	106° 01' 08"					C-48-57-C-a
ấp Trường Hưng	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 21"	106° 00' 42"					C-48-57-C-a
ấp Trường Lộc	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 41' 52"	106° 00' 22"					C-48-57-C-a
ấp Trường Thành A	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 36"	106° 00' 35"					C-48-57-C-a
ấp Trường Thành B	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 45"	106° 00' 00"					C-48-57-C-a
ấp Trường Thọ	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 39' 52"	105° 59' 07"					C-48-56-D-b
chợ Trường Khánh	KX	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 44"	106° 00' 29"					C-48-57-C-a
chùa Sân Ke	KX	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 34"	106° 00' 23"					C-48-57-C-a
miếu Ông Tà	KX	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 41' 31"	106° 00' 41"					C-48-57-C-a
Quốc lộ 60	KX	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
kênh 6 Thước	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 39' 48"	106° 00' 52"	09° 36' 50"	105° 59' 37"	C-48-57-C-a
kênh An Mỹ-30 tháng 4	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
kênh Bảy Năm	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 56"	106° 01' 20"	09° 40' 51"	106° 00' 17"	C-48-57-C-a
kênh Bảy Sáu	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 06"	106° 01' 12"	09° 41' 52"	106° 01' 44"	C-48-57-C-a
kênh Ông Cả	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 07"	106° 00' 16"	09° 41' 58"	106° 01' 04"	C-48-57-C-a
kênh Sô Sáu	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 43' 15"	106° 00' 43"	09° 42' 46"	106° 01' 40"	C-48-57-C-a
kênh Thần Nhất	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 28"	106° 00' 09"	09° 42' 26"	106° 01' 24"	C-48-57-C-a
kênh Vũng Thom	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 41' 13"	105° 59' 14"	09° 40' 49"	106° 00' 24"	C-48-56-D-b; C-48-57-C-a
rạch Bà Chúa	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 44"	106° 00' 03"	09° 42' 59"	106° 01' 13"	C-48-57-C-a
rạch Trường Lộc	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 40' 42"	106° 00' 09"	09° 43' 13"	105° 59' 54"	C-48-57-C-a
sông Chông Chác	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 39' 36"	106° 02' 02"	09° 38' 11"	106° 01' 02"	C-48-57-C-a
sông Trường Hưng	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 41' 17"	106° 01' 40"	09° 40' 28"	106° 00' 40"	C-48-57-C-a
sông Văn Cơ	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 38' 26"	106° 02' 37"	09° 38' 42"	105° 59' 05"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
ấp Cầu Đôn	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 38' 14"	105° 48' 42"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Lợi A	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 38' 36"	105° 47' 01"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Tân	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 38' 40"	105° 48' 38"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Thuận	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 37' 50"	105° 48' 27"					C-48-56-D-a
ấp Nội Ô	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 38' 13"	105° 48' 30"					C-48-56-D-a
đường 3 tháng 2	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 02"	105° 49' 10"	09° 38' 11"	105° 48' 33"	C-48-56-D-a
đường 30 tháng 4	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 12"	105° 49' 10"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 939	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-a
Đường tỉnh 939B	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
Đường tỉnh 940	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-a
kênh 1 tháng 5	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 42' 24"	105° 46' 05"	09° 38' 15"	105° 48' 15"	C-48-56-D-a
kênh Ba Hữu	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 39' 25"	105° 47' 01"	09° 38' 30"	105° 47' 20"	C-48-56-D-a
kênh Ba Xía	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 36' 53"	105° 46' 24"	09° 38' 33"	105° 46' 38"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
kênh Bé Bùi	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 36' 05"	105° 48' 40"	09° 38' 07"	105° 48' 45"	C-48-56-D-a
kênh Ô Quên	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 37' 32"	105° 50' 52"	09° 38' 11"	105° 48' 32"	C-48-56-D-a
kênh Tân Lập	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 08"	105° 48' 10"	C-48-56-D-a
kênh Trà Cú Cạn	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 11"	105° 48' 32"	09° 37' 01"	105° 40' 37"	C-48-56-D-a
Kênh 12	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 40' 42"	105° 51' 44"	09° 38' 19"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
rạch Bào Sen	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 37' 37"	105° 47' 06"	09° 36' 50"	105° 46' 26"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Cái Triết	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 39' 01"	105° 48' 54"	09° 36' 21"	105° 48' 59"	C-48-56-D-a
rạch Chôm Tre	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 28"	105° 47' 24"	09° 37' 37"	105° 47' 06"	C-48-56-D-a
rạch Đường Trầu	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 37' 37"	105° 47' 06"	09° 37' 36"	105° 48' 25"	C-48-56-D-a
rạch Ô Rô	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 49"	105° 48' 07"	09° 38' 32"	105° 48' 35"	C-48-56-D-a
ấp Phương An 1	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 39' 07"	105° 41' 14"					C-48-56-C-b
ấp Phương An 2	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 38' 38"	105° 41' 17"					C-48-56-C-b
ấp Phương An 3	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 38' 26"	105° 40' 29"					C-48-56-C-b
ấp Phương Bình 1	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 41' 00"	105° 43' 55"					C-48-56-C-b
ấp Phương Bình 2	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 40' 21"	105° 42' 52"					C-48-56-C-b
ấp Phương Hoà 1	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 41' 46"	105° 45' 06"					C-48-56-D-a
ấp Phương Hoà 2	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 41' 16"	105° 44' 21"					C-48-56-C-b
ấp Phương Hoà 3	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 39' 45"	105° 46' 01"					C-48-56-D-a
ấp Phương Thanh 1	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 39' 59"	105° 42' 17"					C-48-56-C-b
ấp Phương Thanh 2	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 39' 36"	105° 41' 44"					C-48-56-C-b
Ấp Mới	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 38' 56"	105° 43' 42"					C-48-56-C-b
Đường tỉnh 939	KX	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-C-b
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 40' 25"	105° 42' 59"					C-48-56-C-b
Quốc lộ Quản lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
kênh 8 Thước	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 40' 44"	105° 43' 28"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b
kênh 9 Thước	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 41' 55"	105° 45' 19"	09° 39' 25"	105° 47' 01"	C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Đường Láng	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 38' 55"	105° 40' 59"	09° 37' 37"	105° 42' 17"	C-48-56-C-b
kênh Hậu Bồi	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 41' 36"	105° 44' 48"	09° 38' 33"	105° 46' 37"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
kênh Nhà Thờ	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 40' 13"	105° 48' 01"	09° 40' 12"	105° 46' 09"	C-48-56-D-a
kênh Quán Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
Kênh 500	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 40' 09"	105° 43' 08"	09° 39' 46"	105° 42' 22"	C-48-56-C-b
Kênh 1000	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 39' 55"	105° 43' 14"	09° 40' 57"	105° 44' 54"	C-48-56-C-b
Kênh 2000	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 40' 15"	105° 44' 50"	09° 39' 29"	105° 43' 25"	C-48-56-C-b
Kênh Lầm	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 39' 56"	105° 42' 12"	09° 38' 33"	105° 43' 27"	C-48-56-C-b
Áp Mới	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 35"	105° 48' 47"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Khánh A	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 12"	105° 46' 49"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Khánh B	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 41' 33"	105° 47' 16"					C-48-56-D-a
ấp Tân Hoà A	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 40' 51"	105° 48' 09"					C-48-56-D-a
ấp Tân Hoà B	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 39' 18"	105° 48' 37"					C-48-56-D-a
ấp Tân Hoà C	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 39' 57"	105° 48' 13"					C-48-56-D-a
ấp Tân Phước A1	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 28"	105° 46' 43"					C-48-56-D-a
ấp Tân Phước A2	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 14"	105° 48' 04"					C-48-56-D-a
ấp Tân Phước B	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 41' 41"	105° 49' 09"					C-48-56-D-a
ấp Tân Thành	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 02"	105° 45' 34"					C-48-56-D-a
Đường tỉnh 940	KX	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-a
nhà thờ Tân Lập	KX	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 40' 15"	105° 47' 58"					C-48-56-D-a
Quốc lộ Quán lộ-Phụng Hiệp	KX	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-D-a
thánh tịnh Quang Minh Đài	KX	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 41' 41"	105° 47' 07"					C-48-56-D-a
kênh 1 tháng 5	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 24"	105° 46' 05"	09° 38' 15"	105° 48' 15"	C-48-56-D-a
kênh 8 Thước (Vườn Cò)	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 41' 27"	105° 49' 46"	09° 39' 53"	105° 49' 35"	C-48-56-D-a
kênh 9 Thước	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 41' 55"	105° 45' 19"	09° 39' 25"	105° 47' 01"	C-48-56-D-a
kênh Chệt Siêu	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 41' 34"	105° 49' 30"	09° 42' 37"	105° 49' 39"	C-48-56-D-a
kênh Mới Bộ Xuyên	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 41' 33"	105° 49' 30"	09° 40' 39"	105° 47' 47"	C-48-56-D-a
kênh Nhà Thờ	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 40' 13"	105° 48' 01"	09° 40' 12"	105° 46' 09"	C-48-56-D-a
kênh Nông Trại 1 tháng 5	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 19"	105° 47' 33"	09° 43' 11"	105° 48' 00"	C-48-56-D-a
kênh Quán Lộ-Phụng Hiệp	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-D-a
kênh Tân Lập	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 08"	105° 48' 10"	C-48-56-D-a
kênh Tân Phước-An Tập	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-a
Kênh Chùa	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 39"	105° 46' 40"	09° 44' 35"	105° 49' 56"	C-48-56-D-a
Kênh Lý	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 09"	105° 47' 58"	09° 44' 35"	105° 49' 56"	C-48-56-D-a
rach Láng Bồn Bồn	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 39' 02"	105° 48' 54"	09° 39' 48"	105° 50' 12"	C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Mường Khai	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 39' 03"	105° 50' 31"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 05"	105° 50' 39"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Đức	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 38' 54"	105° 50' 57"					C-48-56-D-a
ấp Tân Mỹ	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 39' 29"	105° 49' 09"					C-48-56-D-a
ấp Trà Côi A	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 36' 56"	105° 50' 34"					C-48-56-D-c
ấp Trà Côi B	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 38' 46"	105° 51' 45"					C-48-56-D-c
ấp Xẻo Gừa	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 03"	105° 51' 00"					C-48-56-D-c
ấp Xóm Lớn	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 22"	105° 50' 49"					C-48-56-D-c
cầu Bà Lui	KX	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 35"	105° 50' 53"					C-48-56-D-a
cầu Xẻo Gừa	KX	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 07"	105° 51' 15"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 939	KX	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
Đường tỉnh 939B	KX	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
kênh Ba Anh	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 38' 51"	105° 49' 39"	09° 37' 55"	105° 49' 38"	C-48-56-D-a
kênh Ba Râu	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 38' 17"	105° 51' 34"	09° 40' 00"	105° 53' 38"	C-48-56-D-a
kênh Ba Rinh	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 27"	105° 50' 57"	09° 37' 55"	105° 50' 54"	C-48-56-D-a
kênh Ba Tấn	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 53"	105° 49' 35"	09° 39' 30"	105° 49' 39"	C-48-56-D-a
kênh Cầu Tre	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 12"	105° 51' 56"	09° 39' 27"	105° 50' 57"	C-48-56-D-a
kênh Hai Huôi	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 30"	105° 49' 39"	09° 38' 51"	105° 49' 39"	C-48-56-D-a
kênh Lộ Quẹo	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 27"	105° 51' 32"	09° 36' 49"	105° 52' 34"	C-48-56-D-c
kênh Mười Đường	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 38' 40"	105° 48' 58"	09° 38' 42"	105° 49' 53"	C-48-56-D-a
kênh Mường Khai	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 41' 23"	105° 49' 58"	09° 37' 32"	105° 50' 53"	C-48-56-D-a
kênh Ô Quên	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 32"	105° 50' 52"	09° 38' 11"	105° 48' 32"	C-48-56-D-a
Kênh 12	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 40' 42"	105° 51' 44"	09° 38' 19"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
Kênh Xáng	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 36' 41"	105° 50' 29"	09° 37' 31"	105° 50' 52"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Cái Triết	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 01"	105° 48' 54"	09° 36' 21"	105° 48' 59"	C-48-56-D-a
rạch Hoà Long	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 35"	105° 52' 21"	09° 37' 46"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
rạch Láng Bồn Bồn	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 02"	105° 48' 54"	09° 39' 48"	105° 50' 12"	C-48-56-D-a
rạch Miếu	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 38"	105° 52' 24"	09° 38' 32"	105° 51' 38"	C-48-56-D-a
rạch Rau Cắn	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 38' 55"	105° 48' 56"	09° 39' 05"	105° 50' 28"	C-48-56-D-a
sông Mỹ Hương	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
sông Xóm Lớn	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 08"	105° 51' 12"	09° 37' 31"	105° 50' 52"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
ấp Phước An A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 34' 49"	105° 45' 47"					C-48-56-D-c
ấp Phước An B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 14"	105° 45' 04"					C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Phước Lợi A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 12"	105° 43' 20"					C-48-56-C-d
ấp Phước Lợi B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 07"	105° 43' 58"					C-48-56-C-d
ấp Phước Ninh	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 44"	105° 44' 01"					C-48-56-C-d
ấp Phước Thọ A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 37' 09"	105° 40' 56"					C-48-56-C-d
ấp Phước Thọ B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 38' 10"	105° 43' 33"					C-48-56-C-b
ấp Phước Thọ C	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 38' 17"	105° 44' 21"					C-48-56-C-b
ấp Phước Thới A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 36' 37"	105° 42' 03"					C-48-56-C-d
ấp Phước Thới B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 36' 52"	105° 41' 12"					C-48-56-C-d
ấp Phước Thuận	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 36' 02"	105° 43' 13"					C-48-56-C-d
ấp Phước Trường A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 07"	105° 41' 08"					C-48-56-C-d
ấp Phước Trường B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 34' 18"	105° 41' 50"					C-48-56-C-d
Dị tích lịch sử Căn cứ Tỉnh uỷ Sóc Trăng	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 34' 19"	105° 44' 54"					C-48-56-C-d
Đường tỉnh 939	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-d; C-48-56-C-b
Đường tỉnh 940	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-c
Lâm trường Mỹ Phước	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 33' 38"	105° 43' 45"					C-48-56-C-d
nhà thờ Đồng Lào	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 09"	105° 45' 18"					C-48-56-D-c
nhà thờ Đường Láng	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 37' 58"	105° 41' 58"					C-48-56-C-b
nhà thờ Phước Thọ	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 38' 02"	105° 43' 20"					C-48-56-C-b
kênh 4 Thước	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 49"	105° 40' 43"	09° 33' 56"	105° 44' 17"	C-48-56-C-d
kênh 7 Thước	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 36' 20"	105° 41' 03"	09° 35' 11"	105° 41' 25"	C-48-56-C-d
kênh 8 Thước	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 40' 44"	105° 43' 28"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b
kênh Bao Lâm Trường	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 41"	105° 40' 37"	09° 32' 29"	105° 42' 23"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
kênh Ba Trí	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 11"	105° 41' 25"	09° 35' 52"	105° 43' 35"	C-48-56-C-d
kênh Bào Gừa	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 36' 08"	105° 42' 10"	09° 35' 28"	105° 42' 45"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Đen	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 31' 44"	105° 41' 04"	09° 33' 45"	105° 40' 53"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Trắng	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 42"	105° 41' 52"	09° 32' 13"	105° 42' 30"	C-48-56-C-d
kênh Đường Láng	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 38' 55"	105° 40' 59"	09° 37' 37"	105° 42' 17"	C-48-56-C-b
kênh Lung Giữa	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 59"	105° 39' 54"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
kênh Nước Ngọt	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 09"	105° 38' 34"	09° 34' 05"	105° 40' 54"	C-48-56-C-d
kênh Số 1	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 32"	105° 44' 19"	09° 34' 04"	105° 41' 56"	C-48-56-C-d
kênh Số 2	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 02"	105° 45' 25"	09° 34' 49"	105° 45' 12"	C-48-56-D-c
kênh Số 3	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 55"	105° 46' 13"	09° 34' 26"	105° 46' 41"	C-48-56-D-c
kênh Thứ Bảy	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 44"	105° 43' 06"	09° 34' 07"	105° 42' 35"	C-48-56-C-d
kênh Thứ Năm	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 53"	105° 43' 33"	09° 34' 14"	105° 43' 02"	C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Thử Sáu	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 49"	105° 43' 20"	09° 34' 10"	105° 42' 47"	C-48-56-C-d
kênh Thử Tám	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 54"	105° 42' 26"	09° 32' 54"	105° 42' 48"	C-48-56-C-d
kênh Trà Cú Cạn	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 38' 11"	105° 48' 32"	09° 37' 01"	105° 40' 37"	C-48-56-C-b; C-48-56-C-d
kênh U Quên	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 54"	105° 39' 53"	09° 35' 52"	105° 43' 53"	C-48-56-C-d
kênh xáng Mỹ Phước	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 55"	105° 47' 44"	09° 37' 34"	105° 38' 41"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
kênh Xáng Cụt	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 36' 45"	105° 41' 26"	09° 35' 08"	105° 39' 55"	C-48-56-C-d
Kênh Bao	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 29"	105° 42' 23"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 49"	105° 43' 48"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b; C-48-56-C-d
Kênh Tư	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 26"	105° 39' 46"	09° 33' 22"	105° 42' 00"	C-48-56-C-d
rạch Bào Bần	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 26"	105° 46' 15"	09° 35' 45"	105° 46' 44"	C-48-56-D-c
rạch Cây Bàng	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 35"	105° 44' 23"	09° 36' 52"	105° 46' 23"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
rạch Chòm Trúc	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 26"	105° 46' 15"	09° 36' 12"	105° 44' 45"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
Rạch Chùa	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 22"	105° 47' 07"	09° 35' 26"	105° 46' 15"	C-48-56-D-c
rạch Đại Nía	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 36' 26"	105° 45' 14"	09° 36' 52"	105° 46' 23"	C-48-56-D-c
rạch Đường Trâu	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 16"	105° 40' 30"	09° 35' 39"	105° 41' 10"	C-48-56-C-d
rạch Ông Bang	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 39"	105° 41' 10"	09° 36' 39"	105° 41' 48"	C-48-56-C-d
rạch Ông Hội	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 12"	105° 41' 54"	09° 36' 29"	105° 42' 18"	C-48-56-C-d
rạch Phước Trường	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 23"	105° 41' 52"	09° 35' 10"	105° 41' 29"	C-48-56-C-d
rạch Tràm Một	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 19"	105° 44' 54"	09° 34' 40"	105° 45' 34"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
rạch Xóm Phích	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 05"	105° 40' 56"	09° 34' 17"	105° 41' 52"	C-48-56-C-d
rạch Xóm Tiệm	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 17"	105° 41' 52"	09° 35' 29"	105° 44' 15"	C-48-56-C-d
ấp Phước An	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 34' 26"	105° 46' 47"					C-48-56-D-c
ấp Phước Bình	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 09"	105° 48' 11"					C-48-56-D-c
ấp Rạch Rê	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 32' 31"	105° 50' 28"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc A	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 51"	105° 49' 14"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc B1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 36"	105° 49' 02"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc B2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 42"	105° 48' 39"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc C1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 26"	105° 49' 18"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc C2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 05"	105° 49' 14"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc D1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 34' 30"	105° 47' 51"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc D2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 35' 33"	105° 48' 06"					C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
cầu Mỹ Phước	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 39"	105° 47' 45"					C-48-56-D-c
cầu Tam Sóc	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 46"	105° 49' 08"					C-48-56-D-c
chùa Phước Long	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 40"	105° 47' 50"					C-48-56-D-c
chùa Tum Pook Sok	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 45"	105° 49' 15"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 938	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 37' 00"	105° 56' 34"	09° 33' 36"	105° 48' 11"	C-48-56-D-c
Đường tỉnh 940	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-c
nhà thờ Tam Sóc	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 35' 03"	105° 48' 04"					C-48-56-D-c
kênh 14 tháng 9	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 30' 12"	105° 41' 42"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-D-c
kênh Bao Còn	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 34"	105° 47' 59"	09° 33' 10"	105° 46' 12"	C-48-56-D-c
kênh Bao Lâm Trường	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 41"	105° 40' 37"	09° 32' 29"	105° 42' 23"	C-48-56-D-c
kênh Dư Ân Ngăn Mạn	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 25"	105° 47' 49"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-D-c
kênh Hai Tiểu	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 31' 54"	105° 49' 48"	09° 31' 59"	105° 50' 11"	C-48-56-D-c
kênh Huỳnh Sương	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 32' 12"	105° 50' 08"	09° 33' 50"	105° 49' 41"	C-48-56-D-c
kênh Lộ Mới	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 26' 08"	105° 46' 26"	09° 33' 14"	105° 46' 29"	C-48-56-D-c
kênh Rạch Rê	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 31' 59"	105° 50' 11"	09° 34' 39"	105° 54' 30"	C-48-56-D-c
kênh Số 3	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 55"	105° 46' 13"	09° 34' 26"	105° 46' 41"	C-48-56-D-c
kênh Tam Bình	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 36' 16"	105° 49' 18"	09° 33' 56"	105° 50' 05"	C-48-56-D-c
kênh Tam Sóc	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 34"	105° 48' 02"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-c
kênh Tam Sóc Mỹ Hoà	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 35' 53"	105° 48' 41"	09° 33' 39"	105° 48' 12"	C-48-56-D-c
kênh Tà Liêm	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 34' 15"	105° 49' 57"	09° 33' 56"	105° 47' 51"	C-48-56-D-c
kênh xáng Mỹ Phước	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 55"	105° 47' 44"	09° 37' 34"	105° 38' 41"	C-48-56-D-c
rạch Bồ Thảo	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 31' 31"	105° 49' 53"	C-48-56-D-c
rạch Bung Côi	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 10"	105° 46' 13"	09° 32' 33"	105° 47' 44"	C-48-56-D-c
rạch Nhà Trường	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 35' 54"	105° 48' 44"	09° 35' 10"	105° 49' 09"	C-48-56-D-c
rạch Ông Trạch	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 34' 37"	105° 48' 56"	09° 35' 04"	105° 47' 57"	C-48-56-D-c
rạch Ô Quên	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 35' 10"	105° 49' 09"	09° 33' 45"	105° 49' 08"	C-48-56-D-c
rạch Tầm Lon	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-c
Rạch Chùa	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 34' 22"	105° 47' 07"	09° 35' 26"	105° 46' 15"	C-48-56-D-c
Rạch Rê	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 31' 43"	105° 50' 10"	09° 31' 14"	105° 51' 19"	C-48-56-D-c
sông Nhu Gia	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-56-D-c
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 36' 58"	105° 46' 19"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Bình	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 36' 25"	105° 46' 30"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Hoà	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 36' 41"	105° 48' 18"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 35' 09"	105° 47' 23"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Lợi B	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 38' 35"	105° 46' 09"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Lợi C	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 38' 19"	105° 45' 02"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Ninh	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 34' 12"	105° 47' 42"					C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Thanh	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 36' 43"	105° 46' 59"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 939	KX	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
Đường tỉnh 940	KX	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
nhà thờ Fa Ti Ma	KX	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 38' 22"	105° 44' 45"					C-48-56-C-b
kênh 8 Thước	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 40' 44"	105° 43' 28"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b
kênh Ba Hữu	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 39' 25"	105° 47' 01"	09° 38' 30"	105° 47' 20"	C-48-56-D-a
kênh Ba Xía	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 53"	105° 46' 24"	09° 38' 33"	105° 46' 38"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
kênh Bé Bùi	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 05"	105° 48' 40"	09° 38' 07"	105° 48' 45"	C-48-56-D-c
kênh Hậu Bồi	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 41' 36"	105° 44' 48"	09° 38' 33"	105° 46' 37"	C-48-56-D-a
kênh Tân Lập	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 08"	105° 48' 10"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-a
kênh Thầy Đường	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 19"	105° 44' 46"	09° 39' 29"	105° 44' 30"	C-48-56-C-b
kênh Trà Cú Cạn	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 11"	105° 48' 32"	09° 37' 01"	105° 40' 37"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 35' 49"	105° 43' 48"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b
Kênh Tư	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 26"	105° 47' 45"	09° 35' 50"	105° 46' 42"	C-48-56-D-c
rạch Bào Bàn	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 35' 26"	105° 46' 15"	09° 35' 45"	105° 46' 44"	C-48-56-D-c
rạch Bào Sen	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 37' 37"	105° 47' 06"	09° 36' 50"	105° 46' 26"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Ba Cảnh	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 31"	105° 46' 27"	09° 37' 31"	105° 45' 59"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Bà Đóm	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 27"	105° 45' 53"	09° 37' 11"	105° 46' 08"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Ba Ghệt	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 52"	105° 46' 23"	09° 34' 39"	105° 47' 48"	C-48-56-D-c
rạch Cà Tràm	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 04"	105° 48' 30"	09° 37' 27"	105° 48' 25"	C-48-56-D-c
rạch Cây Bàng	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 35' 35"	105° 44' 23"	09° 36' 52"	105° 46' 23"	C-48-56-D-c
rạch Cây Còng	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 37' 33"	105° 47' 24"	09° 36' 07"	105° 48' 09"	C-48-56-D-c
rạch Chòm Tre	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 28"	105° 47' 24"	09° 37' 37"	105° 47' 06"	C-48-56-D-a
rạch Đại Nía	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 26"	105° 45' 14"	09° 36' 52"	105° 46' 23"	C-48-56-D-c
rạch Đường Trâu	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 37' 37"	105° 47' 06"	09° 37' 36"	105° 48' 25"	C-48-56-D-a
rạch Ông Cai	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 09"	105° 48' 14"	09° 36' 32"	105° 48' 16"	C-48-56-D-c
rạch Phổ Lu	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 35' 52"	105° 47' 18"	09° 35' 56"	105° 48' 05"	C-48-56-D-c
rạch Tầm Lon	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 09"	105° 49' 52"	09° 36' 06"	105° 48' 10"	C-48-56-D-c
sông Nhu Gia	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Bắc Dân	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 33' 27"	105° 53' 00"					C-48-56-D-d
ấp Bét Tôn	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 33' 00"	105° 51' 13"					C-48-56-D-c
ấp Bung Cóc	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 34' 29"	105° 54' 37"					C-48-56-D-d
ấp Đại Ui	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 34' 26"	105° 53' 40"					C-48-56-D-d
ấp Phú Tức	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 35' 48"	105° 56' 27"					C-48-56-D-d
ấp Sóc Xoài	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 32' 22"	105° 52' 05"					C-48-56-D-c
ấp Tá Biên	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 32' 32"	105° 50' 47"					C-48-56-D-c
chùa Bàng Kha Don	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 34' 21"	105° 53' 05"					C-48-56-D-d
chùa Bàng Kok	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 35' 21"	105° 53' 48"					C-48-56-D-d
chùa Đay Tà Suỗs	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 32' 33"	105° 52' 19"					C-48-56-D-c
chùa Pô Pus Tuk	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 35' 47"	105° 56' 35"					C-48-56-D-d
chùa Prêk Pinh Toon	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 32' 56"	105° 51' 28"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 939	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-d
kênh 8 Thước	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
kênh Huỳnh Sương	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 32' 12"	105° 50' 08"	09° 33' 50"	105° 49' 41"	C-48-56-D-c
kênh Nam Ba Rinh-Tà Liêm	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 33' 49"	105° 55' 31"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
kênh Phú Tức	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
kênh Rạch Rê	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 31' 59"	105° 50' 11"	09° 34' 39"	105° 54' 30"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
kênh Xóm Cũ	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 35' 22"	105° 53' 16"	C-48-56-D-d
Kênh Huyện	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 34' 14"	105° 54' 59"	09° 31' 12"	105° 50' 52"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
rạch Bô Thảo	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 31' 31"	105° 49' 53"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
rạch Phú Tức	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 36' 16"	105° 56' 18"	09° 36' 17"	105° 57' 22"	C-48-56-D-d
rạch Trà Lây	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 35' 12"	105° 54' 03"	09° 35' 15"	105° 53' 36"	C-48-56-D-d
Rạch Rê	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 31' 43"	105° 50' 10"	09° 31' 14"	105° 51' 19"	C-48-56-D-c
ấp Bô Liên 1	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 35' 03"	105° 52' 46"					C-48-56-D-d
ấp Bô Liên 2	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 29"	105° 51' 28"					C-48-56-D-c
ấp Bô Liên 3	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 16"	105° 51' 22"					C-48-56-D-c
ấp Tà Ân A1	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 00"	105° 50' 34"					C-48-56-D-c
ấp Tà Ân A2	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 27"	105° 50' 40"					C-48-56-D-c
ấp Tà Ân B	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 33' 55"	105° 50' 28"					C-48-56-D-c
ấp Thiện Bình	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 36' 05"	105° 50' 00"					C-48-56-D-c
ấp Thiện Nhơn	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 36' 19"	105° 49' 09"					C-48-56-D-c
ấp Thiên Tánh	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 37' 34"	105° 48' 54"					C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Trà Lây 1	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 35' 47"	105° 53' 56"					C-48-56-D-d
ấp Trà Lây 2	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 35' 20"	105° 53' 07"					C-48-56-D-d
cầu Thuận Hưng	KX	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 06"	105° 50' 57"					C-48-56-D-c
chùa Tà On	KX	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 35' 14"	105° 50' 43"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 938	KX	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 37' 00"	105° 56' 34"	09° 33' 36"	105° 48' 11"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
Đường tỉnh 939	KX	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-d
kênh Bé Bùi	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 05"	105° 48' 40"	09° 38' 07"	105° 48' 45"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
kênh Nam Ba Rinh-Tà Liêm	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 33' 49"	105° 55' 31"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
kênh Ô Quên	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 37' 32"	105° 50' 52"	09° 38' 11"	105° 48' 32"	C-48-56-D-a
kênh Tam Bình	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 16"	105° 49' 18"	09° 33' 56"	105° 50' 05"	C-48-56-D-c
kênh Tam Sóc	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 33' 34"	105° 48' 02"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
kênh Xóm Cũ	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 35' 22"	105° 53' 16"	C-48-56-D-d
Kênh Nổi	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 03"	105° 53' 48"	09° 34' 15"	105° 49' 57"	C-48-56-D-c
Kênh Xáng	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 41"	105° 50' 29"	09° 37' 31"	105° 50' 52"	C-48-56-D-c
rạch Cái Triết	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 39' 01"	105° 48' 54"	09° 36' 21"	105° 48' 59"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Nhà Trường	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 35' 54"	105° 48' 44"	09° 35' 10"	105° 49' 09"	C-48-56-D-c
rạch Tà On	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 09"	105° 49' 52"	09° 36' 24"	105° 53' 15"	C-48-56-D-c
rạch Tầm Lon	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 09"	105° 49' 52"	09° 36' 06"	105° 48' 10"	C-48-56-D-c
rạch Trà Lây	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 35' 12"	105° 54' 03"	09° 35' 15"	105° 53' 36"	C-48-56-D-d
sông Mỹ Hương	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-c
trạm bơm Tà Liêm	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 36' 01"	105° 53' 47"					C-48-56-D-d
ấp Châu Thành	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 47"	105° 58' 51"					C-48-56-D-d
ấp Chợ Cũ	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 34"	105° 58' 27"					C-48-56-D-d
ấp Hoà Mỹ	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 44"	105° 59' 27"					C-48-56-D-d
ấp Thạnh Lợi	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 24"	105° 59' 43"					C-48-56-D-d
ấp Vĩnh Xuyên	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 14"	105° 58' 54"					C-48-56-D-d
cầu Ông Diệp	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 30"	105° 59' 38"					C-48-56-D-d
chùa Bai Chhau	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 07"	105° 58' 47"					C-48-56-D-d
chùa Phước Hoà	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 29"	105° 59' 07"					C-48-56-D-d
chùa Phước Lâm	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 02"	105° 58' 44"					C-48-56-D-d
đình thần Mỹ Xuyên	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 17"	105° 58' 54"					C-48-56-D-d
đường Bạch Đằng	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 26"	106° 01' 16"	09° 34' 32"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d
đường Lê Lợi	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 54"	105° 58' 43"	09° 33' 40"	105° 59' 16"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đường Triệu Nương	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 30"	105° 58' 48"	09° 33' 38"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d
Đường huyện 14	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 33"	105° 58' 35"	09° 33' 30"	105° 58' 48"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 934	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
miếu Ông Ba Thắc	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 14"	105° 58' 40"					C-48-56-D-d
Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 34' 06"	105° 58' 46"					C-48-56-D-d
kênh Bắc Tà Ky	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 46"	105° 59' 13"	09° 33' 43"	105° 59' 41"	C-48-56-D-d
Kênh Mới	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 30"	105° 57' 29"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d
kênh Phú Thuận-Thị Trấn	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 26"	105° 58' 18"	09° 29' 54"	105° 52' 33"	C-48-56-D-d
kênh Ranh Phường 9	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 43"	105° 59' 42"	09° 34' 33"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d
kênh Tắc Bướm	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
kênh Tiếp Nhặt	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
kênh xáng Tài Công	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 32' 06"	105° 59' 35"	C-48-56-D-d
sông An Nô	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 29"	105° 59' 24"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-56-D-d
sông Bãi Xào	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 30' 22"	105° 57' 55"	C-48-56-D-d
sông Saintard	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-56-D-d
Sông Đĩnh	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 34' 23"	105° 59' 46"	C-48-56-D-d
ấp Đại Ân	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 27"	105° 55' 02"					C-48-56-D-d
ấp Đại Chí	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 48"	105° 55' 33"					C-48-56-D-d
ấp Đại Nghĩa Thắng	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 59"	105° 54' 01"					C-48-56-D-d
ấp Đại Thành	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 06"	105° 54' 44"					C-48-56-D-d
ấp Tâm Kiên	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 57"	105° 56' 50"					C-48-56-D-d
ấp Tâm Lộc	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 17"	105° 55' 57"					C-48-56-D-d
ấp Tâm Phước	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 36"	105° 56' 13"					C-48-56-D-d
ấp Tâm Thọ	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 54"	105° 55' 53"					C-48-56-D-d
chùa Anh Tà Kô Sây	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 52"	105° 56' 57"					C-48-56-D-d
chùa Chrôi Tùm Kal Đal	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 17"	105° 56' 02"					C-48-56-D-d
chùa Sro Lôn	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 20"	105° 55' 07"					C-48-56-D-d
Đường tỉnh 934	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 939	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-d
Quốc lộ 1	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-d
kênh 8 Thước	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-d
kênh 19 tháng 5	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 08"	105° 56' 23"	09° 34' 56"	105° 57' 46"	C-48-56-D-d
kênh KN7	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 31' 25"	105° 58' 30"	09° 33' 49"	105° 55' 31"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Nam Ba Rinh-Tà Liêm	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 49"	105° 55' 31"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
kênh Phú Túc	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
Kênh Huyện	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 14"	105° 54' 59"	09° 31' 12"	105° 50' 52"	C-48-56-D-d
ấp Công Hoà	DC	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 52"	105° 50' 32"					C-48-68-B-a
ấp Định Hoà	DC	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 50"	105° 52' 36"					C-48-68-B-b
ấp Long Hoà	DC	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 49"	105° 52' 23"					C-48-68-B-a
ấp Phước Hoà	DC	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 31"	105° 50' 26"					C-48-68-B-a
ấp Tam Hoà	DC	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 02"	105° 51' 16"					C-48-68-B-a
ấp Trung Hoà	DC	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 37"	105° 50' 45"					C-48-68-B-a
ấp Vĩnh A	DC	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 22"	105° 50' 31"					C-48-68-B-a
ấp Vĩnh B	DC	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 17"	105° 50' 46"					C-48-68-B-a
cầu Chàng Ré	KX	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 16"	105° 51' 08"					C-48-68-B-a
cầu Long Hoà	KX	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 18"	105° 52' 04"					C-48-68-B-a
cầu Nhị Thọ	KX	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 55"	105° 50' 36"					C-48-68-B-a
cầu Tam Hoà	KX	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 42"	105° 51' 47"					C-48-68-B-a
cầu Vĩnh A	KX	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 13"	105° 51' 00"					C-48-68-B-a
Đường tỉnh 940	KX	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-a
Miếu Bà	KX	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 40"	105° 52' 17"					C-48-68-B-a
kênh Công Hoà	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 48"	105° 50' 38"	09° 27' 08"	105° 51' 27"	C-48-68-B-a
kênh Giải Phóng	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 35"	105° 50' 03"	09° 24' 16"	105° 50' 14"	C-48-68-B-a
kênh Giữa Định Hoà	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 19"	105° 51' 17"	09° 26' 39"	105° 52' 06"	C-48-68-B-a
kênh Hoà Bình	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 23' 05"	105° 52' 03"	C-48-68-B-a
kênh Hoà Hưng	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 32"	105° 51' 10"	09° 21' 57"	105° 51' 36"	C-48-68-B-c
Kênh Mới	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 37"	105° 53' 33"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
kênh Năm Liệt	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 42"	105° 49' 27"	09° 25' 14"	105° 50' 49"	C-48-68-B-a
kênh Ngã Hiệp	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 36"	105° 48' 59"	09° 24' 35"	105° 51' 51"	C-48-68-B-a
kênh Phước Hoà	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 32"	105° 51' 04"	09° 23' 50"	105° 50' 47"	C-48-68-B-a
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a
kênh Xáng Út Linh	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 08"	105° 51' 27"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
rạch Hàm Rỗng	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 04"	105° 49' 44"	09° 23' 50"	105° 50' 47"	C-48-68-B-a
rạch Hoà Phường	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
rạch Nhị Thọ	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 58"	105° 50' 33"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
rạch Vàm Léo	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 01"	105° 47' 02"	09° 21' 40"	105° 51' 26"	C-48-68-B-a
rạch Xẻo Sậy	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 59"	105° 50' 58"	09° 27' 08"	105° 51' 27"	C-48-68-B-a
Rạch Gò	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 55"	105° 52' 43"	09° 23' 09"	105° 51' 13"	C-48-68-B-a
Rạch Rừng	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 19"	105° 53' 11"	09° 28' 31"	105° 51' 36"	C-48-68-B-a
sông Chàng Ré	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Vĩnh B	TV	xã Gia Hoà 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 45"	105° 50' 42"	09° 24' 32"	105° 51' 04"	C-48-68-B-a
ấp An Hoà	DC	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 12"	105° 48' 58"					C-48-68-B-a
ấp Bình Hoà	DC	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 28"	105° 48' 15"					C-48-68-B-a
ấp Hiệp Hoà	DC	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 23"	105° 49' 59"					C-48-68-B-a
ấp Nhơn Hoà	DC	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 36"	105° 48' 06"					C-48-68-B-a
ấp Tân Hoà	DC	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 32"	105° 49' 45"					C-48-68-B-a
ấp Thanh Hoà	DC	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 54"	105° 48' 59"					C-48-68-B-a
ấp Thuận Hoà	DC	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 44"	105° 47' 30"					C-48-68-B-a
cầu An Hoà	KX	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 12"	105° 49' 10"					C-48-68-B-a
cầu Hoà Thạnh	KX	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 46"	105° 48' 10"					C-48-68-B-a
kênh Cà Lăm	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 18"	105° 48' 35"	09° 24' 47"	105° 48' 11"	C-48-68-B-a
kênh Giải Phóng	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 35"	105° 50' 03"	09° 24' 16"	105° 50' 14"	C-48-68-B-a
kênh Năm Liệt	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 42"	105° 49' 27"	09° 25' 14"	105° 50' 49"	C-48-68-B-a
kênh Ngã Hiệp	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 36"	105° 48' 59"	09° 24' 35"	105° 51' 51"	C-48-68-B-a
kênh Rạch Gốc	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 04"	105° 49' 44"	09° 25' 09"	105° 49' 11"	C-48-68-B-a
kênh Thanh Mỹ	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a
kênh Thủy Lợi	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 37"	105° 46' 59"	09° 24' 34"	105° 48' 11"	C-48-68-B-a
rạch Bờ Môn	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 44"	105° 48' 22"	09° 24' 28"	105° 47' 14"	C-48-68-B-a
rạch Hàm Rồng	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 04"	105° 49' 44"	09° 23' 50"	105° 50' 47"	C-48-68-B-a
rạch Nàng Rền	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 40"	105° 46' 29"	09° 23' 02"	105° 47' 02"	C-48-68-B-a
rạch Ngã Bá	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 00"	105° 49' 21"	09° 24' 11"	105° 48' 13"	C-48-68-B-a
rạch Tầm Du	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 47"	105° 46' 14"	09° 24' 12"	105° 46' 36"	C-48-68-B-a
rạch Vàm Lèo	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 01"	105° 47' 02"	09° 21' 40"	105° 51' 26"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-c
Rạch Gò	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 39"	105° 46' 30"	09° 23' 36"	105° 48' 59"	C-48-68-B-a
sông Cà Lăm	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 19"	105° 46' 22"	09° 25' 47"	105° 50' 06"	C-48-68-B-a
sông Chàng Ré	TV	xã Gia Hoà 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a
ấp Hoà Đề	DC	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 44"	105° 53' 43"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Đức	DC	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 36"	105° 51' 59"					C-48-68-B-a
ấp Hoà Nhạn	DC	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 37"	105° 53' 46"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Phường	DC	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 53"	105° 51' 51"					C-48-68-B-a
ấp Hoà Phước	DC	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 28"	105° 52' 11"					C-48-68-B-a
ấp Hoà Tân	DC	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 07"	105° 54' 08"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Trung	DC	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 27"	105° 53' 14"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Trục	DC	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 19"	105° 53' 51"					C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Di tích lịch sử Địa điểm lưu niệm khởi nghĩa Nam Kỳ Đình Hoà Tú	KX	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 26"	105° 53' 51"					C-48-68-B-b
Di tích lịch sử Địa điểm thành lậpTiểu đoàn Phú Lợi	KX	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 21"	105° 53' 33"					C-48-68-B-b
Đường tỉnh 940	KX	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
Miếu Bàu	KX	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 25"	105° 52' 54"					C-48-68-B-b
kênh Cồng Cọc	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 23"	105° 53' 34"	09° 25' 59"	105° 53' 15"	C-48-68-B-b
kênh Hoà Bình	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 23' 05"	105° 52' 03"	C-48-68-B-a
kênh Sáu Cự	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 07"	105° 53' 32"	09° 24' 47"	105° 52' 29"	C-48-68-B-b
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 28"	105° 53' 53"	09° 25' 28"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
Kênh Giữa	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 15"	105° 52' 03"	09° 23' 38"	105° 52' 21"	C-48-68-B-a
Kênh Mới	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 37"	105° 53' 33"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-b
Kênh Tư	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 15"	105° 54' 10"	09° 27' 33"	105° 53' 30"	C-48-68-B-b
Kênh Xáng	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 08"	105° 53' 25"	09° 25' 29"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
rạch Cây Gừa	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 53"	105° 52' 34"	09° 25' 23"	105° 53' 34"	C-48-68-B-b
rạch Cù Cái	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 38"	105° 54' 04"	09° 25' 36"	105° 54' 10"	C-48-68-B-b
rạch Hoà Phường	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
Rạch Rừng	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 19"	105° 53' 11"	09° 28' 31"	105° 51' 36"	C-48-68-B-a
sông Chàng Ré	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a
sông Nhu Gia	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
Sông Đình	TV	xã Hoà Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 36"	105° 54' 10"	09° 28' 41"	105° 54' 23"	C-48-68-B-b
ấp Dương Kiển	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 11"	105° 53' 27"					C-48-68-B-d
ấp Hoà Bạch	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 10"	105° 52' 09"					C-48-68-B-c
ấp Hoà Bình	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 56"	105° 51' 51"					C-48-68-B-a
ấp Hoà Hưng	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 53"	105° 51' 29"					C-48-68-B-a
ấp Hoà Nhờ A	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 42"	105° 53' 41"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Nhờ B	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 23"	105° 54' 49"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Phú	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 26"	105° 53' 46"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Phú	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 32"	105° 52' 34"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Trung	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 56"	105° 53' 37"					C-48-68-B-b
ấp Hữu Cạn	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 25"	105° 52' 48"					C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Minh Duy	DC	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 14"	105° 54' 11"					C-48-68-B-b
cầu Chợ Kinh	KX	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 10"	105° 53' 47"					C-48-68-B-d
chùa Bửu Linh	KX	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 02"	105° 53' 09"					C-48-68-B-d
Đường tỉnh 936B	KX	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
Đường tỉnh 940	KX	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
kênh Hoà Bạch	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 56"	105° 51' 31"	09° 22' 32"	105° 53' 20"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
kênh Hoà Bình	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 23' 05"	105° 52' 03"	C-48-68-B-a
kênh Hoà Hưng	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 59"	105° 51' 19"	09° 23' 27"	105° 52' 56"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
kênh Hoà Nhỏ	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 32"	105° 53' 20"	09° 23' 32"	105° 55' 03"	C-48-68-B-b
kênh Hoà Phú	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 53"	105° 54' 34"	09° 23' 02"	105° 53' 08"	C-48-68-B-b
kênh Hoà Phú	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 33"	105° 52' 53"	09° 24' 08"	105° 53' 56"	C-48-68-B-b
kênh Ngã Hiệp	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 36"	105° 48' 59"	09° 24' 35"	105° 51' 51"	C-48-68-B-a
kênh Sáu Cự	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 07"	105° 53' 32"	09° 24' 47"	105° 52' 29"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
Kênh Giữa	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 41"	105° 51' 27"	09° 22' 18"	105° 52' 40"	C-48-68-B-c
Kênh Tư	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 32"	105° 53' 59"	09° 22' 29"	105° 54' 28"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
Kênh Xáng	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 08"	105° 53' 25"	09° 25' 29"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-c
rạch Củ Cải	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 21"	105° 55' 11"	09° 25' 18"	105° 53' 34"	C-48-68-B-b
rạch Hoà Trung	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 41"	105° 53' 18"	09° 23' 32"	105° 53' 59"	C-48-68-B-b
rạch Vàm Léo	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 01"	105° 47' 02"	09° 21' 40"	105° 51' 26"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-c
Rạch Gò	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 55"	105° 52' 43"	09° 23' 09"	105° 51' 13"	C-48-68-B-a
sông Cổ Cò	TV	xã Hoà Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
ấp Hoà Đăng	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 58"	105° 56' 32"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Hình	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 11"	105° 58' 10"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Lôi	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 00"	105° 55' 17"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Thọ	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 43"	105° 56' 02"					C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Hoà Thượng	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 28"	105° 58' 05"					C-48-68-B-b
ấp Huỳnh Công Đê	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 59"	105° 54' 36"					C-48-68-B-b
ấp Lê Văn Xe	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 33"	105° 56' 53"					C-48-68-B-b
Đường tỉnh 936	KX	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 53"	105° 55' 49"	09° 26' 08"	105° 58' 07"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
nhà thờ Hoà Bình	KX	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 59"	105° 58' 01"					C-48-68-B-b
nhà thờ Hoà Thượng	KX	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 40"	105° 58' 04"					C-48-68-B-b
kênh Bờ Ranh	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 29' 43"	105° 57' 42"	09° 27' 07"	105° 57' 18"	C-48-68-B-b
kênh Cống Đá	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 29' 09"	105° 56' 12"	09° 28' 08"	105° 55' 42"	C-48-68-B-b
kênh Đê 936	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 07"	105° 57' 54"	09° 23' 49"	105° 55' 17"	C-48-68-B-b
kênh Giáp Ân	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 07"	105° 58' 20"	09° 27' 57"	105° 56' 58"	C-48-68-B-b
kênh Huyện Lộ 15	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 42"	105° 57' 59"	09° 27' 01"	105° 54' 42"	C-48-68-B-b
kênh Sáu Chương	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 07"	105° 55' 41"	09° 27' 08"	105° 55' 11"	C-48-68-B-b
kênh Sáu Sơn	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 12"	105° 56' 52"	09° 27' 38"	105° 57' 22"	C-48-68-B-b
kênh Sáu Vực	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 15"	105° 55' 23"	09° 27' 24"	105° 54' 58"	C-48-68-B-b
kênh Thanh Mỹ	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-b
rạch Ba Chùa	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 59"	105° 55' 05"	09° 27' 15"	105° 54' 10"	C-48-68-B-b
rạch Ông Bầu	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 29' 14"	105° 57' 33"	09° 29' 28"	105° 56' 59"	C-48-68-B-b
rạch Trà Thê	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 48"	105° 56' 22"	09° 29' 10"	105° 56' 52"	C-48-68-B-b
rạch Xóm Lung	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 54"	105° 56' 48"	09° 25' 15"	105° 55' 39"	C-48-68-B-b
Rạch Lung	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 32"	105° 55' 42"	09° 25' 59"	105° 55' 05"	C-48-68-B-b
sông Cây Tràm	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 47"	105° 56' 01"	09° 27' 48"	105° 56' 23"	C-48-68-B-b
sông Cù Lao	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 07"	105° 56' 58"	09° 28' 03"	105° 56' 36"	C-48-68-B-b
sông Dù Tho	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 19"	105° 57' 55"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
sông Nhu Gia	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
sông Tầm Loan	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 40"	105° 55' 18"	09° 27' 48"	105° 56' 22"	C-48-68-B-b
ấp Cô Cò	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 36"	105° 58' 04"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Đại	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 24"	105° 56' 41"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Lý	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 29"	105° 58' 12"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Muôn	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 22"	105° 57' 25"					C-48-68-B-b
ấp Hoà Tân	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 48"	105° 55' 30"					C-48-68-B-b
ấp Lương Văn Hoàng	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 53"	105° 55' 11"					C-48-68-B-b
ấp Lương Văn Huỳnh	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 35"	105° 55' 25"					C-48-68-B-b
ấp Nguyễn Văn Mạn	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 16"	105° 54' 32"					C-48-68-B-b
ấp Trần Minh Quyền	DC	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 23"	105° 55' 11"					C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
bến đò Cổ Cò	KX	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 49"	105° 58' 14"					C-48-68-B-b
chợ Cổ Cò	KX	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 42"	105° 58' 15"					C-48-68-B-b
Đường tỉnh 936	KX	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 53"	105° 55' 49"	09° 26' 08"	105° 58' 07"	C-48-68-B-b
Đường tỉnh 936B	KX	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-68-B-b
miếu Bà Thiên Hậu	KX	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 26"	105° 56' 08"					C-48-68-B-b
miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu	KX	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 35"	105° 57' 56"					C-48-68-B-b
nhà thờ Hoà Lý	KX	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 14"	105° 58' 10"					C-48-68-B-b
kênh Đập Đá	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 00"	105° 58' 13"	09° 25' 27"	105° 56' 47"	C-48-68-B-b
kênh Đê 936	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 07"	105° 57' 54"	09° 23' 49"	105° 55' 17"	C-48-68-B-b
kênh Giáp Ân	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 07"	105° 58' 20"	09° 27' 07"	105° 56' 58"	C-48-68-B-b
kênh Hoà Quới	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 24"	105° 56' 07"	09° 25' 33"	105° 55' 19"	C-48-68-B-b
kênh Hoà Tân	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 31"	105° 55' 32"	09° 24' 44"	105° 55' 57"	C-48-68-B-b
kênh Thanh Mỹ	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-b
kênh Thầy Chính	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 28"	105° 57' 49"	09° 26' 24"	105° 57' 46"	C-48-68-B-b
Kênh Giữa	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 13"	105° 54' 20"	09° 25' 09"	105° 55' 31"	C-48-68-B-b
Kênh Ven	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 26"	105° 56' 47"	09° 23' 49"	105° 54' 36"	C-48-68-B-b
rạch Ba Chùa	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 59"	105° 55' 05"	09° 27' 15"	105° 54' 10"	C-48-68-B-b
rạch Cù Cái	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 21"	105° 55' 11"	09° 25' 18"	105° 53' 34"	C-48-68-B-b
rạch Xóm Lung	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 59"	105° 55' 05"	09° 25' 27"	105° 55' 01"	C-48-68-B-b
Rạch Lung	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 32"	105° 55' 42"	09° 25' 59"	105° 55' 05"	C-48-68-B-b
sông Cổ Cò	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b
sông Dù Tho	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 19"	105° 57' 55"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b
Sông Đình	TV	xã Ngọc Tổ	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 36"	105° 54' 10"	09° 28' 41"	105° 54' 23"	C-48-68-B-b
ấp Bung Chum	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 24"	105° 53' 54"					C-48-56-D-d
ấp Cần Giờ 1	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 05"	105° 57' 13"					C-48-56-D-d
ấp Cần Giờ 2	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 35"	105° 56' 49"					C-48-56-D-d
ấp Dù Tho	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 34"	105° 57' 45"					C-48-56-D-d
ấp Giồng Có	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 36"	105° 57' 34"					C-48-56-D-d
ấp Phô Nô Cam Bóth	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 41"	105° 57' 37"					C-48-56-D-d
ấp Sông Cái 1	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 42"	105° 56' 55"					C-48-68-B-b
ấp Sông Cái 2	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 45"	105° 54' 08"					C-48-68-B-b
ấp Sô La 1	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 49"	105° 55' 45"					C-48-56-D-d
ấp Sô La 2	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 43"	105° 55' 52"					C-48-56-D-d
ấp Tắc Gông	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 51"	105° 56' 29"					C-48-56-D-d
ấp Trà Bết	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 16"	105° 55' 47"					C-48-56-D-d
ấp Trà Mệt	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 23"	105° 54' 29"					C-48-56-D-d
ấp Vũng Đùng	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 11"	105° 57' 03"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
cầu Trà Met	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 29"	105° 54' 21"					C-48-56-D-d
chùa Ông Bồn Giồng Có	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 23"	105° 57' 17"					C-48-56-D-d
chùa Phnô Canh Chơ Chăs	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 11"	105° 57' 16"					C-48-56-D-d
chùa Phnô Canh Chơ Thmây	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 48"	105° 56' 58"					C-48-56-D-d
chùa Phnô Kom Bôth	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 26"	105° 57' 31"					C-48-56-D-d
chùa Pô Thi Chum	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 32"	105° 54' 00"					C-48-56-D-d
chùa Pra Sath Kong	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 43"	105° 56' 21"					C-48-56-D-d
Đường tỉnh 934	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 936	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 53"	105° 55' 49"	09° 26' 08"	105° 58' 07"	C-48-56-D-d
Nông trường Huyện Đội Mỹ Xuyên	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 24"	105° 55' 12"					C-48-68-B-b
kênh Chế Hứng	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 06"	105° 54' 26"	09° 32' 12"	105° 57' 33"	C-48-56-D-d
kênh Cống Tắc Gòong (KN6)	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 29' 47"	105° 56' 59"	09° 32' 11"	105° 55' 47"	C-48-56-D-d
kênh KN7	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 31' 25"	105° 58' 30"	09° 33' 49"	105° 55' 31"	C-48-56-D-d
kênh Phú Thuận-Thị Trấn	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 26"	105° 58' 18"	09° 29' 54"	105° 52' 33"	C-48-56-D-d
rạch Tà Kê	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 01"	105° 54' 41"	09° 29' 04"	105° 53' 53"	C-48-68-B-b
rạch Trà Bết-Sô La 1	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 47"	105° 55' 43"	09° 30' 01"	105° 54' 41"	C-48-56-D-d; C-48-68-B-b
sông Bãi Xào	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 30' 22"	105° 57' 55"	C-48-56-D-d
sông Nhu Gia	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-68-B-b
ấp Căn Đước	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 26"	105° 51' 32"					C-48-56-D-c
ấp Phú An	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 39"	105° 49' 13"					C-48-68-B-a
ấp Phú A	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 02"	105° 49' 22"					C-48-68-B-a
ấp Phú B	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 04"	105° 50' 02"					C-48-68-B-a
ấp Phú Hoà	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 08"	105° 50' 37"					C-48-68-B-a
ấp Phú Hưng	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 44"	105° 51' 51"					C-48-68-B-a
ấp Phú Thành	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 44"	105° 49' 46"					C-48-68-B-a
ấp Phú Thuận	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 51"	105° 50' 58"					C-48-68-B-a
ấp Rạch Sên	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 34"	105° 52' 31"					C-48-56-D-d
ấp Sóc Bưng	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 48"	105° 50' 11"					C-48-68-B-a
Khu 1	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 07"	105° 50' 52"					C-48-56-D-c
Khu 2	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 22"	105° 51' 00"					C-48-56-D-c
Khu 3	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 50"	105° 51' 24"					C-48-68-B-a
Khu 4	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 04"	105° 51' 31"					C-48-68-B-a
cầu Căn Đước	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 27"	105° 51' 24"					C-48-56-D-c
cầu Chàng Ré	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 16"	105° 51' 08"					C-48-68-B-a
cầu Nhu Gia	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 14"	105° 51' 01"					C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Om Pu Year	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 12"	105° 51' 04"					C-48-56-D-c
chùa Prêk On Đok	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 42"	105° 51' 39"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 940	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-a
miếu Bà Lèo	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 26"	105° 51' 19"					C-48-56-D-c
miếu Đại Thánh	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 11"	105° 50' 54"					C-48-56-D-c
nhà thờ Chàng Ré	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 41"	105° 51' 46"					C-48-68-B-a
nhà thờ Nhu Gia	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 52"	105° 50' 47"					C-48-68-B-a
Quốc lộ 1	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-68-B-a
kênh 8 Thước	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
Kênh Bốn	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 57"	105° 50' 46"	09° 28' 16"	105° 50' 22"	C-48-68-B-a
Kênh Huyện	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 14"	105° 54' 59"	09° 31' 12"	105° 50' 52"	C-48-56-D-c
Kênh Mới	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 50"	105° 49' 10"	09° 27' 45"	105° 49' 37"	C-48-68-B-a
Kênh Thượng	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 17"	105° 50' 59"	09° 31' 45"	105° 50' 42"	C-48-56-D-c
kênh Phú Thuận-Thị Trấn	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 26"	105° 58' 18"	09° 29' 54"	105° 52' 33"	C-48-56-D-d; C-48-68-B-b
kênh Thủy Lợi	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 44"	105° 47' 43"	09° 30' 07"	105° 51' 04"	C-48-68-B-a
kênh Tư Cạn	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 40"	105° 50' 23"	09° 27' 50"	105° 49' 10"	C-48-68-B-a
Kênh Xáng	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 25"	105° 45' 50"	09° 29' 50"	105° 50' 04"	C-48-68-B-a
rạch Bô Thảo	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 31' 31"	105° 49' 53"	C-48-56-D-c
rạch Tà Kê	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 01"	105° 54' 41"	09° 29' 04"	105° 53' 53"	C-48-68-B-b
Rạch Rê	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 31' 43"	105° 50' 10"	09° 31' 14"	105° 51' 19"	C-48-56-D-c
Rạch Sên	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 35"	105° 52' 25"	09° 29' 09"	105° 52' 57"	C-48-68-B-b
sông Chàng Ré	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a
sông Nhu Gia	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
sông Trà Cuông	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 08"	105° 50' 17"	09° 27' 21"	105° 48' 06"	C-48-68-B-a
sông Vườn Cò	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 40"	105° 49' 11"	09° 27' 00"	105° 49' 08"	C-48-68-B-a
ấp Bung Thum	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 08"	105° 47' 34"					C-48-68-B-a
ấp Đào Viên	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 02"	105° 47' 09"					C-48-68-B-a
ấp Đay Sô	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 58"	105° 46' 50"					C-48-68-B-a
ấp Hoà Khanh	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 21"	105° 47' 58"					C-48-68-B-a
ấp Huỳnh Phẩm	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 44"	105° 48' 36"					C-48-68-B-a
ấp Phú Giao	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 20"	105° 45' 57"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh An	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 28"	105° 49' 51"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh Bình	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 44"	105° 46' 34"					C-48-68-B-a
ấp Thanh Hoà	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 49"	105° 49' 09"					C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Thanh Hưng	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 54"	105° 48' 06"					C-48-68-B-a
ấp Thanh Thới	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 53"	105° 46' 25"					C-48-68-B-a
Ấp Ngọn	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 42"	105° 47' 50"					C-48-68-B-a
cầu Hoà Thạnh	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 46"	105° 48' 10"					C-48-68-B-a
cầu Lịch Trà	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 25"	105° 47' 43"					C-48-68-B-a
cầu Phú Giao	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 30"	105° 46' 12"					C-48-68-B-a
cầu Xẻo Tra	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 04"	105° 45' 06"					C-48-68-B-a
chùa Đay Om Pu	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 26"	105° 46' 08"					C-48-68-B-a
chùa Prêk Tà Cuôl	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 17"	105° 47' 55"					C-48-68-B-a
Cầu Đen	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 18"	105° 47' 35"					C-48-68-B-a
Quốc lộ 1	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-68-B-a
kênh Bung Thum	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 04"	105° 47' 37"	09° 28' 53"	105° 48' 13"	C-48-68-B-a
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 08"	105° 46' 26"	09° 33' 14"	105° 46' 29"	C-48-68-B-a
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a
kênh Thuỷ Lợi	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 44"	105° 47' 43"	09° 30' 07"	105° 51' 04"	C-48-68-B-a
kênh xáng Hai Trường	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 02"	105° 45' 38"	09° 28' 57"	105° 46' 35"	C-48-68-B-a
Kênh Rẫy	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 48"	105° 45' 12"	09° 28' 25"	105° 44' 48"	C-48-68-B-a
Kênh Xáng	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 40"	105° 48' 45"	09° 29' 37"	105° 48' 37"	C-48-68-B-a
rạch Tầm Du	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 47"	105° 46' 14"	09° 24' 12"	105° 46' 36"	C-48-68-B-a
rạch Thạnh Bình	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 08"	105° 46' 26"	09° 25' 19"	105° 46' 22"	C-48-68-B-a
rạch Xóm Đồng	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 37"	105° 49' 01"	09° 26' 22"	105° 47' 53"	C-48-68-B-a
sông Cà Lăm	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 19"	105° 46' 22"	09° 25' 47"	105° 50' 06"	C-48-68-B-a
sông Cầu Đen	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 24"	105° 47' 44"	09° 26' 29"	105° 46' 12"	C-48-68-B-a
sông Chàng Ré	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a
sông Chà Hút	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 11"	105° 48' 44"	09° 27' 41"	105° 49' 11"	C-48-68-B-a
sông Huỳnh Phẩm	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 02"	105° 49' 06"	09° 26' 10"	105° 48' 11"	C-48-68-B-a
sông Tà Sáng	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 06"	105° 48' 31"	09° 26' 13"	105° 48' 21"	C-48-68-B-a
sông Trà Chính	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 57"	105° 49' 05"	09° 26' 40"	105° 48' 22"	C-48-68-B-a
sông Trà Cuông	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 08"	105° 50' 17"	09° 27' 21"	105° 48' 06"	C-48-68-B-a
sông Vườn Cò	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 40"	105° 49' 11"	09° 27' 00"	105° 49' 08"	C-48-68-B-a
Sông Cái	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 19"	105° 46' 22"	C-48-68-B-a
ấp Bào Cát	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 23' 58"	105° 41' 06"					C-48-68-A-b
ấp Chợ Cũ	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 11"	105° 42' 06"					C-48-68-A-b
ấp Chợ Mới	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 12"	105° 41' 31"					C-48-68-A-b
ấp Giồng Chùa	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 14"	105° 42' 23"					C-48-68-A-b
ấp Kinh Ngay 1	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 11"	105° 41' 15"					C-48-68-A-b
ấp Số 8	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 29"	105° 41' 21"					C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Số 9	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 22"	105° 41' 29"					C-48-68-A-b
ấp Xóm Tro 1	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 03"	105° 41' 23"					C-48-68-A-b
chùa Ông Kho	KX	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 11"	105° 41' 44"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-b
kênh Chợ Cũ	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 32"	105° 44' 00"	09° 25' 08"	105° 41' 52"	C-48-68-A-b
kênh Cô Tư	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 28' 25"	105° 39' 51"	09° 26' 36"	105° 39' 25"	C-48-68-A-b
kênh Mới Bào Sen	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 48"	105° 41' 00"	09° 23' 30"	105° 40' 17"	C-48-68-A-b
kênh Thầy Bang	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 28"	105° 40' 15"	09° 23' 05"	105° 42' 17"	C-48-68-A-b
Kênh Công	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 23"	105° 39' 01"	09° 25' 10"	105° 41' 21"	C-48-68-A-b
Kênh Mới	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 50"	105° 41' 22"	09° 23' 44"	105° 41' 27"	C-48-68-A-b
Kênh Ngang	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 50"	105° 40' 02"	09° 24' 59"	105° 40' 02"	C-48-68-A-b
Kênh Ngay	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 14"	105° 41' 30"	09° 24' 55"	105° 39' 34"	C-48-68-A-b
Kênh Xáng	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 14"	105° 41' 30"	C-48-68-A-b
rạch Bào Cát	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 23' 35"	105° 41' 42"	09° 24' 33"	105° 42' 11"	C-48-68-A-b
rạch Cây Kè	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 32"	105° 40' 01"	09° 25' 42"	105° 41' 00"	C-48-68-A-b
rạch Mây Dốc	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 03"	105° 41' 29"	09° 26' 16"	105° 41' 49"	C-48-68-A-b
rạch Số 9	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 31"	105° 41' 24"	09° 26' 03"	105° 41' 29"	C-48-68-A-b
rạch Thổ Mô	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 17"	105° 41' 26"	09° 26' 39"	105° 40' 49"	C-48-68-A-b
Rạch Lung	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 34"	105° 40' 27"	09° 25' 16"	105° 40' 02"	C-48-68-A-b
Sông Cái	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 14"	105° 41' 30"	09° 26' 25"	105° 40' 22"	C-48-68-A-b
ấp Bào Lớn	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 24' 46"	105° 45' 02"					C-48-68-B-a
ấp Công Điền	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 24' 30"	105° 44' 03"					C-48-68-A-b
ấp Nàng Rền	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 24' 03"	105° 42' 50"					C-48-68-A-b
ấp Phú Tân	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 26' 47"	105° 45' 09"					C-48-68-B-a
ấp Rẫy Mới	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 35"	105° 42' 34"					C-48-68-A-b
ấp Thạnh Điền	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 34"	105° 45' 15"					C-48-68-B-a
ấp Xa Mau 1	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 35"	105° 43' 56"					C-48-68-A-b
ấp Xa Mau 2	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 23"	105° 43' 21"					C-48-68-A-b
Ấp 1	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 49"	105° 44' 19"					C-48-68-A-b
Ấp 2	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 26' 23"	105° 45' 09"					C-48-68-B-a
Ấp 3	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 26' 10"	105° 44' 23"					C-48-68-A-b
cầu Nàng Rền	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 23' 44"	105° 42' 41"					C-48-68-A-b
cầu Xẻo Tra	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 26' 04"	105° 45' 06"					C-48-68-B-a
chùa Đay Chơ Khmau	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 29"	105° 43' 50"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-b
Quốc lộ 1	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-68-A-b
Quốc lộ 61B	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Chợ Cũ	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 32"	105° 44' 00"	09° 25' 08"	105° 41' 52"	C-48-68-A-b
kênh KT 13	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 28' 32"	105° 43' 23"	09° 26' 09"	105° 44' 47"	C-48-68-A-b
Kênh Rẫy	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 48"	105° 45' 12"	09° 28' 25"	105° 44' 48"	C-48-68-B-a
kênh Thạnh Mỹ	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a
Kênh Xáng	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 38"	105° 45' 12"	09° 24' 11"	105° 48' 13"	C-48-68-B-a
rạch Bào Lớn	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 24' 43"	105° 45' 00"	09° 25' 33"	105° 44' 44"	C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
rạch Công Điền	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 23' 37"	105° 43' 30"	09° 24' 09"	105° 44' 07"	C-48-68-A-b
rạch Nàng Rền	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 40"	105° 44' 15"	09° 23' 31"	105° 42' 52"	C-48-68-A-b
rạch Trắc Tranh	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 23"	105° 44' 04"	09° 24' 20"	105° 44' 37"	C-48-68-A-b
rạch Xa Mau	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 37"	105° 44' 50"	09° 24' 10"	105° 44' 07"	C-48-68-A-b
sông Công Điền	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 24' 10"	105° 44' 07"	09° 24' 43"	105° 44' 58"	C-48-68-A-b
Sông Cái	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 19"	105° 46' 22"	C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
ấp Kinh Ngay 2	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 25' 38"	105° 39' 14"					C-48-68-A-b
ấp Quang Vinh	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 23' 27"	105° 41' 34"					C-48-68-A-b
ấp Tàn Dù	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 23' 41"	105° 38' 56"					C-48-68-A-b
ấp Tràm Kiến	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 24' 42"	105° 38' 22"					C-48-68-A-b
ấp Xóm Tro 2	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 24' 01"	105° 39' 42"					C-48-68-A-b
Ấp 13	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 25' 37"	105° 38' 24"					C-48-68-A-b
Ấp 23	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 26' 30"	105° 39' 54"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-b
kênh Bà Tỳ	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 03"	105° 39' 21"	09° 24' 54"	105° 39' 27"	C-48-68-A-b
kênh Cô Tư	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 28' 25"	105° 39' 51"	09° 26' 36"	105° 39' 25"	C-48-68-A-b
kênh Giã Mê	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 31"	105° 39' 21"	09° 26' 03"	105° 39' 21"	C-48-68-A-b
kênh Hậu Bối	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 23' 55"	105° 39' 01"	09° 24' 07"	105° 40' 10"	C-48-68-A-b
kênh Mới Bào Sen	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 24' 48"	105° 41' 00"	09° 23' 30"	105° 40' 17"	C-48-68-A-b
kênh Nàng Rền	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-b
kênh Ngang Bào Sen	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 23' 07"	105° 40' 32"	09° 24' 45"	105° 39' 28"	C-48-68-A-b
kênh Tay Nhỏ	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 22"	105° 38' 47"	09° 25' 14"	105° 38' 46"	C-48-68-A-b
kênh Thầy Bang	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 24' 28"	105° 40' 15"	09° 23' 05"	105° 42' 17"	C-48-68-A-b
Kênh Công	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 24' 23"	105° 39' 01"	09° 25' 10"	105° 41' 21"	C-48-68-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 25' 50"	105° 40' 02"	09° 24' 59"	105° 40' 02"	C-48-68-A-b
Kênh Ngay	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 25' 14"	105° 41' 30"	09° 24' 55"	105° 39' 34"	C-48-68-A-b
rạch Ba Cùm	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 23' 09"	105° 40' 54"	09° 23' 35"	105° 41' 42"	C-48-68-A-b
rạch Cây Kè	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 32"	105° 40' 01"	09° 25' 42"	105° 41' 00"	C-48-68-A-b
rạch Tàn Xù	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 23' 37"	105° 38' 52"	09° 23' 09"	105° 40' 54"	C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Vĩnh Bia	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 45"	105° 39' 32"	09° 27' 00"	105° 36' 06"	C-48-68-A-b
ấp Kiết Bình	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 31' 30"	105° 49' 18"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Hoà	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 32' 31"	105° 48' 18"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Lợi	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 30' 28"	105° 49' 23"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Thắng	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 30' 33"	105° 48' 40"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Thống	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 31' 26"	105° 48' 29"					C-48-56-D-c
ấp Trà Do	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 30' 38"	105° 49' 57"					C-48-56-D-c
chùa Mõnì Sĩa Keo	KX	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 30' 23"	105° 48' 58"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 940	KX	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-c
kênh 14 tháng 9	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 30' 12"	105° 41' 42"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-D-c
kênh Bà Hai Anh	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 31' 27"	105° 48' 13"	09° 32' 19"	105° 48' 16"	C-48-56-D-c
kênh Cây Mết	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 29' 37"	105° 48' 37"	09° 30' 31"	105° 48' 43"	C-48-68-B-a: C-48-56-D-c
kênh Muơng Lộ	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 32' 36"	105° 48' 32"	09° 30' 39"	105° 50' 22"	C-48-56-D-c
kênh Xáng Tuân Tức	TV	xã Lâm Kiết	II. Thạnh Trị			09° 30' 42"	105° 50' 33"	09° 30' 26"	105° 48' 59"	C-48-56-D-c
rạch Bàu Mốp	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 31' 32"	105° 49' 00"	09° 32' 30"	105° 48' 12"	C-48-56-D-c
sông Nhu Gia	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-56-D-c
sông Sa Keo	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 44' 52"	09° 31' 26"	105° 49' 50"	C-48-56-D-c
ấp Kiết Lập A	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 49"	105° 47' 00"					C-48-68-B-a
ấp Kiết Lập B	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 32"	105° 47' 12"					C-48-68-B-a
ấp Kiết Nhất A	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 31' 33"	105° 47' 24"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Nhất B	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 31' 29"	105° 47' 30"					C-48-56-D-c
ấp Tân Lộc	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 32' 54"	105° 44' 49"					C-48-56-C-d
ấp Tân Nghĩa	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 31' 11"	105° 45' 49"					C-48-56-D-c
ấp Trung Nhất	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 52"	105° 45' 57"					C-48-56-D-c
chùa Buôl Mưm	KX	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 43"	105° 47' 11"					C-48-68-B-a
Di tích lịch sử văn hoá Địa điểm chiến thắng Chắc Tức-Bầu Cồn	KX	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 33' 07"	105° 45' 29"					C-48-68-B-a
kênh 14 tháng 9	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 12"	105° 41' 42"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh Bao Lâm Trường	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 41"	105° 40' 37"	09° 32' 29"	105° 42' 23"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh Ba Cáo-Trắc Tức 1	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 37"	105° 45' 09"	09° 31' 42"	105° 42' 06"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh Ba Cáo-Trắc Tức 4	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 13"	105° 45' 35"	09° 30' 28"	105° 43' 11"	C-48-56-D-c
kênh Bà Hai Anh	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 27"	105° 48' 13"	09° 32' 19"	105° 48' 16"	C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Cái Trầu	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 10"	105° 46' 12"	09° 31' 28"	105° 40' 17"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh Lộ Mới	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 26' 08"	105° 46' 26"	09° 33' 14"	105° 46' 29"	C-48-56-D-c
kênh Ông Sanh	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 34"	105° 45' 45"	09° 30' 43"	105° 46' 53"	C-48-56-D-c
kênh Tư Lùng	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 33"	105° 45' 01"	09° 32' 45"	105° 44' 18"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh xáng Hai Trường	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 02"	105° 45' 38"	09° 28' 57"	105° 46' 35"	C-48-56-D-c
Kênh Lung	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 09"	105° 46' 59"	09° 31' 04"	105° 47' 42"	C-48-56-D-c
Kênh Tây	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 21"	105° 45' 56"	09° 32' 47"	105° 46' 27"	C-48-56-D-c
rạch Bàu Mốp	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 32"	105° 49' 00"	09° 32' 30"	105° 48' 12"	C-48-56-D-c
rạch Bung Côi	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 10"	105° 46' 13"	09° 32' 33"	105° 47' 44"	C-48-56-D-c
rạch Cây Cốc	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 28"	105° 45' 12"	09° 32' 49"	105° 44' 35"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
Rạch Chóc	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 39"	105° 43' 52"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
rạch Mã Di	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 55"	105° 45' 11"	09° 30' 55"	105° 45' 31"	C-48-56-D-c
rạch Ông Liêm	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 43"	105° 45' 51"	09° 32' 15"	105° 46' 43"	C-48-56-D-c
rạch Trà Mót	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 45' 24"	09° 29' 09"	105° 45' 09"	C-48-56-D-c
rạch Trà Thảm	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 33"	105° 45' 01"	09° 30' 32"	105° 45' 13"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
rạch Xẻo Cui	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 32"	105° 45' 13"	09° 30' 53"	105° 45' 31"	C-48-56-D-c
sông Sa Keo	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 44' 52"	09° 31' 26"	105° 49' 50"	C-48-56-D-c
sông Vàng Bạc	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 38"	105° 45' 12"	09° 31' 12"	105° 45' 36"	C-48-56-D-c
ấp A2	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 30' 30"	105° 40' 54"					C-48-56-C-d
ấp B1	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 54"	105° 42' 00"					C-48-68-A-b
ấp B2	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 16"	105° 42' 22"					C-48-68-A-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 54"	105° 43' 05"					C-48-68-A-b
ấp Tân Phước	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 32' 21"	105° 42' 57"					C-48-56-C-d
ấp Tân Thắng	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 31' 23"	105° 41' 53"					C-48-56-C-d
Ấp 21	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 18"	105° 39' 43"					C-48-68-A-b
cầu 14 tháng 9	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 30' 12"	105° 41' 43"					C-48-56-C-d
chùa Ong Tau	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 30' 08"	105° 41' 47"					C-48-56-C-d
Cầu Sắt	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 44"	105° 42' 07"					C-48-68-A-b
nhà thờ Sa Ken	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 32' 41"	105° 43' 48"					C-48-56-C-d
Quốc lộ 61B	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-d
kênh 8 Thước	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 27' 09"	105° 37' 49"	09° 29' 44"	105° 42' 05"	C-48-68-A-b
kênh 10 Thước	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 44"	105° 42' 09"	09° 30' 07"	105° 43' 49"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh 14 tháng 9	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 12"	105° 41' 42"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-C-d
kênh 26 tháng 3	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 27"	105° 40' 13"	09° 29' 33"	105° 38' 04"	C-48-56-C-d
kênh Ba Cào-Trắc Túc 1	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 37"	105° 45' 09"	09° 31' 42"	105° 42' 06"	C-48-56-C-d
kênh Ba Cào-Trắc Túc 4	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 13"	105° 45' 35"	09° 30' 28"	105° 43' 11"	C-48-56-D-c
kênh Bao Lâm Trường	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 41"	105° 40' 37"	09° 32' 29"	105° 42' 23"	C-48-56-C-d
kênh Cái Trầu	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 10"	105° 46' 12"	09° 31' 28"	105° 40' 17"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Sắt	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 29' 44"	105° 42' 05"	C-48-68-A-b
kênh Cầu Trắng	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 42"	105° 41' 52"	09° 32' 13"	105° 42' 30"	C-48-56-C-d
kênh Chánh Sạn	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 39"	105° 41' 10"	09° 29' 36"	105° 39' 53"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b
kênh Lát Chiêu	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 23"	105° 42' 04"	09° 32' 05"	105° 42' 04"	C-48-56-C-d
kênh Lô Xiêm	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 35"	105° 43' 13"	09° 31' 41"	105° 42' 05"	C-48-56-C-d
kênh Ông Chủ	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 28"	105° 39' 38"	09° 29' 04"	105° 40' 29"	C-48-68-A-b
kênh Ông Tào	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 36"	105° 41' 15"	09° 32' 12"	105° 42' 29"	C-48-56-C-d
kênh Tà Âu	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 32' 17"	105° 42' 44"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b
kênh Tây Tàu	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 55"	105° 42' 10"	09° 31' 49"	105° 41' 20"	C-48-56-C-d
kênh Thầy Chín	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 20"	105° 41' 31"	09° 30' 00"	105° 40' 46"	C-48-56-C-d
kênh Tư Lê	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 07"	105° 43' 55"	09° 32' 31"	105° 43' 25"	C-48-56-C-d
kênh xáng Ngã Năm-Phú Lộc	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b
kênh Xóm Cá	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 12"	105° 39' 45"	09° 28' 05"	105° 41' 26"	C-48-68-A-b
Kênh Bao	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 29"	105° 42' 23"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
Kênh Mốp	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 00"	105° 40' 46"	09° 29' 29"	105° 39' 42"	C-48-68-A-b
Rạch Chóc	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 39"	105° 43' 52"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
sông Sòng Tác	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 07"	105° 43' 49"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
ấp Mây Dốc	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 23"	105° 41' 47"					C-48-68-A-b
ấp Rẫy Mới	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 22"	105° 42' 30"					C-48-68-A-b
ấp Tà Điếp C1	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 54"	105° 43' 01"					C-48-68-A-b
ấp Tà Điếp C2	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 28' 32"	105° 42' 42"					C-48-68-A-b
ấp Tà Lọt A	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 28' 08"	105° 42' 12"					C-48-68-A-b
ấp Tà Lọt C	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 28' 05"	105° 41' 02"					C-48-68-A-b
ấp Tà Niên	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 26' 54"	105° 42' 34"					C-48-68-A-b
ấp Trương Hiền	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 26' 41"	105° 43' 43"					C-48-68-A-b
Ấp 22	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 28' 23"	105° 40' 08"					C-48-68-A-b
cầu Sa Di	KX	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 47"	105° 43' 04"					C-48-68-A-b
cầu Tai Trâu	KX	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 26"	105° 43' 14"					C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ		
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)		
chùa Đay Niêl	KX	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 17"	105° 43' 22"						C-48-68-A-b
Quốc lộ 61B	KX	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"		C-48-68-A-b
kênh 8 Thước	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 09"	105° 37' 49"	09° 29' 44"	105° 42' 05"		C-48-68-A-b
kênh Cô Tư	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 28' 25"	105° 39' 51"	09° 26' 36"	105° 39' 25"		C-48-68-A-b
kênh KT 13	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 28' 32"	105° 43' 23"	09° 26' 09"	105° 44' 47"		C-48-68-A-b
kênh Tai Trâu	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 22"	105° 43' 13"	09° 26' 56"	105° 43' 29"		C-48-68-A-b
kênh xáng Ngã Năm-Phú Lộc	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"		C-48-68-A-b
kênh Xóm Cá	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 29' 12"	105° 39' 45"	09° 28' 05"	105° 41' 26"		C-48-68-A-b
Kênh Cùi	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 23"	105° 40' 43"	09° 26' 49"	105° 41' 48"		C-48-68-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 27"	105° 42' 06"	09° 25' 38"	105° 42' 24"		C-48-68-A-b
Kênh Xáng	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 14"	105° 41' 30"		C-48-68-A-b
rạch Đập Đá	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 16"	105° 41' 49"	09° 26' 27"	105° 42' 06"		C-48-68-A-b
rạch Mây Dốc	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 03"	105° 41' 29"	09° 26' 16"	105° 41' 49"		C-48-68-A-b
rạch Sa Di	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 27' 46"	105° 43' 04"		C-48-68-A-b
rạch Thông Lưu	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 20"	105° 43' 10"	09° 27' 41"	105° 42' 14"		C-48-68-A-b
rạch Thổ Mỏ	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 17"	105° 41' 26"	09° 26' 39"	105° 40' 49"		C-48-68-A-b
sông Tà Lọt	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 45"	105° 41' 31"	09° 27' 38"	105° 43' 06"		C-48-68-A-b
sông Tà Niên	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 40"	105° 41' 55"	09° 27' 08"	105° 43' 10"		C-48-68-A-b
Sông Cái	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 19"	105° 46' 22"		C-48-68-A-b
ấp Tân Định	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 30' 19"	105° 44' 31"						C-48-56-C-d
ấp Trung Bình	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 29' 13"	105° 44' 03"						C-48-68-A-b
ấp Trung Hoà	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 28' 51"	105° 44' 20"						C-48-68-A-b
ấp Trung Thành	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 27' 38"	105° 45' 06"						C-48-68-B-a
ấp Trung Thống	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 28' 55"	105° 45' 22"						C-48-68-B-a
chùa Pong Tuk Chäs	KX	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 29' 34"	105° 43' 14"						C-48-68-A-b
chùa Pong Tuk Thmây	KX	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 28' 39"	105° 44' 31"						C-48-68-A-b
kênh Ba Cáo-Trắc Tức 4	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 31' 13"	105° 45' 35"	09° 30' 28"	105° 43' 11"		C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
kênh Cầu Sắt	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 29' 44"	105° 42' 05"		C-48-68-A-b
kênh KT 13	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 28' 32"	105° 43' 23"	09° 26' 09"	105° 44' 47"		C-48-68-A-b
kênh Thấy Hai	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 26"	105° 44' 37"	09° 30' 53"	105° 43' 53"		C-48-56-C-d
kênh Tư Lê	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 07"	105° 43' 55"	09° 32' 31"	105° 43' 25"		C-48-56-C-d
kênh Tư Lùng	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 33"	105° 45' 01"	09° 32' 45"	105° 44' 18"		C-48-56-C-d
Kênh Rẫy	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 25' 48"	105° 45' 12"	09° 28' 25"	105° 44' 48"		C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
Kênh Xáng	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 28' 57"	105° 46' 35"	09° 26' 49"	105° 46' 42"		C-48-68-B-a
Rạch Chóc	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 32' 39"	105° 43' 52"	09° 30' 27"	105° 44' 52"		C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Sa Di	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 27' 46"	105° 43' 04"	C-48-68-A-b
rạch Sông Tác	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 29' 09"	105° 45' 09"	09° 30' 18"	105° 44' 34"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
rạch Trà Lọt	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 28' 49"	105° 43' 40"	09° 28' 54"	105° 44' 12"	C-48-68-A-b
rạch Trà Mót	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 45' 24"	09° 29' 09"	105° 45' 09"	C-48-68-B-a
rạch Trà Thâm	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 33"	105° 45' 01"	09° 30' 32"	105° 45' 13"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
sông Sa Keo	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 44' 52"	09° 31' 26"	105° 49' 50"	C-48-56-C-d
sông Sông Tác	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 07"	105° 43' 49"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
sông Trung Hoà	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 29' 09"	105° 45' 09"	09° 29' 34"	105° 43' 25"	C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
ấp 16/2	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 27' 38"	105° 37' 34"					C-48-68-A-a
ấp Tân Biên	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 29"	105° 36' 56"					C-48-68-A-a
Ấp 11	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 41"	105° 35' 58"					C-48-68-A-a
Ấp 12	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 01"	105° 36' 34"					C-48-68-A-a
Ấp 13	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 26' 20"	105° 38' 23"					C-48-68-A-b
Ấp 14	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 27' 05"	105° 36' 04"					C-48-68-A-a
Ấp 15	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 26' 59"	105° 37' 38"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
kênh 19 tháng 5B	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 53"	105° 35' 23"	09° 28' 41"	105° 36' 52"	C-48-68-A-a
kênh Bầu Cá Rô	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 27' 02"	105° 37' 39"	09° 27' 05"	105° 36' 01"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
kênh Đồng Lớn	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 33"	105° 36' 55"	09° 25' 52"	105° 35' 24"	C-48-68-A-a
Kênh Giữa	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 39"	105° 35' 54"	09° 25' 00"	105° 36' 09"	C-48-68-A-a
kênh Nàng Rền	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
kênh Ông Tà	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 27' 44"	105° 37' 34"	09° 27' 41"	105° 36' 20"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
kênh Tân Biên	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 22"	105° 37' 24"	09° 25' 34"	105° 36' 22"	C-48-68-A-a
rạch Mười Lửa	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 28' 05"	105° 37' 29"	09° 28' 43"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
sông Vĩnh Bia	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 45"	105° 39' 32"	09° 27' 00"	105° 36' 06"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
ấp 16/1	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 28' 43"	105° 37' 01"					C-48-68-A-a
ấp Vĩnh Thắng	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 27' 04"	105° 40' 13"					C-48-68-A-b
Ấp 17	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 29' 09"	105° 37' 41"					C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Áp 19	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 29' 05"	105° 38' 41"					C-48-68-A-b
Áp 20	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 28' 20"	105° 38' 37"					C-48-68-A-b
Áp 22	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 27' 50"	105° 39' 17"					C-48-68-A-b
Áp 23	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 26' 57"	105° 38' 58"					C-48-68-A-b
Di tích lịch sử văn hoá Địa điểm Mỹ ngụy thăm sát thường dân ở xã Vĩnh Thành	KX	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 29' 06"	105° 37' 34"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-b
kênh 19 Tháng 5B	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 25' 53"	105° 35' 23"	09° 28' 41"	105° 36' 52"	C-48-68-A-a
kênh 8 Thước	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 27' 09"	105° 37' 49"	09° 29' 44"	105° 42' 05"	C-48-68-A-b
kênh Cô Tư	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 28' 25"	105° 39' 51"	09° 26' 36"	105° 39' 25"	C-48-68-A-b
kênh Lò Than	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 29' 02"	105° 38' 42"	09° 27' 56"	105° 38' 42"	C-48-68-A-b
kênh Lung Lớn	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 29' 06"	105° 38' 35"	09° 28' 03"	105° 38' 13"	C-48-68-A-b
kênh Lung Sen	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 29' 05"	105° 35' 34"	09° 28' 42"	105° 37' 13"	C-48-68-A-a
kênh Nàng Rền	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-a
kênh Nhà Thờ	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 29' 33"	105° 38' 03"	09° 28' 42"	105° 37' 13"	C-48-68-A-b; C-48-68-A-a
rạch Mười Lửa	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 28' 05"	105° 37' 29"	09° 28' 43"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
sông Vĩnh Bia	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 26' 45"	105° 39' 32"	09° 27' 00"	105° 36' 06"	C-48-68-A-b
ấp Châu Thành	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 26"	106° 08' 50"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Giồng Giữa	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 29' 08"	106° 08' 50"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Hội Trung	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 29' 21"	106° 09' 06"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Phổ Dưới B	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 37"	106° 08' 25"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Sóc Lèo B	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 21"	106° 09' 17"					C-48-69-(A-b+B-a)
cầu Giồng Giữa	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 29' 24"	106° 08' 42"					C-48-69-(A-b+B-a)
cầu Lịch Hội Thượng	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 29' 23"	106° 08' 41"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Ông Bốn	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 36"	106° 09' 02"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Pô Thi Pruk	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 44"	106° 08' 49"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Prum Vi Sal	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 45"	106° 09' 12"					C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 934	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 936B	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Cặp Giồng	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 20"	106° 09' 15"	09° 27' 22"	106° 09' 08"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Đại Tung	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 59"	106° 09' 52"	09° 29' 28"	106° 09' 05"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Lục	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 50"	106° 12' 20"	09° 28' 42"	106° 09' 13"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Sáu Quế 1	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 25' 32"	106° 10' 01"	09° 29' 41"	106° 10' 17"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Tiếp Nhật	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Tú Diêm	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 29' 24"	106° 08' 41"	C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Ba	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 31' 35"	106° 12' 00"	09° 30' 51"	106° 06' 42"	C-48-57-C-d
Kênh Hai	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d
Kênh Mới	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 30' 01"	106° 09' 45"	09° 29' 49"	106° 08' 36"	C-48-57-C-d; C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Ranh	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 07' 49"	09° 25' 34"	106° 07' 46"	C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Tư	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 30' 55"	106° 12' 20"	09° 30' 04"	106° 06' 24"	C-48-57-C-d
sông Bung Lức	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 36"	106° 09' 47"	09° 32' 56"	106° 09' 50"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-57-C-d
Sông Gòi	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 08' 41"	09° 24' 54"	106° 07' 48"	C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Đầu Giồng	DC	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 30' 56"	106° 11' 35"					C-48-57-C-d
ấp Giồng Chùa	DC	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 30' 21"	106° 11' 55"					C-48-57-C-d
ấp Ngan Rô 1	DC	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 32' 52"	106° 10' 10"					C-48-57-C-d
Ấp Càng	DC	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 31' 28"	106° 11' 47"					C-48-57-C-d
cảng cá Trần Đề	KX	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 31' 41"	106° 11' 59"					C-48-57-C-d
chùa Đon Ka Đôn	KX	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 30' 13"	106° 11' 41"					C-48-57-C-d
Đường tỉnh 934	KX	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-(A-b+B-a)
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Bồn Bồn	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 32' 53"	106° 10' 07"	09° 29' 54"	106° 11' 31"	C-48-69-(A-b+ B-a); C-48-57-C-d
kênh Tiếp Nhật	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-(A-b+ B-a); C-48-57-C-d
Kênh Ba	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 31' 35"	106° 12' 00"	09° 30' 51"	106° 06' 42"	C-48-57-C-d
Kênh Hai	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d
Kênh Một	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 32' 55"	106° 11' 27"	09° 32' 28"	106° 08' 04"	C-48-57-C-d
Kênh Tư	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 30' 55"	106° 12' 20"	09° 30' 04"	106° 06' 24"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d
sông Ngan Rô	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 33' 16"	106° 11' 17"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-d
ấp Lâm Đỗ	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 32' 01"	106° 09' 38"					C-48-57-C-d
ấp Ngan Rô 2	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 32' 54"	106° 09' 13"					C-48-57-C-d
ấp Thanh Liêm	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 33' 10"	106° 10' 45"					C-48-57-C-d
ấp Tú Diễm	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 33' 06"	106° 07' 49"					C-48-57-C-d
Ấp Chợ	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 32' 59"	106° 09' 54"					C-48-57-C-d
chùa Đom Pô	KX	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 32' 16"	106° 09' 40"					C-48-57-C-d
chùa Pem Buôl	KX	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 33' 12"	106° 07' 52"					C-48-57-C-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-d
kênh Bà Xâm	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 39' 07"	106° 06' 24"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-d
kênh Bồn Bồn	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 32' 53"	106° 10' 07"	09° 29' 54"	106° 11' 31"	C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Cái Xe	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 34' 45"	106° 01' 56"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-c
kênh Ông Cha	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 46"	106° 10' 11"	09° 34' 33"	106° 10' 00"	C-48-57-C-d
kênh Tú Diễm	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 29' 24"	106° 08' 41"	C-48-57-C-d
kênh Xã Chỉ	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 34' 35"	106° 10' 34"	09° 34' 40"	106° 07' 40"	C-48-57-C-d
Kênh Hai	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d
Kênh Một	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 32' 55"	106° 11' 27"	09° 32' 28"	106° 08' 04"	C-48-57-C-d
Kênh Xáng	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 22"	106° 07' 02"	09° 29' 27"	106° 07' 05"	C-48-57-C-c
rạch Bung Cóc	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 44"	106° 10' 08"	09° 33' 02"	106° 10' 18"	C-48-57-C-c
sông Bung Lức	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 29' 36"	106° 09' 47"	09° 32' 56"	106° 09' 50"	C-48-57-C-d
sông Ngan Rô	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 16"	106° 11' 17"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d
ấp Nam Chánh	DC	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 46"	106° 08' 48"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Phố Dưới	DC	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 07"	106° 08' 26"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Sóc Lèo	DC	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 51"	106° 09' 12"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Hội Phước	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 20"	106° 09' 02"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Kom Pong Pro Tel	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 37"	106° 09' 07"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Phnô Tà Niêu	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 26' 26"	106° 09' 08"					C-48-69-(A-b+B-a)
đình Nam Chánh	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 34"	106° 08' 56"					C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 936B	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-(A-b+B-a)
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Bà Phệp	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 05"	106° 09' 34"	09° 27' 32"	106° 09' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Cặp Giồng	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 20"	106° 09' 15"	09° 27' 22"	106° 09' 08"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Đại Tung	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 16"	106° 10' 19"	09° 28' 23"	106° 09' 42"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Lâm Thiết	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 27' 54"	106° 10' 13"	09° 27' 59"	106° 09' 14"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Huỳnh	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 27' 23"	106° 10' 48"	09° 28' 08"	106° 09' 15"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Khinh	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 08"	106° 11' 55"	09° 28' 18"	106° 10' 06"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Lục	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 50"	106° 12' 20"	09° 28' 42"	106° 09' 13"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Phên	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 12"	106° 10' 09"	09° 27' 03"	106° 09' 41"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Sáu Quế 1	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 25' 32"	106° 10' 01"	09° 29' 41"	106° 10' 17"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Xuân Ôi	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 22"	106° 09' 44"	09° 28' 25"	106° 10' 23"	C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Ranh	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 07' 49"	09° 25' 34"	106° 07' 46"	C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Xáng	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 26' 59"	106° 08' 49"	09° 26' 00"	106° 08' 27"	C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Ba Đồi	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 27' 01"	106° 07' 32"	09° 27' 33"	106° 08' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Trắc Co	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 25' 40"	106° 07' 38"	09° 25' 17"	106° 07' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
sông Mỹ Thanh	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-(A-b+B-a)
Sông Gòi	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 08' 41"	09° 24' 54"	106° 07' 48"	C-48-69-(A-b+B-a)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Bung Buối	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 31' 47"	106° 06' 59"					C-48-57-C-c
ấp Bung Triết	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 30' 51"	106° 06' 35"					C-48-57-C-c
ấp Đại Nôn	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 29' 41"	106° 07' 08"					C-48-69-A-a
ấp Giồng Chát	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 27' 23"	106° 07' 08"					C-48-69-A-a
ấp Tổng Cánh	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 27' 17"	106° 05' 08"					C-48-69-A-a
bia Chứng tích chiến tranh	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 26' 53"	106° 07' 18"					C-48-69-A-a
cầu Trà Môn	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 29' 25"	106° 06' 21"					C-48-69-A-a
chùa Băng Phniết	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 32' 24"	106° 07' 21"					C-48-57-C-c
chùa Long Thiện	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 26' 52"	106° 05' 01"					C-48-69-A-a
chùa Prêk Chac	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 26' 53"	106° 07' 18"					C-48-69-A-a
Đường tỉnh 934	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 936B	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-A-a
kênh Giồng Chát	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 29' 26"	106° 07' 05"	09° 27' 32"	106° 07' 09"	C-48-69-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Tú Diêm	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 29' 24"	106° 08' 41"	C-48-57-C-d
Kênh Ba	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 31' 35"	106° 12' 00"	09° 30' 51"	106° 06' 42"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-c
Kênh Hai	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-c
Kênh Ranh	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 07' 49"	09° 25' 34"	106° 07' 46"	C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Tư	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 30' 55"	106° 12' 20"	09° 30' 04"	106° 06' 24"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-c
Kênh Xáng	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 33' 22"	106° 07' 02"	09° 29' 27"	106° 07' 05"	C-48-69-A-a; C-48-57-C-c
rạch Ba Đồi	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 27' 01"	106° 07' 32"	09° 27' 33"	106° 08' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Tổng Cánh	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 29' 27"	106° 06' 20"	09° 26' 56"	106° 04' 28"	C-48-69-A-a
rạch Trắc Co	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 25' 40"	106° 07' 38"	09° 25' 17"	106° 07' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
sông Mỹ Thanh	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
Sông Gòi	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 08' 41"	09° 24' 54"	106° 07' 48"	C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Bung Cà Pốt	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 34' 29"	106° 03' 35"					C-48-57-C-c
ấp Bung Chông	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 33' 02"	106° 02' 47"					C-48-57-C-c
ấp Chác Tung	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 32' 46"	106° 01' 18"					C-48-57-C-c
ấp Hà Bô	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 32' 47"	106° 00' 53"					C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Prêc Đôn	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 34' 03"	106° 02' 18"					C-48-57-C-c
ấp Tài Công	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 33' 53"	106° 00' 37"					C-48-57-C-c
ấp Trà Đót	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 33' 21"	106° 04' 59"					C-48-57-C-c
cầu Tài Văn	KX	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 32' 45"	106° 01' 06"					C-48-57-C-c
Đường tỉnh 934	KX	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
Đường tỉnh 935	KX	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-57-C-c
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-57-C-c
kênh Cái Xe	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 34' 45"	106° 01' 56"	C-48-57-C-c
kênh Chác Tung-Bung Cà Pốt	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 32' 40"	106° 01' 18"	09° 33' 58"	106° 04' 17"	C-48-57-C-c
kênh Nông Trường	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Ông Liếm	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 56"	106° 01' 12"	09° 32' 48"	106° 01' 04"	C-48-57-C-c
kênh Tắc Bướm	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-57-C-c
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
kênh xáng Tài Công	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 32' 06"	105° 59' 35"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
Kênh Cũ	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 32' 32"	106° 05' 23"	09° 33' 41"	106° 04' 42"	C-48-57-C-c
rạch Bung Cà Pốt	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 41"	106° 04' 42"	09° 34' 19"	106° 04' 18"	C-48-57-C-c
rạch Cái Xe	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 34' 21"	106° 04' 08"	C-48-57-C-c
rạch Tài Công	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 46"	106° 01' 43"	09° 33' 52"	106° 00' 41"	C-48-57-C-c
sông Muơng Tra	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 36' 21"	106° 01' 23"	09° 34' 58"	106° 01' 13"	C-48-57-C-c
Sông Đính	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 34' 23"	105° 59' 46"	C-48-56-D-d
ấp An Hoà 1	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 30' 05"	106° 00' 58"					C-48-57-C-c
ấp An Hoà 2	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 30' 59"	106° 00' 22"					C-48-57-C-c
ấp Đầy Hương 1	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 27' 47"	106° 00' 39"					C-48-69-A-a
ấp Đầy Hương 2	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 27' 38"	106° 01' 58"					C-48-69-A-a
ấp Đầy Hương 3	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 29' 08"	106° 01' 41"					C-48-69-A-a
ấp Hưng Thới	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 30' 03"	106° 01' 35"					C-48-57-C-c
ấp Tắc Bướm	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 31' 47"	106° 01' 10"					C-48-57-C-c
ấp Thanh Nhân	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 31' 38"	105° 59' 43"					C-48-56-D-d
ấp Tiên Cường 1	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 28' 08"	106° 00' 03"					C-48-69-A-a
ấp Tiên Cường 2	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 28' 58"	106° 01' 15"					C-48-69-A-a
cầu An Nô	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 30' 57"	106° 00' 12"					C-48-57-C-c
cầu Lắc Bung	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 28' 01"	106° 00' 20"					C-48-69-A-a
chùa Prêc Om Pu	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 29' 58"	106° 01' 36"					C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đình Hưng Thới	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 29' 28"	106° 01' 55"					C-48-69-A-a
Đường tỉnh 936B	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-A-a; C-48-68-B-b
Đường tỉnh 935	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
Miếu Bà	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 29' 00"	106° 01' 08"					C-48-69-A-a
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-69-A-a
kênh Chính Hậu	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 26' 43"	106° 01' 34"	09° 27' 09"	106° 01' 12"	C-48-69-A-a
kênh Chính Sáu	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 26' 26"	106° 01' 19"	09° 27' 07"	106° 01' 08"	C-48-69-A-a
kênh Đa Sa	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 28' 27"	105° 59' 49"	09° 30' 13"	105° 58' 57"	C-48-69-A-a; C-48-68-B-b
kênh Hai Dương	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 35"	106° 01' 50"	09° 29' 42"	106° 02' 21"	C-48-69-A-a
kênh Hưng Thạnh Tổng Cánh	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 27' 38"	106° 04' 56"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-69-A-a
kênh Lung Lớn	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 31"	106° 02' 43"	09° 28' 56"	106° 02' 21"	C-48-69-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 50"	105° 59' 24"	09° 30' 19"	106° 00' 43"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
kênh Ông Tấn	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 27' 30"	106° 00' 02"	09° 27' 51"	106° 00' 36"	C-48-69-A-a
kênh Tắc Bướm	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-57-C-c
kênh Thạnh Thới An	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 27' 17"	105° 59' 28"	09° 28' 15"	105° 59' 42"	C-48-68-B-b
kênh Tình Lộ 935	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 25' 38"	105° 58' 58"	09° 28' 01"	106° 00' 20"	C-48-69-A-a
kênh xáng Tài Công	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 32' 06"	105° 59' 35"	C-48-56-D-d
Kênh Tư	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 26' 40"	106° 01' 08"	09° 27' 12"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a
rạch Dây La	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 19"	106° 02' 39"	09° 27' 40"	106° 02' 47"	C-48-69-A-a
rạch Lò Rượu	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 03"	106° 01' 45"	09° 28' 33"	106° 02' 16"	C-48-69-A-a
rạch Ông Bang	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 28' 28"	105° 59' 31"	09° 28' 09"	106° 00' 35"	C-48-69-A-a; C-48-68-B-b
rạch Rọc Lá	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 28' 02"	105° 59' 20"	09° 28' 01"	106° 00' 20"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
rạch Tầm Du	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 30' 00"	106° 01' 40"	09° 30' 49"	106° 02' 50"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
rạch Tầm Du	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 30' 20"	106° 01' 31"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
rạch Tầm Ruộc	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 28' 01"	106° 00' 20"	09° 27' 46"	106° 01' 56"	C-48-69-A-a
rạch Thạnh An 1	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 27' 29"	106° 00' 01"	09° 26' 59"	105° 58' 26"	C-48-68-B-b
rạch Xây Xây	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 34"	106° 01' 55"	09° 28' 58"	106° 02' 14"	C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông An Nô	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 32' 29"	105° 59' 24"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-69-A-a; C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
sông Bãi Xào	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 30' 22"	105° 57' 55"	C-48-56-D-d
sông Mỹ Thanh	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a
sông Tiên Cường	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 12"	106° 01' 38"	09° 28' 01"	106° 00' 20"	C-48-69-A-a
ấp Thạnh An 1	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 26' 57"	105° 58' 30"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh An 3	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 25' 53"	105° 59' 26"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh An 4	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 26' 32"	106° 01' 11"					C-48-69-A-a
ấp Thạnh Nhân 1	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 29' 46"	105° 58' 13"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh Nhân 2	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 28' 51"	105° 58' 11"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh Ninh	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 28' 00"	105° 58' 12"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh Phú	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 31' 37"	105° 58' 50"					C-48-56-D-d
bến đò Cổ Cò	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 25' 49"	105° 58' 14"					C-48-68-B-b
cầu Mỹ Thanh	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 25' 41"	105° 59' 38"					C-48-68-B-b
cầu So Đũa	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 26' 17"	105° 59' 26"					C-48-68-B-b
Đường tỉnh 935	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
Đường tỉnh 936B	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-68-B-b
kênh Cây Cui	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 49"	106° 00' 36"	09° 26' 13"	106° 01' 08"	C-48-69-A-a
kênh Cây Mắm	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 29' 40"	105° 58' 08"	09° 29' 46"	105° 59' 07"	C-48-68-B-b
kênh Cầu So Đũa	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 17"	105° 59' 26"	09° 26' 41"	106° 00' 04"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
kênh Chính Hậu	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 43"	106° 01' 34"	09° 27' 09"	106° 01' 12"	C-48-69-A-a
kênh Chính Sáu	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 26"	106° 01' 19"	09° 27' 07"	106° 01' 08"	C-48-69-A-a
kênh Dọc Lá	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 29' 52"	105° 59' 14"	09° 28' 57"	105° 59' 15"	C-48-68-B-b
kênh Đa Sa	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 28' 27"	105° 59' 49"	09° 30' 13"	105° 58' 57"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
kênh Giếng Mã	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 33"	105° 59' 06"	09° 27' 05"	105° 59' 11"	C-48-68-B-b
kênh Nông Trường	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 29' 50"	105° 59' 24"	09° 30' 19"	106° 00' 43"	C-48-68-B-b
kênh Ông Tản	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 27' 30"	106° 00' 02"	09° 27' 51"	106° 00' 36"	C-48-68-B-b
Kênh Râu	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 17"	105° 58' 28"	09° 26' 17"	105° 59' 25"	C-48-68-B-b
kênh So Đũa	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 41"	106° 00' 04"	09° 26' 11"	106° 00' 17"	C-48-69-A-a
kênh Thạnh Thới An	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 27' 17"	105° 59' 28"	09° 28' 15"	105° 59' 42"	C-48-68-B-b
kênh Tỉnh Lộ 935	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 25' 38"	105° 58' 58"	09° 28' 01"	106° 00' 20"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
kênh Tư Minh	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 25' 41"	105° 58' 58"	09° 26' 27"	105° 59' 23"	C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Tư	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 40"	106° 01' 08"	09° 27' 12"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a
kênh Xà Mách	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 30' 13"	105° 58' 56"	09° 30' 17"	105° 58' 22"	C-48-56-D-d
rạch Ông Bang	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 28' 28"	105° 59' 31"	09° 28' 09"	106° 00' 35"	C-48-68-B-b
rạch Thạnh An 1	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 27' 29"	106° 00' 01"	09° 26' 59"	105° 58' 26"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
sông Bãi Xào	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 30' 22"	105° 57' 55"	C-48-56-D-d
sông Dọc Lá	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 30' 13"	105° 58' 57"	09° 27' 08"	105° 59' 10"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
sông Dù Tho	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 30' 19"	105° 57' 55"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
sông Mỹ Thanh	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a; C-48-68-B-b
sông Thạnh Ninh	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 28' 01"	105° 59' 19"	09° 27' 57"	105° 58' 08"	C-48-68-B-b
ấp Bung Lức	DC	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 31' 34"	106° 09' 38"					C-48-57-C-d
ấp Mô Ô	DC	xã Trung Bình	II. Trần Đề	09° 26' 00"	106° 10' 14"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Nhà Thờ	DC	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 24"	106° 11' 50"					C-48-69-(A-b+B-a)
Ấp Chợ	DC	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 53"	106° 12' 07"					C-48-69-(A-b+B-a)
Cầu Đen	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 52"	106° 11' 31"					C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 934	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-(A-b+B-a)
nhà thờ Bãi Đá	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 28"	106° 11' 51"					C-48-69-(A-b+B-a)
Nhà thờ Micae	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 54"	106° 11' 50"					C-48-69-(A-b+B-a)
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-(A-b+B-a)
bãi Hội Bình	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 26' 09"	106° 11' 06"					C-48-69-(A-b+B-a)
cửa Mỹ Thanh	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 25' 23"	106° 10' 31"					C-48-69-(A-b+B-a)
cửa Trần Đề	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 14"	106° 13' 15"					C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Bồn Bồn	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 32' 53"	106° 10' 07"	09° 29' 54"	106° 11' 31"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-57-C-d
kênh Cầu Đen	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 29' 53"	106° 11' 31"	09° 28' 14"	106° 11' 24"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Khai Hoang Ba	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 18"	106° 10' 35"	09° 26' 48"	106° 10' 07"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Khai Hoang Hai	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 52"	106° 11' 20"	09° 26' 45"	106° 10' 12"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Huỳnh	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 27' 23"	106° 10' 48"	09° 28' 08"	106° 09' 15"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Khinh	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 08"	106° 11' 55"	09° 28' 18"	106° 10' 06"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Lục	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 50"	106° 12' 20"	09° 28' 42"	106° 09' 13"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Phứt	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 27' 42"	106° 11' 42"	09° 27' 54"	106° 10' 14"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Phụ Nữ	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 47"	106° 10' 35"	09° 28' 18"	106° 10' 35"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Sáu Quế 1	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 25' 32"	106° 10' 01"	09° 29' 41"	106° 10' 17"	C-48-69-(A-b+B-a)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-57-C-d
Kênh Ba	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 31' 35"	106° 12' 00"	09° 30' 51"	106° 06' 42"	C-48-57-C-d
Kênh Hai	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d
Kênh Tư	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 30' 55"	106° 12' 20"	09° 30' 04"	106° 06' 24"	C-48-57-C-d
Kênh Xáng	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 29' 47"	106° 10' 48"	09° 31' 55"	106° 10' 34"	C-48-57-C-d; C-48-69-(A-b+B-a)
sông Bung Lức	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 29' 36"	106° 09' 47"	09° 32' 56"	106° 09' 50"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-57-C-d
sông Mỹ Thanh	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-(A-b+B-a)
Sông Hậu	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Bờ Đập	DC	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 31' 56"	106° 03' 30"					C-48-57-C-c
ấp Bung Sa	DC	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 30' 38"	106° 03' 30"					C-48-57-C-c
ấp Tiếp Nhựt	DC	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 31' 13"	106° 03' 42"					C-48-57-C-c
ấp Trà Đức	DC	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 32' 01"	106° 02' 14"					C-48-57-C-c
cầu Trà Đức	KX	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 31' 27"	106° 03' 15"					C-48-57-C-c
chùa Bông Tol Sa	KX	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 31' 05"	106° 03' 44"					C-48-57-C-c
chùa Chông Prêk	KX	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 32' 02"	106° 03' 37"					C-48-57-C-c
Đường tỉnh 934	KX	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-57-C-c
miếu Thiên Hậu Cổ Miếu	KX	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 30' 40"	106° 03' 38"					C-48-57-C-c
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
kênh Lung Lớn	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 29' 31"	106° 02' 43"	09° 28' 56"	106° 02' 21"	C-48-69-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Tắc Bướm	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
rạch Bung Sa	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 30' 36"	106° 03' 43"	09° 30' 58"	106° 02' 53"	C-48-57-C-c
rạch Tầm Du	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 30' 00"	106° 01' 40"	09° 30' 49"	106° 02' 50"	C-48-57-C-c
ấp Đào Viên	DC	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 29' 41"	106° 05' 51"					C-48-69-A-a
ấp Lao Vên	DC	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 28' 38"	106° 03' 57"					C-48-69-A-a
ấp Trà Ông	DC	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 29' 03"	106° 04' 21"					C-48-69-A-a
cầu Trà Môn	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 29' 25"	106° 06' 21"					C-48-69-A-a
cầu Viên Bình	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 30' 26"	106° 04' 48"					C-48-57-C-c
chùa Phđau Pên	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 28' 39"	106° 04' 07"					C-48-69-A-a
chùa Tà Môn	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 29' 07"	106° 05' 36"					C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 934	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-A-a; C-48-57-C-c
Đường tỉnh 936B	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-A-a
kênh Hai Nguyễn	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 27' 40"	106° 02' 47"	09° 27' 43"	106° 03' 42"	C-48-69-A-a
kênh Hưng Thạnh Tổng Cánh	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 27' 38"	106° 04' 56"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-69-A-a
kênh Lung Lớn	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 29' 31"	106° 02' 43"	09° 28' 56"	106° 02' 21"	C-48-69-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Tắc Bướm	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-69-A-a
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-A-a; C-48-57-C-c
kênh Tổng Khẩu	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 27' 19"	106° 03' 12"	09° 28' 07"	106° 03' 37"	C-48-69-A-a
kênh Trà Đuốc	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 27' 21"	106° 03' 38"	09° 28' 27"	106° 03' 57"	C-48-69-A-a
rạch Đây La	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 29' 19"	106° 02' 39"	09° 27' 40"	106° 02' 47"	C-48-69-A-a
rạch Tổng Cánh	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 29' 27"	106° 06' 20"	09° 26' 56"	106° 04' 28"	C-48-69-A-a
sông Mỹ Thanh	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa